



NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) – PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ HỒNG ĐIẾP – DƯƠNG THỊ THUÝ NGÀ – TRẦN THỊ DIỆU OANH
NGUYỄN NHẬT TÂN – TRẦN VĂN THẮNG – HOÀNG THỊ THỊNH – HOÀNG THỊ THUẬN

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

11

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Giáo dục kinh tế và pháp luật – Lớp 11

*(Kèm theo Quyết định số 2026/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2022
và Quyết định số 2321/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Họ và tên	Chức vụ Hội đồng
Ông Thái Vĩnh Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thi Khương	Phó Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Thoa	Ủy viên, Thư kí
Ông Đỗ Xuân Lân	Ủy viên
Bà Đinh Thị Phượng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Bà Phan Thị Thu Hiền	Ủy viên
Bà Trần Thị Hồng Loan	Ủy viên

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) – PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ HỒNG DIỆP – DƯƠNG THỊ THUÝ NGÀ – TRẦN THỊ DIỆU OANH
NGUYỄN NHẬT TÂN – TRẦN VĂN THẮNG
HOÀNG THỊ THINH – HOÀNG THỊ THUẬN

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

BẢN MẪU

11



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Môn *Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11* góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất và năng lực chung, cùng các năng lực đặc thù của môn học theo yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*.

Các bài học trong sách giúp học sinh củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển qua việc học tập môn Giáo dục công dân ở trung học cơ sở; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống kinh tế, pháp luật trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế, đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học.

Nội dung sách được thiết kế theo hoạt động học tập của học sinh, trong đó mỗi bài học đều theo một cấu trúc thống nhất, bao gồm phần Mở đầu, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng. Với mỗi bài học này, các em sẽ thực hiện các hoạt động học tập trên lớp, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của thầy cô giáo để tìm tòi, khám phá kiến thức mới; các em sẽ được luyện tập, củng cố để phát triển các năng lực theo yêu cầu của bài học, từ đó vận dụng, đưa nội dung bài học vào thực tiễn cuộc sống ở nhà, ở trường và xã hội.

Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 được biên soạn theo định hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh. Việc đánh giá được thực hiện căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong mỗi chủ đề bài học; kết hợp đánh giá biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.

Môn Giáo dục công dân nói chung, *Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11* nói riêng có mối quan hệ đến các môn học và hoạt động giáo dục, nhất là các môn Khoa học xã hội và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, trong đó Giáo dục kinh tế và pháp luật giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho học sinh ý thức và hành vi của người công dân, cách ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật và trách nhiệm công dân đối với đất nước.

Khi tham gia vào các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà cùng các bài học *Giáo dục kinh tế và pháp luật 11*, các em sẽ từng bước hiểu và vận dụng được những kiến thức đã học để lí giải những hiện tượng kinh tế, xã hội, pháp luật nảy sinh trong cuộc sống, xử lý những tình huống phù hợp với nhận thức, tâm sinh lí và quy định của pháp luật.

Chúc các em một năm học mới thành công!

Các tác giả

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



Mở đầu

Giới thiệu mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính thông qua hoạt động nhằm lôi cuốn học sinh vào quá trình tìm hiểu, khám phá, vận dụng kiến thức mới.



Khám phá

Phần kiến thức mới được thể hiện thông qua kênh chữ, kênh hình nhằm cung cấp thông tin để học sinh dựa vào đó xử lý thông tin thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ đã nêu trong phần mở đầu.



Câu hỏi tìm hiểu kiến thức.



Cuối mỗi hoạt động là chốt kiến thức theo yêu cầu cần đạt của bài học.



Luyện tập

Gồm những câu hỏi, bài tập giúp học sinh củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ được hình thành trong phần Khám phá; tạo điều kiện cho học sinh rèn luyện các phẩm chất và năng lực cần thiết theo yêu cầu của môn học.



Vận dụng

Gồm những bài tập để học sinh thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn trong và ngoài giờ học.

GIÁO DỤC KINH TẾ

Chủ đề 1

Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường

Chủ đề 2

Thị trường lao động, việc làm

Chủ đề 3

Thất nghiệp, lạm phát

Chủ đề 4

Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh

Chủ đề 5

Đạo đức kinh doanh

Chủ đề 6

Văn hoá tiêu dùng



CẠNH TRANH, CUNG, CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

CẠNH TRANH TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm cạnh tranh.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
- Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.
- Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.



Mở đầu

Trên thị trường, một loại sản phẩm có thể do nhiều chủ thể cùng sản xuất. Sản phẩm cùng loại có mẫu mã khác nhau, đến với người tiêu dùng bằng nhiều hình thức và có thể khác biệt về giá bán.

Em hãy nêu ví dụ về một hàng hoá được cung cấp bởi nhiều chủ thể sản xuất và cho biết sự khác biệt giữa các sản phẩm đó. Theo em, vì sao các chủ thể sản xuất luôn tạo ra sự khác biệt như vậy?



Khám phá

1. Khái niệm cạnh tranh

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Nhằm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng, nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nước giải khát Việt Nam đã lựa chọn chiến lược đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng, tìm cách giảm chi phí sản xuất và tạo ra sự khác biệt,... Với lợi thế của một nền nông nghiệp nhiệt đới cung cấp nguyên liệu trái cây bốn mùa, các nhà sản xuất Việt Nam đang dần khẳng định vị thế trên thị trường với các loại sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ thiên nhiên như nước cam, chanh, nho, nha đam,... để cạnh tranh với các sản phẩm nước trái cây nhập khẩu của các nước trên thế giới đang có mặt tại thị trường.



- a) Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nước giải khát Việt Nam đã thực hiện những hoạt động gì để tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm của mình?
- b) Theo em, những hoạt động đó có phải là cạnh tranh không? Vì sao?



Cạnh tranh là sự ganh đua giữa các chủ thể tham gia thị trường nhằm giành điều kiện thuận lợi trong sản xuất, mua bán, tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ để có thể thu về lợi ích kinh tế cao nhất.

2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Tại một chợ đầu mối chuyên kinh doanh nông sản, thực phẩm, khu vực nông sản chế biến luôn tấp nập khách mua hàng. Đây là nơi tập trung nhiều nhà sản xuất khác nhau, từ những hộ gia đình chế biến nông sản thủ công theo phương pháp truyền thống, đến các chủ trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến với công nghệ hiện đại. Mỗi nhà sản xuất đều tích cực giới thiệu những sản phẩm tốt nhất của mình cho khách hàng. Người tiêu dùng thực sự bị thu hút bởi sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, chất lượng, mẫu mã, giá cả,... Một số sản phẩm đặc sắc có lúc khan hiếm hàng do nhiều người tìm mua.

Trường hợp 2. Trong thị trường thời trang ở nước ta hiện nay có nhiều chủ thể sản xuất kinh doanh với điều kiện sản xuất khác nhau. Sự xuất hiện các doanh nghiệp thời trang nước ngoài với thế mạnh về vốn, công nghệ, mức độ chuyên nghiệp... bên cạnh các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ đáp ứng nhu cầu mua sắm ngày càng cao của người tiêu dùng, mà còn tạo ra cuộc cạnh tranh sôi động trên thị trường thời trang ở nước ta.



- a) Em hãy cho biết những chủ thể sản xuất kinh doanh nào được nhắc đến trong các trường hợp trên. Các chủ thể đó có sự khác biệt gì với nhau?
- b) Vì sao các chủ thể đó luôn phải nỗ lực chinh phục người tiêu dùng? Những yếu tố nào giúp sản phẩm thu hút được sự chú ý của người tiêu dùng?



Cạnh tranh trên thị trường diễn ra là do: các chủ thể kinh tế có sự khác biệt về hình thức sở hữu nguồn lực; các chủ thể này lại tồn tại độc lập với nhau; chủ thể nào cũng hành động trước hết vì lợi ích của mình.

Vì các nguồn lực có hạn, các điều kiện sản xuất, mua bán và tiêu dùng khác nhau nên để thực hiện được lợi ích của mình, các chủ thể kinh tế phải cạnh tranh với nhau.

Các chủ thể sản xuất luôn phải giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hoá nhằm thu được lợi nhuận cao nhất cho mình. Người tiêu dùng cũng luôn ganh đua với nhau để mua được hàng hoá rẻ hơn với chất lượng tốt hơn. Người sản xuất và người tiêu dùng cũng thường xuyên cạnh tranh với nhau để đạt được lợi ích nhiều nhất cho mình từ hoạt động trao đổi trên thị trường.

3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Doanh nghiệp H hoạt động trong lĩnh vực gia công chi tiết và các thiết bị phụ trợ cho ngành công nghiệp. Trước đây, doanh nghiệp sử dụng máy móc và công nghệ sản xuất cũ, phải qua nhiều công đoạn mới hoàn thành được sản phẩm. Trước áp lực cạnh tranh gay gắt trên thị trường hiện nay, doanh nghiệp H đã đầu tư máy móc hiện đại hơn, sử dụng dây chuyền công nghệ mới, tự động hoá một số công đoạn sản xuất. Nhờ việc hoàn thiện quy trình sản xuất, doanh nghiệp H đã rút ngắn được 1/3 thời gian sản xuất, giảm 50% nhân công vận hành, giảm chi phí nhân công 5 lần đối với mỗi sản phẩm và năng suất lao động tăng gần 5 lần so với công nghệ cũ.

Trường hợp 2. Taxi là phương tiện vận chuyển hành khách khá phổ biến tại những nơi tập trung đông dân cư. Tại các thành phố lớn, có những thời điểm, hàng chục hãng taxi khác nhau cùng hoạt động. Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ taxi luôn phải nỗ lực thực hiện nhiều cách khác nhau để có được sự lựa chọn của khách hàng như: điều động xe qua tổng đài theo cách thức truyền thống, ứng dụng phần mềm gọi xe trên điện thoại thông minh, vận hành đường dây nóng tiếp nhận phản ánh của khách hàng. Cách thức phục vụ khách hàng cũng tạo ra sự khác biệt giữa các nhà cung cấp dịch vụ. Dù đi đoạn đường ngắn hay dài, hành khách vẫn được người lái xe hướng dẫn, phục vụ tận tình.



- a) Doanh nghiệp H đã làm gì để giành thắng lợi trong cạnh tranh? Điều này có tác dụng gì đối với sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?
- b) Cạnh tranh giữa những người cung cấp dịch vụ taxi đem lại lợi ích gì cho người tiêu dùng?



Cạnh tranh có vai trò to lớn trong nền kinh tế thị trường:

Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Để giành được lợi nhuận tối đa, các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tìm cách tận dụng tốt nhất các nguồn lực và lợi thế, tích cực ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất.

Cạnh tranh tạo điều kiện để người tiêu dùng được tiếp cận hàng hoá dịch vụ chất lượng tốt, phong phú về mẫu mã, chủng loại, giá cả hợp lí. Do đó, nhu cầu của người tiêu dùng và xã hội được đáp ứng ngày càng tốt hơn.

Nhờ có cạnh tranh, các nguồn lực kinh tế được sử dụng linh hoạt và hiệu quả, cạnh tranh trở thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

4. Cạnh tranh không lành mạnh

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Hai doanh nghiệp A và B cùng sản xuất bột giặt tiêu thụ trong thành phố. Sản phẩm của doanh nghiệp A tiêu thụ rất tốt do được người tiêu dùng ưa chuộng. Để tạo thuận lợi cho việc bán hàng của mình, doanh nghiệp B đã thiết kế bao bì với tên sản phẩm, màu sắc và họa tiết gây nhầm lẫn với sản phẩm của doanh nghiệp A.

Trường hợp 2. Thấy cửa hàng bán đồ ăn của mình lượng khách lúc nào cũng ít hơn cửa hàng bán đồ ăn góc phố đối diện, bà T đã thuê người ngày nào cũng đến góc phố đối diện quấy nhiễu, gây phiền hà cho khách hàng vào những thời điểm đông khách.



- a) Theo em, hành vi của doanh nghiệp B là thể hiện cạnh tranh như thế nào? Hành vi đó vi phạm điều gì trong nguyên tắc kinh doanh?
- b) Từ các trường hợp trên, em hiểu thế nào là cạnh tranh không lành mạnh?
- c) Theo em, các chủ thể sản xuất kinh doanh cần phải làm gì để ngăn ngừa, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh?



Cạnh tranh không lành mạnh là hành vi trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực trong sản xuất, kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác. Ngăn ngừa, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh là nhiệm vụ của mỗi cá nhân, của toàn xã hội, đặc biệt là của nhà nước.



Luyện tập

- Em hãy cho biết các nhận định sau đây về cạnh tranh trong nền kinh tế là đúng hay sai. Vì sao?
 - Cạnh tranh là sự chia sẻ các nguồn lực giữa những người sản xuất kinh doanh.
 - Cạnh tranh luôn diễn ra giữa các chủ thể trong nền kinh tế thị trường.
 - Cạnh tranh là sự phối hợp giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ hàng hoá.
 - Cạnh tranh là sự ganh đua tìm kiếm cơ hội thuận lợi của các chủ thể trong hoạt động kinh tế để thu về lợi ích kinh tế cao nhất.
 - Mục đích cao nhất của cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là nhằm phát huy năng lực sáng tạo của con người.
- Em hãy chỉ ra những nhận định đúng về nguyên nhân cạnh tranh trong các câu sau và giải thích vì sao.
 - Cạnh tranh nảy sinh do sự tồn tại các chủ thể kinh tế với các hình thức sở hữu nguồn lực khác nhau, độc lập với nhau, tự do sản xuất, kinh doanh.
 - Cạnh tranh xuất hiện là do sự giành giật các điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hoá của các chủ thể kinh tế để thu được lợi ích cao nhất cho mình.
 - Cạnh tranh xuất hiện là do sự phối hợp giữa các chủ thể kinh tế nhằm cùng thu được lợi ích trong hoạt động kinh tế.
 - Cạnh tranh diễn ra do điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau.
- Em hãy phân tích vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế qua những trường hợp dưới đây:
 - Các công ty sản xuất bánh mứt kẹo trong nước bán ra thị trường nhiều sản phẩm mới, đa dạng về mẫu mã, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của các gia đình dịp Tết.

- B. Nhiều doanh nghiệp sản xuất đồ điện tử gia dụng nội địa tập trung đầu tư vào cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm, chiếm lĩnh thị trường trong nước.
- C. Những năm gần đây, nhờ áp dụng quy trình sản xuất sạch và tích cực quảng bá, giới thiệu sản phẩm, các loại trái cây tươi và sản phẩm chế biến từ trái cây nhiệt đới của Việt Nam đã chinh phục được thị trường ở nhiều nước phát triển.
- D. Nhờ khai thác tốt lực lượng lao động thủ công có tay nghề giỏi, làng dệt lụa truyền thống tỉnh H vẫn duy trì được thị trường phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước.
4. Trong thời gian qua, việc kinh doanh của công ty H có dấu hiệu thua kém công ty K về doanh thu và lợi nhuận. Giám đốc công ty H đã tìm nhiều cách khắc phục. Ông đã cắt giảm chi phí sản xuất bằng cách tìm mua nguyên vật liệu có chất lượng kém hơn, nguồn gốc không rõ ràng.

Em đồng tình hay không đồng tình với hành động của giám đốc công ty H trong tình huống này? Vì sao?

Vận dụng

1. Em và các bạn đóng vai người bán cùng một mặt hàng. Hãy thuyết phục để người mua lựa chọn sản phẩm của em. (Gợi ý: cân nhắc về mức giá, chất lượng sản phẩm, cách thức thanh toán, điều kiện giao hàng,...).
2. Em hãy thiết kế sản phẩm để phê phán các biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh và chia sẻ thông điệp với các bạn trong lớp.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.
- Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung.
- Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.
- Phân tích được quan hệ cung – cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.



Mở đầu

Trên thị trường, mục đích của chủ thể sản xuất kinh doanh là bán được sản phẩm để thu lợi nhuận. Sản phẩm đưa ra bán gắn với cung. Trong khi đó, mục đích của chủ thể tiêu dùng là mua được sản phẩm phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của mình. Việc mua và sử dụng sản phẩm gắn với cầu. Cung và cầu là hai yếu tố cơ bản của thị trường. Cung và cầu về một loại hàng hoá, dịch vụ trên thị trường có thể biến động tại những thời điểm khác nhau.

Em hãy nêu ví dụ về sự thay đổi của nhu cầu tiêu dùng một số loại hàng hoá, dịch vụ vào những dịp lễ, Tết ở Việt Nam. Theo em, các chủ thể sản xuất kinh doanh sẽ làm gì để đáp ứng sự thay đổi đó?



Khám phá

1. Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

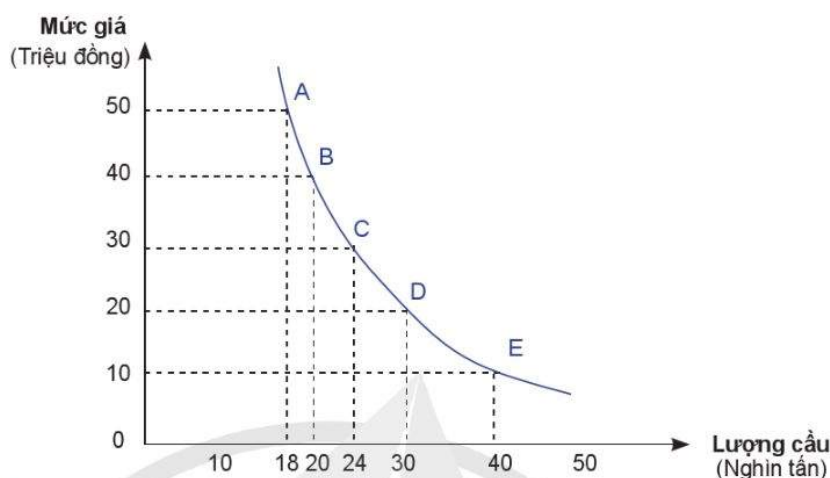
a. Khái niệm cầu

Em hãy đọc trường hợp sau đây và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Giả định trong một năm, người tiêu dùng (với mức thu nhập xác định) tại một thành phố mua mặt hàng X với khối lượng và mức giá tương ứng như sau:

Giá bán (triệu đồng/tấn)	50	40	30	20	10
Lượng cầu (nghìn tấn/tháng)	18	20	24	30	40

Đồ thị



Đồ thị về mối quan hệ giữa lượng cầu và mức giá của mặt hàng X



- Em hãy cho biết giá cả ảnh hưởng như thế nào đến lượng hàng hoá được mua.
- Nếu người tiêu dùng có nhu cầu về mặt hàng X nhưng không có khả năng chi trả thì có tạo thành cầu về mặt hàng này được không?
- Nếu người tiêu dùng có khả năng chi trả nhưng không có nhu cầu sử dụng hàng hoá X thì có được gọi là cầu về mặt hàng này không?



Cầu là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng có khả năng mua và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định.

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, thu nhập bình quân của người dân tăng lên. Điều này làm cho cầu tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ thông thường của họ cũng tăng lên. Tuy nhiên, khi các hoạt động kinh tế gặp khó khăn do tác động của thiên tai và sự bất ổn của thị trường thế giới, nền kinh tế rơi vào suy thoái. Hệ quả là nhiều người mất việc làm, mức thu nhập trung bình giảm xuống. Trong bối cảnh đó, người tiêu dùng phải cân nhắc hơn trước khi mua các hàng hoá, dịch vụ.

Trường hợp 2. Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động làm giá xăng dầu tăng lên, với mức thu nhập không đổi, nhiều người tiêu dùng ở thành phố đã phải cân nhắc khi sử dụng phương tiện giao thông. Thay vì sử dụng phương tiện ô tô, xe máy cá nhân hoặc taxi, nhiều người đã lựa chọn dùng phương tiện công cộng như xe buýt.

Trường hợp 3. Xu hướng tiêu dùng “sản phẩm xanh” đang dần trở thành phổ biến ở Việt Nam. Người tiêu dùng ngày càng chọn mua nhiều hơn các sản phẩm có yếu tố “xanh”, lựa chọn các phương thức tiêu dùng bền vững, thân thiện với môi trường. Đây là những thay đổi tích cực của xu hướng tiêu dùng, làm cho cộng đồng “người tiêu dùng xanh” ngày càng trở nên đông đảo.



- a) Em hãy xác định các nhân tố ảnh hưởng đến cầu hàng hoá, dịch vụ trong mỗi trường hợp nêu trên.
- b) Ngoài các nhân tố trên, theo em còn có những nhân tố nào khác ảnh hưởng đến cầu về hàng hoá, dịch vụ trên thị trường?



Cầu về một loại hàng hoá và dịch vụ phụ thuộc trước hết vào giá cả của chính hàng hoá, dịch vụ đó trên thị trường tại một thời điểm xác định. Ngoài ra, còn có những yếu tố khác ảnh hưởng đến cầu hàng hoá, dịch vụ như:

Thu nhập của người tiêu dùng: Thu nhập trung bình của người tiêu dùng tăng thì cầu về hàng hoá, dịch vụ cũng tăng và ngược lại.

Giá cả hàng hoá khác, bao gồm những hàng hoá có khả năng thay thế, hoặc bổ sung cho việc tiêu dùng hàng hoá đó.

Dự đoán của người tiêu dùng về thị trường: Mặc dù giá một hăng hoá nào đó tăng nhưng người mua vẫn tiếp tục tăng mua hàng hoá đó vì họ dự đoán giá sẽ còn tăng nữa.

Tâm lí, tập quán và thị hiếu của người tiêu dùng. Thị hiếu của người tiêu dùng trong những giai đoạn khác nhau có ảnh hưởng khác nhau tới cầu về một số loại hàng hoá.

Dân số: Khi dân số tăng dẫn đến cầu về hàng hoá tăng.

2. Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung

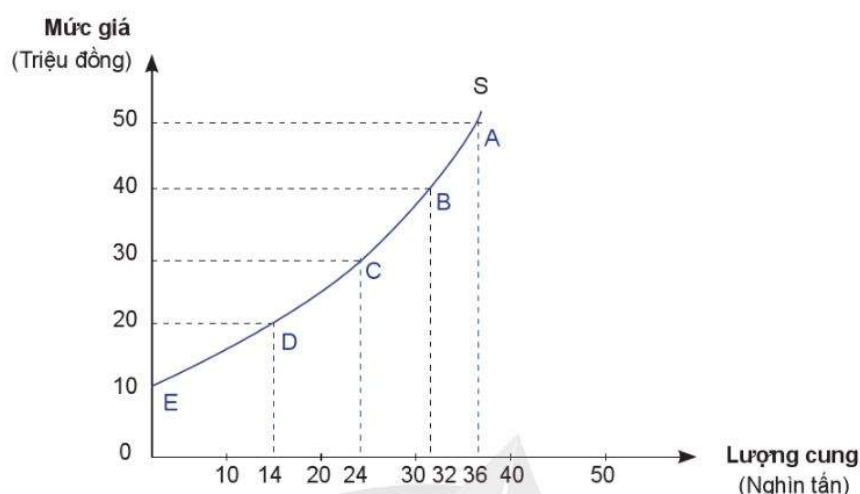
a. Khái niệm cung

Em hãy đọc trường hợp sau đây và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Giả định trong một năm, người kinh doanh mặt hàng X của một thành phố bán mặt hàng đó với khối lượng và mức giá tương ứng như sau:

Giá bán (triệu đồng/tấn)	10	20	30	40	50
Lượng cung (nghìn tấn/tháng)	0	14	24	32	36

Đồ thị



Đồ thị về mối quan hệ giữa lượng cung và mức giá của mặt hàng X



- Em hãy cho biết giá cả ảnh hưởng như thế nào đến lượng hàng hoá bán ra.
- Em có nhận xét gì về lượng hàng hoá X bán ra tại mức giá 10 triệu đồng/tấn? Tại mức giá đó có cung không? Vì sao?
- Nếu người kinh doanh có hàng hoá X nhưng chưa muốn bán ra thị trường thì có tạo thành cung về mặt hàng này không?



Cung là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người bán có khả năng bán và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định.

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung

Em hãy đọc trường hợp, thông tin và trả lời câu hỏi.

Trường hợp 1. Trong bối cảnh khan hiếm nguồn nguyên liệu, giá cả các yếu tố sản xuất tăng cao, một số doanh nghiệp phải tăng chi phí để mua đủ nguyên liệu phục vụ sản xuất. Một số doanh nghiệp khác chấp nhận tình trạng sản xuất gián đoạn do không chuẩn bị đủ nguyên liệu đầu vào.

Trường hợp 2. Vào thời điểm gần Tết Trung thu, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường.

Thông tin. Nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tại khu vực nông thôn, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ gồm miễn, giảm tiền thuê đất và hỗ trợ tín dụng đầu tư. Theo đó, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại để thực hiện dự án. Nhờ có những chính sách trên, nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư vốn vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông, lâm nghiệp thủy sản.

(Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *mpi.gov.vn*)



- a) Em hãy xác định các nhân tố ảnh hưởng đến cung hàng hoá, dịch vụ trong mỗi trường hợp và thông tin trên.
- b) Theo em, còn những nhân tố nào khác có thể ảnh hưởng đến cung hàng hoá, dịch vụ trên thị trường?



Cung về một loại hàng hoá và dịch vụ phụ thuộc trước hết vào giá cả của ngành hàng hoá đó trên thị trường tại một thời điểm xác định. Ngoài ra, còn có những yếu tố khác ảnh hưởng đến cung của hàng hoá, dịch vụ như:

Giá cả các yếu tố sản xuất: Nếu giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất như tiền công, giá nguyên vật liệu, tiền thuê đất,... giảm giá thì giá thành hàng hoá giảm nên sản xuất có lãi, dẫn đến tăng cung và ngược lại

Trình độ công nghệ sản xuất: Nếu công nghệ và kỹ thuật hiện đại thì năng suất lao động tăng và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá giảm. Như vậy sẽ có số lượng hàng hoá sản xuất và cung ứng nhiều hơn so với lao động thủ công.

Dự đoán của người bán về thị trường: Nếu dự báo giá tăng, người sản xuất hi vọng có lợi, họ sẽ tăng cung và ngược lại.

Số lượng người bán trên thị trường: Nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá càng nhiều thì cung về loại hàng hoá càng lớn và ngược lại. (Thuế mặt hàng nào đó), lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng, làm mức cung hàng hoá đó tăng lên và ngược lại.

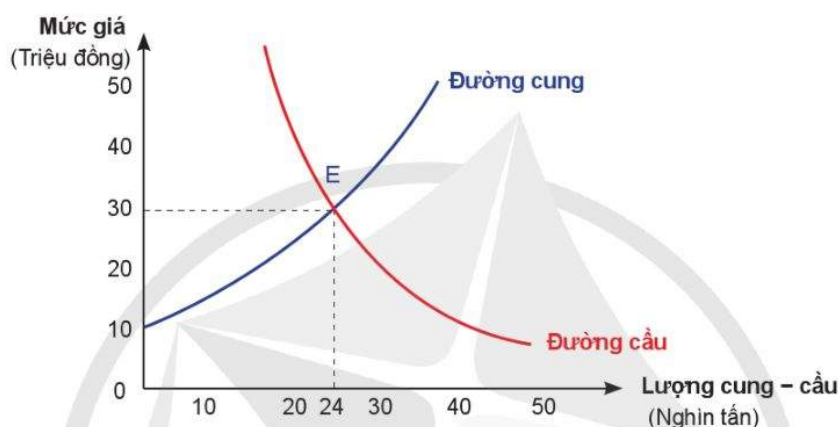
3. Mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế

Em hãy đọc trường hợp, quan sát đồ thị và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Thị trường hàng hoá X ở một thành phố trong năm nay có những biến động tại một số thời điểm, làm cho giá cả biến động theo. Tại các mức giá khác nhau, lượng sản phẩm được mua bán như sau:

Giá bán (Triệu đồng/tấn)	Lượng cầu (Nghìn tấn/tháng)	Lượng cung (Nghìn tấn/tháng)
50	18	36
40	20	32
30	24	24
20	30	14
10	40	0

Đồ thị



Đồ thị: Mối quan hệ cung – cầu của mặt hàng X



- Em có nhận xét gì về lượng cung, lượng cầu mặt hàng X tại các mức giá trong bảng số liệu?
- Thị trường đạt trạng thái như thế nào tại mức giá 30 triệu đồng/tấn? Tại mức giá đó, mối tương quan giữa lượng cung và lượng cầu như thế nào?
- Theo em, khi thị trường có trạng thái cung lớn hơn cầu, người sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng sẽ đưa ra lựa chọn như thế nào?
- Em có nhận xét gì về vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế?



Trên thị trường, cung – cầu thường xuyên tác động lẫn nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả. Nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá cả tăng cao hơn giá trị; ngược lại, nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả hạ xuống thấp hơn giá trị; nếu cung bằng cầu thì giá cả bằng với giá trị. Tại mức giá cân bằng, lượng hàng hoá mà người tiêu dùng muốn mua đúng bằng lượng hàng hoá mà người sản xuất muốn bán.

Cung – cầu có tác dụng điều tiết quan hệ giữa sản xuất và lưu thông hàng hoá; làm thay đổi cơ cấu và quy mô thị trường, ảnh hưởng tới giá cả của hàng

hoá. Căn cứ vào quan hệ cung – cầu, có thể dự đoán xu thế biến động của giá cả. Ở đâu có thị trường thì ở đó quan hệ cung – cầu tồn tại và hoạt động một cách khách quan.



Luyện tập

- Em đồng tình hay không đồng tình với các nhận định dưới đây về cầu hàng hoá, dịch vụ? Vì sao?
 - Cầu là nhu cầu về hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng muốn mua.
 - Khi người tiêu dùng có khả năng mua và sẵn sàng mua một loại hàng hoá, dịch vụ tại các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định thì tạo thành cầu về hàng hoá dịch vụ đó.
- Em hãy xác định nhân tố ảnh hưởng tới cầu về hàng hoá, dịch vụ trong những trường hợp sau đây:
 - Cứ vào dịp Tết, cầu về hoa đào, hoa mai và cây cảnh ở Việt Nam tăng cao.
 - Do tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, cầu về hải sản trên thị trường tăng lên.
 - Do mức sống được cải thiện dần, cầu về hàng tiêu dùng như ti vi, tủ lạnh, máy giặt,... đang tăng lên.
 - Mặc dù giá cả cổ phiếu có xu hướng tăng, nhiều nhà đầu tư vẫn quyết định mua thêm một số loại cổ phiếu.
- Em hãy xác định hoạt động kinh tế nào dưới đây tạo thành cung hàng hoá trên thị trường. Vì sao?
 - Hàng tháng, xí nghiệp dệt ở thành phố N sản xuất được 2 triệu mét vải để đưa ra thị trường.
 - Quần áo của hãng thời trang X được bày bán ở các cửa hàng thời trang.
 - Các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ chuẩn bị thu hoạch quả thanh long để xuất khẩu sang châu Âu.
 - Vườn nhà bạn H trồng nhiều loại cây ăn quả khác nhau. Mùa nào thức ấy, nhà H có nhiều loại trái cây để ăn và biếu họ hàng, bạn bè.
- Gia đình H có nguồn thu nhập chính từ kinh doanh mặt hàng may mặc. Hiện nay trên thị trường, cung về mặt hàng này lớn hơn cầu. Gia đình H dự định chuyển đổi sang kinh doanh mặt hàng mới chưa có nhiều người kinh doanh.

a) Theo em, trường hợp nêu trên đề cập đến vai trò gì của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế?

b) Lựa chọn của gia đình H có hợp lý không? Vì sao?

c) Gia đình H còn có thể lựa chọn phương án nào dưới đây? Giải thích vì sao.

A. Tạm ngừng kinh doanh mặt hàng này và chờ đợi thị trường hồi phục.

B. Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, mở rộng kinh doanh các sản phẩm may mặc.

C. Đẩy mạnh việc tuyên truyền và quảng bá sản phẩm may mặc của gia đình.

5. Em hãy xác định nhân tố ảnh hưởng tới cung về hàng hoá, dịch vụ trong những trường hợp sau đây:

A. Đón đầu mùa du lịch hè, các doanh nghiệp lữ hành đã tung ra thị trường nhiều dịch vụ du lịch hấp dẫn.

B. Do giá xăng dầu tăng cao mà cước phí dịch vụ không tăng theo tương ứng, cung dịch vụ taxi của thành phố giảm sút.

C. Từ khi công nghệ mới được áp dụng trong nhà máy sản xuất đường mía thay thế các lò sản xuất đường thủ công, cung về đường trên thị trường tăng mạnh.

D. Do nhiều hộ nông dân ở Tây Nguyên chuyển đổi vườn cà phê sang trồng hồ tiêu, cung hồ tiêu Việt Nam những năm tiếp theo tăng mạnh.

E. Cung xe ô tô lắp ráp trong nước tăng lên khi Nhà nước ban hành những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tăng tỉ lệ nội địa hoá phụ tùng sản xuất ô tô.

Vận dụng

1. Em hãy sưu tầm thông tin về tình hình cung, cầu một hàng hoá, dịch vụ thiết yếu trên thị trường và chia sẻ với các bạn cùng lớp.

2. Em viết bài phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu một hàng hoá, dịch vụ trên thị trường vào dịp Tết.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các khái niệm: lao động, thị trường lao động.
- Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.
- Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động.

**Mở đầu**

Trong nền kinh tế thị trường, việc phát triển thị trường lao động hiện đại và hội nhập có ý nghĩa quan trọng góp phần huy động, phân bổ và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

Em hãy liệt kê và chia sẻ với các bạn thông tin về những ngành nghề có nhu cầu lớn về tuyển dụng lao động ở Việt Nam hiện nay.

**Khám phá****1. Khái niệm lao động**

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi



(Nguồn: Báo Điện tử Chính phủ baochinhpvu.vn)

Thông tin. Bắt đầu từ nguồn vốn vay ưu đãi của ngân hàng, gia đình anh Hồ Lâm ở bản Hưng, xã Trọng Hoá, huyện Minh Hoá (Quảng Bình) nhận đất để trồng rừng. Hiện nay, gia đình anh Lâm có gần bảy hec-ta rừng keo lai. Dưới tán rừng, gia đình anh Lâm

nuôi bò, lợn rừng lai. Đến nay, gia đình anh Lâm có thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm từ khai thác rừng trồng và chăn nuôi gia súc.

(Theo Hương Giang, *Phát triển kinh tế rừng theo hướng bền vững*, nhandan.vn, ngày 25/11/2020)



- Những người lao động trong các hình ảnh và thông tin trên làm việc trong khu vực nào của nền kinh tế?
- Để tạo ra sản phẩm, người lao động phải làm gì?
- Sản phẩm họ làm ra được sử dụng nhằm mục đích gì?



Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của đời sống.

2. Khái niệm thị trường lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 3 (Trích)

1. Người lao động là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thoả thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

Độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi, trừ trường hợp quy định tại Mục 1, Chương XI của Bộ luật này.

2. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thoả thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

5. Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động, người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quan hệ lao động bao gồm quan hệ lao động cá nhân và quan hệ lao động tập thể.

Trường hợp. Để đảm bảo việc sản xuất các đơn hàng cuối năm kịp tiến độ, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh A đã đưa ra các chế độ chính sách đãi ngộ đối với người lao động như: tăng lương, đóng bảo hiểm, chi tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhà ở, tiền hỗ trợ nuôi con dưới 6 tuổi, tiền hỗ trợ đi lại,... nhằm thu hút lao động. Nhờ đó, các doanh nghiệp này đã tuyển dụng đủ lao động để tiến hành các hoạt động sản xuất.



- Thế nào là người lao động, người sử dụng lao động?
- Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động được thực hiện theo nguyên tắc nào? Dựa trên cơ sở nào?
- Ngoài tiền lương, người sử dụng lao động còn phải đảm bảo những gì cho người lao động?



Thị trường lao động là nơi diễn ra các quan hệ thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương, điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Trong quý I năm 2022, trong tổng số 50,0 triệu lao động có việc làm tại Việt Nam, lao động trong khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng 38,7%, tương đương 19,4 triệu người, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng 33,5%, tương đương 16,8 triệu người, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 27,8%, tương đương 13,9 triệu người. So với quý trước và cùng kì năm trước, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều giảm lần lượt là 426,8 nghìn người và 192,2 nghìn người; lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 82,7 nghìn người so với quý trước nhưng tăng 661,3 nghìn người so với cùng kì năm trước; lao động trong ngành dịch vụ tăng mạnh so với quý trước (gần 1,5 triệu người) nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kì năm trước 336,8 nghìn người.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý I năm 2022*, gso.gov.vn, ngày 12/4/2022)

Thông tin 2. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2021

Năm	Tỉ lệ (%)
2011	15,60
2012	16,70
2013	18,20
2014	18,70
2015	20,40
2016	20,90
2017	21,60
2018	22,00
2019	22,80
2020	24,05
Sơ bộ 2021	26,10

(Theo Tổng cục Thống kê, *Thống kê lao động việc làm giai đoạn 2011 – 2021*, gso.gov.vn)



- Từ thông tin 1, em hãy so sánh tỉ trọng lao động giữa các khu vực của nền kinh tế?
- Từ thông tin 1, 2, em hãy chỉ ra xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.



Hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường diễn ra theo ba xu hướng cơ bản sau:

- Lao động trong nông nghiệp giảm, lao động trong công nghiệp và dịch vụ tăng.

– Lao động được đào tạo ngày một tăng và chiếm ưu thế so với lao động chưa qua đào tạo trong tổng lao động xã hội.

– Tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ tăng nhanh hơn tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất.



Luyện tập

1. Em hãy cho biết những nhận định dưới đây là đúng hay sai. Vì sao?

- A. Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người tác động vào tự nhiên để tạo ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu của đời sống.
- B. Lao động là hoạt động tác động vào tự nhiên một cách đơn giản, tự phát của con người để tạo ra của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu của đời sống.
- C. Thị trường lao động là nơi diễn ra các quan hệ thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương, điều kiện làm việc dựa trên cơ sở hợp đồng lao động.
- D. Thị trường lao động là nơi người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận về tiền lương, điều kiện làm việc nhưng không dựa trên cơ sở hợp đồng lao động.

2. Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

5 NHÓM NGÀNH CÓ NHU CẦU TUYỂN DỤNG NHIỀU NHẤT



XU HƯỚNG TUYỂN DỤNG

48,1%	Có trình độ Đại học
29,1%	Có trình độ Cao đẳng và Trung cấp
70,6%	Vị trí nhân viên
20,0%	Vị trí quản lý bậc trung
67,2%	Muốn mức lương: 5 – 10 triệu đồng/tháng
14,1 %	Muốn mức lương 10 – 15 triệu đồng/tháng

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI ĐI TÌM VIỆC

52,3 %	Có trình độ Đại học
44,7%	Có trình độ Cao đẳng và Trung cấp
71,8%	Tìm việc ở vị trí nhân viên
16,3%	tìm việc ở vị trí quản lý bậc trung
53,8%	Muốn mức lương 5 – 10 triệu đồng/tháng
32,2%	Muốn mức lương 10 – 15 triệu đồng/tháng
57,4%	từ 20 – 29 tuổi
36,6%	từ 30 đến 39 tuổi



(Theo Bản tin Thị trường lao động Việt Nam quý III – 2022, gso.gov.vn)

Em hãy đánh giá xu hướng tuyển dụng lao động theo ngành nghề và theo trình độ quý III/2022?

3. Em hãy xây dựng và chia sẻ với các bạn kế hoạch của bản thân trong học tập và rèn luyện nhằm hoàn thiện, nâng cao kiến thức, khả năng, kỹ năng của bản thân để có thể đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong tương lai.



Vận dụng

Em hãy cùng các bạn xây dựng kịch bản và tổ chức một buổi tọa đàm về xu hướng của thị trường lao động trong tương lai.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các khái niệm: việc làm, thị trường việc làm.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.
- Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.



Mở đầu

Trong nền kinh tế thị trường, việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mỗi cá nhân cũng như nền kinh tế. Đối với mỗi cá nhân, việc làm tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Đối với nền kinh tế, duy trì việc làm đầy đủ là một trong những mục tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng.

Em hãy liệt kê những việc làm có nhu cầu tuyển dụng cao hiện nay và chia sẻ với các bạn về việc làm mà em yêu thích



Khám phá

1. Khái niệm việc làm

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. 6 tháng đầu năm 2022, số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,3 triệu người, tăng 417,0 nghìn người so với cùng kì năm trước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động là 6,5 triệu đồng, trong đó thu nhập bình quân tháng của người lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo là 7,3 triệu đồng, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt là 9,6 triệu đồng, ngành vận tải kho bãi là 8,7 triệu đồng, ngành dịch vụ lưu trú ăn uống là 6,1 triệu đồng; thu nhập bình quân tháng của người lao động làm công hưởng lương là 7,4 triệu đồng.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý II và 6 tháng đầu năm 2022*, gso.gov.vn, ngày 06/07/2022)

Thông tin 2. Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài (giai đoạn 2010 – 2017) của Ủy ban Về các vấn đề xã hội cho thấy, giai đoạn 2010 – 2017, cả nước có 821 862 người lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Theo kết quả giám sát, bình quân thu nhập (kể cả làm thêm) của người lao động làm việc ở Trung Đông là 400 – 600 USD/tháng, ở Đài Loan là 700 – 800 USD/tháng, ở Hàn Quốc, Nhật Bản 1 000 – 1 200 USD/tháng.

(Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Nâng cao chất lượng lao động xuất khẩu*, molisa.gov.vn, ngày 01/01/2019)

Thông tin 3. Tại Việt Nam, các loại hình kinh tế đêm đã được triển khai ở một số thành phố lớn thể hiện ở mô hình các khu chợ đêm, phố ăn đêm, các chuỗi cửa hàng tiện lợi 24/24, các tuyến phố đi bộ,... Các loại hình dịch vụ phong phú, đa dạng của kinh tế ban đêm luôn đòi hỏi số lượng lao động lớn không chỉ dừng lại ở nhân công bồi bàn, đầu bếp, phục vụ quán ăn, nhà hàng mà còn cần một số lượng lớn nhân công vận tải, lái xe, kỹ sư, bảo vệ, quản lý, nhân công vệ sinh, kỹ thuật, chuyên gia hỗ trợ công nghệ thông tin, nghệ sĩ biểu diễn, nhân công tổ chức sự kiện,...

(Theo Bùi Thị Liên, *Phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam – cân trọng những góc tối*, www.chinhphu.vn, ngày 05/10/2020)



- Từ các thông tin trên, em hãy cho biết việc làm là những hoạt động lao động diễn ra dưới hình thức nào, ở đâu, khi nào?
- Từ thông tin 1, 2, em hãy cho biết người lao động nhận được gì khi có việc làm?
- Theo em, thế nào là việc làm?



Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

Trong nền kinh tế thị trường, việc làm tồn tại dưới nhiều hình thức, không giới hạn về không gian, thời gian.

2. Khái niệm thị trường việc làm

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Trong 5 tháng đầu năm 2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức 10 phiên giao dịch việc làm. Ngoài ra, Sở đã phối hợp với ba doanh nghiệp có nhu cầu tuyển số lượng lớn lao động để tổ chức các phiên giao dịch việc làm tại doanh nghiệp. Tổng các phiên giao dịch việc làm đã giải quyết cho 23 549 lao động có việc làm ổn định.

(Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Đồng Tháp giải quyết việc làm cho hơn 23 500 lao động*, molisa.gov.vn, ngày 09/6/2022)

Thông tin 2. Sáng ngày 19/9, tại Hà Nội, Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thái Nguyên, Lai Châu, Bắc Kạn, Lạng Sơn tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tuyến. Tại phiên giao dịch, có 83 doanh nghiệp tham gia với 11 523 chỉ tiêu việc làm tuyển dụng. Trong số 11 523 chỉ tiêu việc làm tuyển dụng, các vị trí việc làm có thu nhập từ 15 triệu đồng trở lên chiếm tỉ lệ 19%, các vị trí việc làm có thu nhập từ 10 triệu đồng đến dưới 15 triệu đồng chiếm tỉ lệ 37%, các vị trí việc làm có thu nhập dưới 7 triệu đồng chiếm tỉ lệ 16% và các vị trí tuyển dụng lương theo thỏa thuận chiếm tỉ lệ 10%.

(Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Phiên giao dịch việc làm trực tuyến các tỉnh phía Bắc*, molisa.gov.vn, ngày 20/9/2022)



- a) Em hãy cho biết có những chủ thể kinh tế nào tham gia phiên/sàn giao dịch việc làm?
- b) Trong các chủ thể kinh tế đó, bên nào là bên tạo việc làm (bên cung), bên nào là bên đáp ứng nhu cầu của vị trí việc làm (bên cầu), bên nào là bên trung gian?



Thị trường việc làm là nơi thực hiện các quan hệ thỏa thuận giữa người tạo việc làm (người sử dụng lao động) và người có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc làm (người lao động) về việc làm, tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Trong quý II năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 51,6 triệu người, tăng hơn 0,4 triệu người so với quý trước và tăng gần 0,6 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,5 triệu người, tăng 504,6 nghìn người so với quý trước và tăng 701,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là gần 1,1 triệu người, giảm 41,6 nghìn người so với quý trước và giảm 112,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý II và 6 tháng đầu năm 2022*, gso.gov.vn, ngày 06/7/2022)

Thông tin 2. Luật việc làm năm 2013

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về việc làm

1. Có chính sách phát triển kinh tế – xã hội nhằm tạo việc làm cho người lao động, xác định mục tiêu giải quyết việc làm trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội; bố trí nguồn lực để thực hiện chính sách về việc làm.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia tạo việc làm và tự tạo việc làm có thu nhập từ mức lương tối thiểu trở lên nhằm góp phần phát triển kinh tế – xã hội, phát triển thị trường lao động.

3. Có chính sách hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động và bảo hiểm thất nghiệp.

4. Có chính sách đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gắn với việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

5. Có chính sách ưu đãi đối với ngành, nghề sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hoặc sử dụng nhiều lao động phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội.

6. Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số.

Điều 23. Nội dung thông tin thị trường lao động

1. Tình trạng, xu hướng việc làm.

2. Thông tin về cung cầu lao động, biến động cung cầu lao động trên thị trường lao động.

3. Thông tin về lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Thông tin về tiền lương, tiền công.

Điều 36. Dịch vụ việc làm

1. Dịch vụ việc làm bao gồm: tư vấn, giới thiệu việc làm; cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; thu thập, cung cấp thông tin về thị trường lao động.

2. Tổ chức dịch vụ việc làm bao gồm trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.



a) Từ thông tin 1, em hãy cho biết tương quan giữa cung lao động và số lượng việc làm tại Việt Nam trong quý II năm 2022.

b) Từ thông tin 2, em hãy cho biết chính sách của Nhà nước về việc làm, thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm có vai trò như thế nào trong việc gắn kết thị trường việc làm với thị trường lao động?

c) Từ thông tin 1, 2, em hãy cho biết mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động là gì?



Thị trường việc làm và thị trường lao động có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng và ngược lại, khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động.

Thông qua các thông tin về lao động, việc làm, người lao động có thông tin về việc làm trên thị trường việc làm để tìm việc làm và ngược lại, người sử dụng lao động có thông tin về lao động trên thị trường lao động để tuyển dụng lao động. Việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động sẽ góp phần gia tăng việc làm, giảm thất nghiệp.



Luyện tập

1. Em hãy cho biết những nhận định dưới đây là đúng hay sai?
 - A. Việc làm là hoạt động có mục đích của con người để tạo ra thu nhập.
 - B. Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.
 - C. Thị trường việc làm là nơi thực hiện các quan hệ thoả thuận giữa người tạo việc làm và người có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc làm về tiền lương và các điều kiện làm việc.
 - D. Thị trường việc làm là nơi thực hiện các quan hệ thoả thuận giữa người tạo việc làm (người sử dụng lao động) và người có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc làm (người lao động) về tiền lương, vị trí việc làm và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

2. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1

Năm 2021, số lao động từ 15 tuổi trở lên tại tỉnh A là 1,6 triệu người; số vị trí việc làm là 1,1 triệu việc làm.

Trường hợp 2

Năm 2021, số lao động từ 15 tuổi trở lên tại tỉnh B là 1,2 triệu người; số vị trí việc làm là 1,5 triệu việc làm.

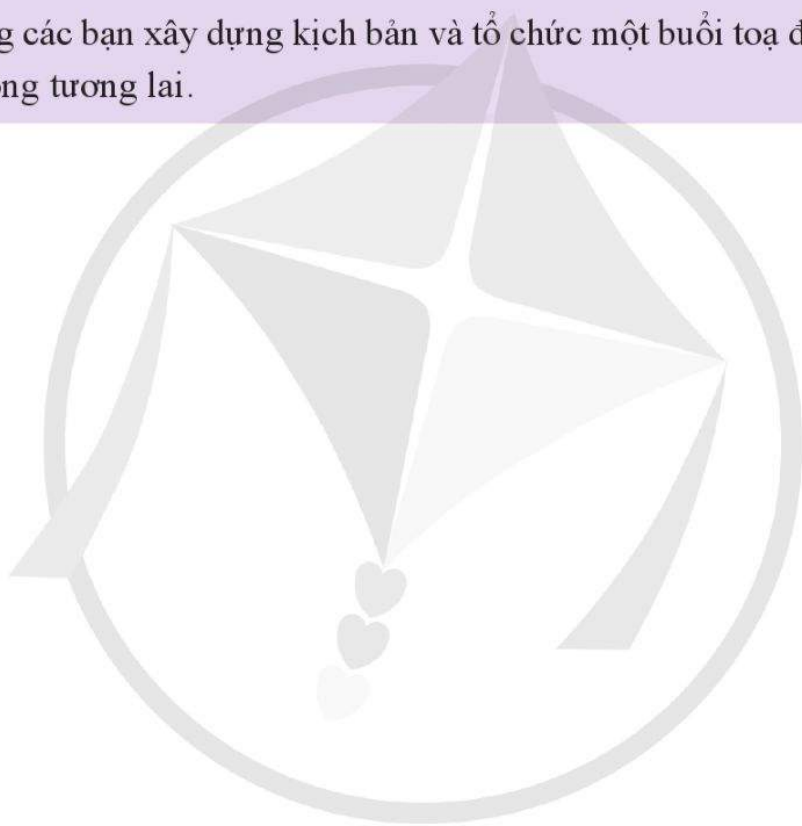
a) Em hãy đánh giá tương quan giữa lao động và việc làm trong từng trường hợp.

b) Em hãy rút ra nhận xét về mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.

3. Em hãy tìm hiểu thông tin trên thị trường việc làm tại nơi em sinh sống, xác định mục tiêu nghề nghiệp cho mình, tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, xây dựng kế hoạch hoàn thiện bản thân để lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp trong tương lai và chia sẻ với các bạn trong lớp.

Vận dụng

1. Em hãy tìm hiểu về tình hình việc làm tại địa phương nơi em sinh sống và chia sẻ thông tin với các bạn trong lớp.
2. Em hãy cùng các bạn xây dựng kịch bản và tổ chức một buổi tọa đàm về xu hướng việc làm trong tương lai.



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm thất nghiệp.
- Liệt kê được các loại hình thất nghiệp.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.
- Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.
- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.
- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.



Mở đầu

Thất nghiệp là hiện tượng kinh tế – xã hội thường xảy ra trong nền kinh tế thị trường và là mối quan tâm của toàn xã hội.

Hãy nêu ví dụ về một trường hợp thất nghiệp mà em biết và chia sẻ với các bạn về hậu quả của thất nghiệp đối với trường hợp đó.



Khám phá

1. Khái niệm thất nghiệp

Em hãy quan sát sơ đồ, đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Sơ đồ

DÂN SỐ	Trong độ tuổi lao động	Lực lượng lao động	Có việc làm
		Ngoài lực lượng lao động (ốm đau, nội trợ, không muốn tìm việc)	Thất nghiệp
	Ngoài độ tuổi lao động		

Mối quan hệ giữa dân số, nguồn lao động, lực lượng lao động, lao động có việc làm và thất nghiệp

Thông tin 1. Theo Bộ LĐ-TB&XH, hàng năm số lao động hết hạn hợp đồng trở về nước khá lớn. Với kinh nghiệm tích lũy được, khi trở về, họ là nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ thị trường trong nước. Với những ưu thế về kỹ năng, kinh nghiệm, tác phong làm việc công nghiệp và trình độ ngoại ngữ, những người từng đi xuất khẩu lao động được xem là nguồn lao động có tay nghề, chất lượng cao. Tuy nhiên, có một nghịch lý là nhiều lao động sau khi hết hợp đồng làm việc tại nước ngoài trở về nước vẫn không tìm được việc làm phù hợp, dù đã được đào tạo và có kỹ năng nghề cao. Trong khi đó, rất nhiều doanh nghiệp trong nước lại đang thiếu hụt lao động có tay nghề, trình độ.

(Theo Bộ LĐ-TBXH, *Phát huy hiệu quả nguồn nhân lực xuất khẩu lao động về nước*, molisa.gov.vn, ngày 21/11/2018)

Thông tin 2. Trong 6 tháng đầu năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 51,4 triệu người, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động là 68,3%; số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,3 triệu người, tăng 417,0 nghìn người so với cùng kì năm trước; số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là gần 1,1 triệu người, giảm 47,6 nghìn người so với cùng kì năm trước; tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 6 tháng đầu năm 2022 là 2,39%.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý II và 6 tháng đầu năm 2022*, gso.gov.vn, ngày 06/7/2022)



Từ sơ đồ và thông tin trên, em hãy cho biết tình trạng một bộ phận lao động trong lực lượng lao động không có việc làm được gọi là gì?



Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một bộ phận lực lượng lao động muốn làm việc nhưng chưa tìm được việc làm.

2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Theo một trong những công ty nhân sự hàng đầu Việt Nam, xu hướng chuyển việc của người lao động đang diễn ra một cách khá phổ biến ngay cả khi họ đang có việc làm. Việc thay đổi công việc khiến bộ phận người lao động này tạm thời không có việc làm.

Trường hợp 2. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngành X đang đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng tin học trong quản lý, đưa máy móc tự động hoá vào sản xuất. Điều này làm cho nhu cầu lao động của ngành X giảm, nhiều lao động trong ngành X phải nghỉ việc, rơi vào tình trạng thất nghiệp.

Trường hợp 3. Do kinh tế thế giới suy thoái đã làm cho các doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp nhỏ gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tạm ngừng sản xuất kinh doanh. Hệ quả là người lao động trong những doanh nghiệp này bị thất nghiệp.



- a) Em hãy cho biết nguồn gốc dẫn đến thất nghiệp trong từng trường hợp trên là gì?
- b) Theo em, có những loại hình thất nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường?



Có nhiều tiêu chí phân loại thất nghiệp. Căn cứ vào nguồn gốc thất nghiệp, thất nghiệp được chia thành các loại sau:

- Thất nghiệp tạm thời: Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện khi người lao động thay đổi công việc hoặc chỗ ở,... chưa xin được việc làm mới nên tạm thời thất nghiệp.
- Thất nghiệp cơ cấu: Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do có sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động, sự dịch chuyển cơ cấu giữa các ngành trong nền kinh tế hoặc sự thay đổi phương thức sản xuất trong một ngành.
- Thất nghiệp chu kì: Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do tính chu kì của nền kinh tế khi nền kinh tế bị suy thoái hoặc khủng hoảng dẫn đến mức cầu chung về lao động giảm.

Ngoài ra, theo đặc trưng của người thất nghiệp: còn có thất nghiệp theo giới tính, thất nghiệp theo lứa tuổi, thất nghiệp theo vùng, lãnh thổ, thất nghiệp theo ngành nghề...; theo tính chất thất nghiệp còn có thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện, thất nghiệp thời vụ, thất nghiệp trá hình....

3. Hậu quả của thất nghiệp

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Theo báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý III và 9 tháng năm 2021 của Tổng cục Thống kê: Tính chung 9 tháng năm 2021, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 44,5 triệu người, giảm 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước, tương đương 2,4%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi 9 tháng là 2,91%. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Tổng trị giá tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng 9 tháng là 10 434,1 tỉ đồng.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế – xã hội quý III và 9 tháng năm 2021*, gso.gov.vn, ngày 29/9/2021)

Trường hợp. Trong bối cảnh thị trường thế giới suy thoái, áp lực lạm phát tăng cao, các thị trường xuất khẩu trọng điểm có tỉ lệ đơn hàng xuất khẩu giảm, giá nguyên liệu sản xuất, chi phí vật tư sản xuất, chi phí vận chuyển cũng đồng loạt tăng mạnh làm cho hàng loạt nhà máy ở khu công nghiệp A tại tỉnh B phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm lao động, thậm chí ngừng sản xuất. Hệ quả là hàng nghìn lao động rơi vào tình trạng thất nghiệp, đời sống của người lao động hết sức khó khăn, nhiều lao động phải về quê hoặc di chuyển qua các tỉnh, thành phố khác tìm kiếm việc làm.



- a) Từ thông tin trên, em hãy cho biết thất nghiệp đã ảnh hưởng thế nào đến hoạt động của nền kinh tế.
- b) Từ trường hợp trên, theo em thất nghiệp gây ảnh hưởng gì về mặt xã hội?



Trong nền kinh tế thị trường, thất nghiệp gây ra những hậu quả nghiêm trọng cả về mặt kinh tế, xã hội:

- Thất nghiệp làm người lao động không có thu nhập, đời sống của người lao động và gia đình gặp khó khăn.
- Thất nghiệp cao làm cho sản lượng của nền kinh tế ở dưới mức tiềm năng, sức mua của nền kinh tế giảm sút, các doanh nghiệp bị giảm lợi nhuận.
- Thất nghiệp gây lãng phí lao động xã hội, làm giảm sản lượng của nền kinh tế, dẫn đến suy thoái kinh tế.

4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin. Nguyên nhân gây ra thất nghiệp ở Việt Nam được đánh giá là do lực lượng lao động phân bố không đồng đều giữa các vùng kinh tế, tình trạng mất cân đối cung – cầu lao động cục bộ, hệ thống thông tin thị trường lao động còn sơ khai, thiếu đồng bộ, chính sách bảo hiểm thất nghiệp chưa đạt được mục tiêu như mong muốn,....

Để kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp đòi hỏi phải có sự can thiệp của Nhà nước thông qua các biện pháp cụ thể như:

- Tích cực đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế thông qua chính sách tài khoá, tiền tệ, các gói kích cầu.

- Sắp xếp lại cơ cấu lao động, đồng thời nâng cao trình độ cho người lao động.
- Tăng nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ưu đãi đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án, công trình có quy mô lớn, tạo nhiều việc làm,...
- Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm thất nghiệp và an sinh xã hội,...

(Theo Nguyễn Thị Hạnh, *Thực trạng và giải pháp giảm thất nghiệp ở Việt Nam hiện nay*, *tapchicongthuong.vn*, ngày 29/3/2016)

Thông tin 2. Ngày 09/7/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm bao gồm những nội dung cơ bản sau:

1. Chính sách việc làm công: Lựa chọn dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công, lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công.
2. Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, hỗ trợ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước.
3. Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên: Đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện; hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp.
4. Quỹ Quốc gia về việc làm:
 - Quỹ Quốc gia về việc làm được sử dụng cho các hoạt động sau đây: Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
 - Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động.
 - Cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.



- a) Nhà nước có vai trò gì trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?
- b) Học sinh có trách nhiệm gì trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc tạo việc làm, kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.



Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp thông qua việc ban hành các chính sách thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất, tạo việc làm, phát triển hệ thống dạy nghề, dịch vụ việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, xuất khẩu lao động.

Học sinh cần học tập, rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, việc làm; thực hiện đúng và tuyên truyền, vận động những người xung quanh ủng hộ, chấp hành; đồng thời biết phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.



Luyện tập

1. Em hãy cho biết những nhận định dưới đây là đúng hay sai. Vì sao?
 - A. Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một bộ phận dân số ngoài độ tuổi lao động muốn làm việc nhưng chưa tìm được việc làm.
 - B. Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một bộ phận dân số ngoài lực lượng lao động không có việc làm.
 - C. Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một bộ phận lực lượng lao động muốn làm việc nhưng chưa tìm được việc làm.
 - D. Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một bộ phận dân số trong độ tuổi lao động không có việc làm vì đang đi học.
2. Em hãy cho biết các tình trạng chưa có việc làm dưới đây thuộc loại hình thất nghiệp nào? Vì sao?
 - A. Chưa có việc làm do thay đổi công việc, chỗ ở,...
 - B. Chưa có việc làm do sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động, sự dịch chuyển cơ cấu giữa các ngành trong nền kinh tế, sự thay đổi phương thức sản xuất trong một ngành,...
 - C. Chưa có việc làm do tính chu kì của nền kinh tế nền kinh tế bị suy thoái hoặc khủng hoảng dẫn đến mức cầu chung về lao động giảm.
3. Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019, tỉ lệ thất nghiệp của dân số từ 15 tuổi trở lên là 2,05%. Tỉ lệ lao động thất nghiệp theo giới tính, nhóm tuổi cụ thể như sau:

Đơn vị: %

	Tổng số	Nam	Nữ	Tỉ trọng nữ trong tổng số
TỔNG SỐ	100,0	100,0	100,0	48,7
15-24 tuổi	44,4	45,7	43,1	47,2
25-54 tuổi	47,3	46,9	47,8	49,2
55-59 tuổi	3,9	3,2	4,6	57,9
60 tuổi trở lên	4,4	4,2	4,5	50,4

(Theo Tạp chí điện tử Con số và Sự kiện, consosukien.vn)

a) Tỉ lệ thất nghiệp cao tập trung ở nhóm tuổi nào?

b) Việc tỉ lệ thanh niên thất nghiệp cao sẽ gây ra những hậu quả gì?

4. Em hãy đọc thông tin trong các trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

Thông tin

Để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp, Chính phủ đã ban hành chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm nhằm cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm song song với việc đẩy mạnh thu hút đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư cho các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động, những dự án sử dụng thường xuyên từ 5 000 lao động trở lên.

Trường hợp 1

Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021– 2030 tầm nhìn đến năm 2045 nhằm đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển hàng đầu về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới.

Trường hợp 2

Chính phủ xây dựng hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm để tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Trường hợp 3

Chính phủ thúc đẩy kí kết các thoả thuận về hợp tác lao động đối với các nước để xuất khẩu lao động, mở rộng thị trường lao động ngoài nước nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động.

Nhà nước có vai trò gì trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp?

Vận dụng

Hãy xây dựng một video clip/bài thuyết trình giới thiệu về tấm gương thanh niên lập nghiệp điển hình mà em biết và rút ra bài học đối với bản thân.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm lạm phát.
- Liệt kê được các loại hình lạm phát.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát.
- Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.
- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.
- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.



Mở đầu

Lạm phát là hiện tượng kinh tế xảy ra khi mức giá chung của nền kinh tế tăng lên liên tục, sức mua của tiền tệ giảm sút.

Em hãy liệt kê một số loại hàng hoá trên thị trường có giá cả biến động theo xu hướng tăng lên trong thời gian qua và chia sẻ với các bạn.



Khám phá

1. Khái niệm lạm phát và các loại hình lạm phát

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Chỉ số giá tiêu dùng CPI (Consumer Price Index) là chỉ số phản ánh sự thay đổi mức giá trung bình của một số lượng cố định các loại hàng hoá, dịch vụ (được gọi là giỏ hàng hoá) được chọn đại diện cho tiêu dùng, phục vụ đời sống bình thường của người dân mà một hộ gia đình điển hình mua tại một thời điểm so với thời kì gốc.

$$CPI = \frac{\text{Chi phí để mua giỏ hàng hoá thời kì } t}{\text{Chi phí để mua giỏ hàng hoá thời kì gốc}} \times 100\%$$

Lạm phát là sự gia tăng liên tục của mức giá chung nhưng không có nghĩa là giá cả của các loại hàng hoá, dịch vụ đồng thời tăng theo cùng một tỉ lệ. Để đo lường mức

độ lạm phát, người ta sử dụng chỉ tiêu tỉ lệ lạm phát được tính bằng phần trăm thay đổi của mức giá chung. Tỉ lệ lạm phát được tính theo công thức:

$$\text{Tỉ lệ lạm phát của thời kì } t = \frac{aP_t - P_{(t-1)}}{P_{(t-1)}} \times 100\%$$

Trong đó: P_t : Mức giá của thời kì t

$P_{(t-1)}$: Mức giá của thời kì trước đó (thời kì $t-1$)

Trong thực tế, chỉ số giá tiêu dùng CPI thường được sử dụng cho việc tính toán lạm phát.

(Theo Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2022). *Giáo trình Kinh tế học, tập II, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, trang 326.*)

Thông tin 2. Trong giai đoạn 1981 – 1985, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam lần lượt là 70%, 95%, 50%, 65% và 92%. Năm 1985, Việt Nam tiến hành đổi tiền theo Quyết định số 01/HĐBT-TĐ ngày 13/9/1985. Sau cuộc đổi tiền, nền kinh tế rơi vào thời kì lạm phát tăng cao: CPI năm 1986 tăng lên tới 774,7%, năm 1987 là 323,1%, năm 1988 là 393%.

(Theo Cổng Thông tin kinh tế Việt Nam, vnep.ciem.org.vn)

Thông tin 3. Năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm của Việt Nam tăng 1,84% so với năm trước. CPI bình quân năm 2021 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- (1) Giá xăng dầu trong nước tăng 31,74% so với năm trước, giá gas tăng 25,89%;
- (2) Giá gạo tăng 5,79% so với năm trước;
- (3) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,03% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào;
- (4) Giá dịch vụ giáo dục tăng 1,87% so với năm trước do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020 – 2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

(Theo Tổng cục Thống kê, www.gso.gov.vn)



a) Từ thông tin 2, em hãy cho biết năm 2021, giá cả các mặt hàng thiết yếu đã thay đổi theo xu hướng nào.

b) Từ thông tin 1, 2, 3, em hãy cho biết lạm phát là gì. Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, có những loại hình lạm phát nào?



Lạm phát là tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một khoảng thời gian nhất định.

Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, có thể phân chia lạm phát thành 3 loại:

- Lạm phát vừa phải ($0\% < \text{tỉ lệ lạm phát} < 10\%$): Giá trị đồng tiền khá ổn định. Đây là mức lạm phát bình thường, không gây hậu quả đáng kể tới nền kinh tế.
- Lạm phát phi mã ($10\% \leq \text{tỉ lệ lạm phát} < 1\,000\%$): Đồng tiền mất giá nhanh chóng. Mức lạm phát này gây ảnh hưởng xấu tới hoạt động của nền kinh tế.
- Siêu lạm phát ($\text{tỉ lệ lạm phát} \geq 1\,000\%$). Đồng tiền mất giá nghiêm trọng. Mức lạm phát này gây ảnh hưởng trầm trọng đến nền kinh tế.

2. Nguyên nhân và hậu quả của lạm phát

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Theo Tổng cục Thống kê, bình quân hai tháng đầu năm 2022, CPI tăng 1,68% so cùng kì năm trước. Yếu tố cơ bản khiến CPI tháng 2 tăng nhanh là do giá xăng dầu tăng làm cho chi phí sản xuất tăng lên; bên cạnh đó, việc triển khai Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế năm 2022 – 2023 với quy mô 350 000 tỉ đồng cùng với các gói hỗ trợ của năm 2021 đang lan toả vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế,... cũng làm tăng tổng cầu (dân cư tăng chi tiêu, doanh nghiệp tăng đầu tư, chính phủ tăng chi tiêu mua hàng hoá và dịch vụ,...).

(Theo Báo điện tử Nhân dân cuối tuần, *nhandan.vn*)

Trường hợp 1. Gia đình anh A là hộ chăn nuôi lợn thịt, trước đây việc nuôi lợn thịt mang lại thu nhập ổn định. Tuy nhiên, trong vài năm trở lại đây, do giá thức ăn chăn nuôi tăng liên tục nên gia đình anh A đang đối mặt với thua lỗ. Hiện nay, gia đình anh phải giảm số lượng, nuôi cầm chừng.

Trường hợp 2. Do giá thép xi măng, cát, đá, gạch xây dựng, gạch ốp lát và bê tông tăng nên các doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng gặp khó khăn, nhiều đơn vị lâm vào cảnh thua lỗ. Bên cạnh đó, người dân khi xây dựng nhà ở cũng gặp khó khăn do vượt quá tính toán ban đầu, nhiều nhà dân đã không thể hoàn thành công trình nhà ở vì giá nguyên vật liệu leo thang.



- Từ thông tin 1, em hãy cho biết có những nguyên nhân nào dẫn đến lạm phát.
- Từ trường hợp 1 và 2, em hãy cho biết lạm phát gây ra những hậu quả gì?



Lạm phát xuất hiện do những nguyên nhân cơ bản sau:

- Lượng tiền trong lưu thông tăng vượt quá mức cần thiết (ngân sách thâm hụt, Chính phủ tăng cường việc phát hành tiền giấy,...) làm cho mức giá chung của nền kinh tế tăng lên.
- Tổng cầu của nền kinh tế tăng (người dân tăng chi tiêu, doanh nghiệp tăng đầu tư, Chính phủ tăng chi tiêu mua hàng hoá và dịch vụ,...) làm cho mức sản lượng và mức giá chung của nền kinh tế tăng lên (lạm phát do cầu kéo).
- Chi phí sản xuất tăng (giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhân công, thuế,... tăng) làm cho mức sản lượng giảm và mức giá chung của nền kinh tế tăng lên (lạm phát do chi phí đẩy).

Lạm phát gây ra những hậu quả tiêu cực cả về kinh tế và xã hội:

- Lạm phát làm thay đổi giá cả tương đối giữa các loại hàng hoá (tốc độ tăng giá cả hàng hoá, dịch vụ không đồng đều, việc tăng giá và tăng tiền lương không diễn ra đồng thời,...), từ đó làm thay đổi sản lượng, việc làm, cơ cấu kinh tế.
- Lạm phát làm cho việc phân phối và phân phối lại tài sản, thu nhập giữa các tầng lớp dân cư không hợp lý (có lợi cho người đi vay, gây thiệt hại cho người cho vay; làm giảm thu nhập thực tế của người lao động; gia tăng phân hoá giàu – nghèo,...).

3. Vai trò của Nhà nước và trách nhiệm của công dân trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin. Luật Giá năm 2012

Điều 5. Nguyên tắc quản lý giá

1. Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật này để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.
3. Nhà nước có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Nhà nước quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

Điều 10. Hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá đối với các tổ chức, các nhân sản xuất kinh doanh

a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá hàng hoá, dịch vụ;

b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, chất lượng hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ;

c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch hoạ, hoả hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để định giá mua, giá bán hàng hoá, dịch vụ bất hợp lý;

d) Các hành vi chuyên giá, thông đồng về giá dưới mọi hình thức để trục lợi.



a) Từ thông tin, em hãy cho biết Chính phủ có vai trò gì trong việc kiểm chế và kiểm soát lạm phát?

b) Theo em, công dân có trách nhiệm như thế nào trong việc kiểm chế và kiểm soát lạm phát?



Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước có vai trò hết sức quan trọng trong việc ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật nhằm kiểm chế và kiểm soát lạm phát:

– Giảm mức cung tiền, cắt giảm chi tiêu ngân sách, tăng thuế, kiểm soát có hiệu quả việc tăng giá,... (trong trường hợp lạm phát do lượng tiền mặt trong lưu thông vượt quá mức cần thiết, lạm phát do cầu kéo).

– Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, giảm thuế, cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất,... (trong trường hợp lạm phát do chi phí đẩy).

Công dân có trách nhiệm chấp hành và ủng hộ những hành vi chấp hành, tuân thủ chủ chương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát. Đồng thời, phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.

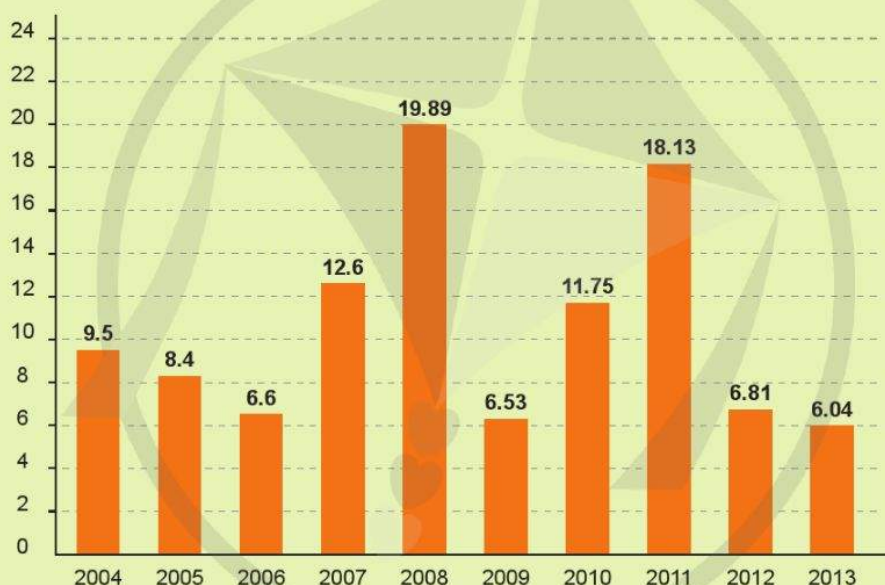
Luyện tập

1. Em hãy cho biết những nhận định dưới đây là đúng hay sai. Vì sao?

- A. Lạm phát là tình trạng mức giá chung của nền kinh tế giảm xuống trong một khoảng thời gian nhất định.
- B. Lạm phát do chi phí đẩy xuất hiện khi người dân tăng chi tiêu, doanh nghiệp tăng đầu tư, Chính phủ tăng chi tiêu mua hàng hoá và dịch vụ,...
- C. Lạm phát do cầu kéo xuất hiện khi giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhân công, thuế,... tăng.
- D. Lạm phát do lượng tiền mặt trong lưu thông tăng vượt quá mức cần thiết xuất hiện khi ngân sách thâm hụt, Chính phủ tăng cường việc phát hành tiền giấy,...

2. Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

CPI của Việt Nam giai đoạn 2004 - 2013



(Theo Báo điện tử Chính phủ, baochinhphu.vn)

- a) Dựa trên tỉ lệ lạm phát của từng năm, em hãy sắp xếp các năm trong giai đoạn 2004 – 2013 thành hai nhóm: nhóm lạm phát vừa phải và nhóm lạm phát phi mã.
- b) Em hãy tìm hiểu thông tin về siêu lạm phát trên thế giới và chia sẻ với các bạn trong lớp.

3. Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Năm 2008, nền kinh tế Việt Nam chịu tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, lạm phát tăng cao. Nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững, trong đó kiềm chế lạm phát là ưu tiên hàng đầu, chính sách tiền tệ đã được điều hành theo xu hướng thắt chặt hơn thông qua các biện pháp:

(1) Tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc;

(2) Phát hành 20.300 tỉ đồng trái phiếu cho các ngân hàng thương mại nhằm hút bớt tiền trong lưu thông;

(3) Không chế tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 30% năm. Chính sách tiền tệ thắt chặt đã đưa mức lạm phát từ 19,89% năm 2008 xuống còn 6,52% năm 2009, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

(Theo Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, *mof.gov.vn*)

a) Theo em, các biện pháp Chính phủ đã thực hiện làm tăng hay giảm lượng tiền mặt trong lưu thông?

b) Việc thực hiện các biện pháp đó trong giai đoạn 2008 – 2009 để kiềm chế, kiểm soát lạm phát là hiệu quả hay không hiệu quả?

4. Em hãy cho biết hành vi nào dưới đây vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát? Vì sao?

A. Chấp hành quyết định về giá, biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

B. Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hoá, dịch vụ để kiếm lời.

C. Lợi dụng tình hình kinh tế không thuận lợi để định giá mua, giá bán hàng hoá, dịch vụ bất hợp lý.

D. Đầu cơ, găm hàng chờ lên giá để trục lợi.

Vận dụng

Em hãy cùng các bạn trong lớp sưu tầm những bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình lạm phát ở Việt Nam hiện nay để làm thành một tập san với chủ đề: Lạm phát và ảnh hưởng của lạm phát đến đời sống kinh tế – xã hội.

CHỦ ĐỀ 4

Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

Bài 7

Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.
- Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.
- Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.
- Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.
- Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.



Mở đầu

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường, tiến bộ khoa học và công nghệ, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt,... đã tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể. Để tồn tại trong môi trường đó, các chủ thể sản xuất kinh doanh cần phải xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá được các cơ hội kinh doanh.

Em hãy chia sẻ với bạn một ý tưởng kinh doanh mà em thấy hấp dẫn.



Khám phá

1. Ý tưởng kinh doanh

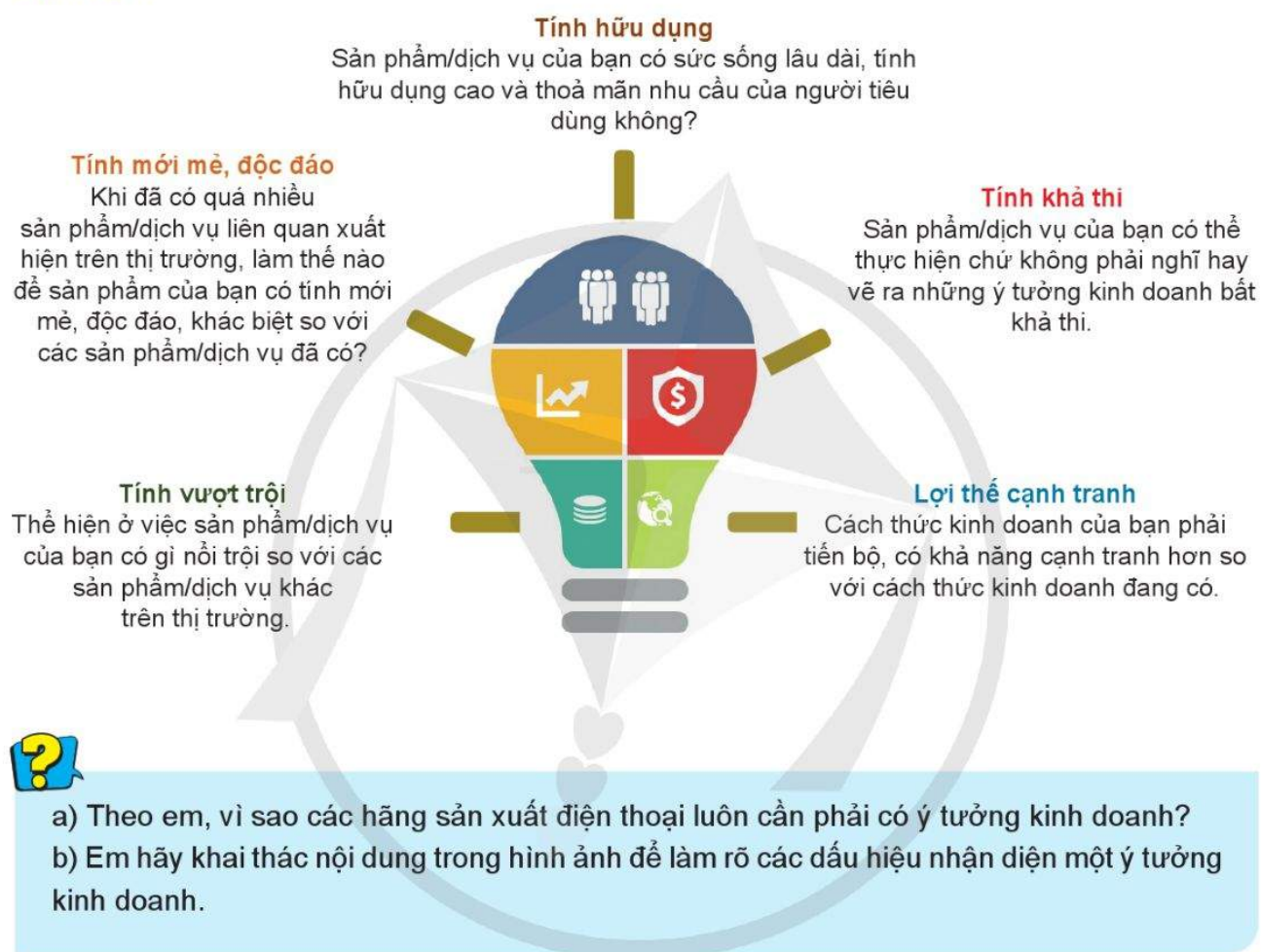
a. Ý tưởng kinh doanh và sự cần thiết của ý tưởng kinh doanh

Em hãy đọc trường hợp, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Cuộc cạnh tranh giữa các thương hiệu điện thoại lớn trên thế giới luôn là câu chuyện không có hồi kết. Trong thực tế, không có chiếc điện thoại nào thoát khỏi quy luật đào thải của thị trường. Sẽ luôn có những dòng điện thoại mới tốt

hơn, nhiều tính năng ưu việt hơn được khách hàng lựa chọn và những sản phẩm cũ sẽ bị bỏ lại. Một mẫu điện thoại mới có thể là một trong vài tuần, vài tháng, được người tiêu dùng đua nhau mua về nhưng có thể chính mẫu đó, một thời gian sau đã không còn hợp thị hiếu. Ý tưởng kinh doanh mới là điều cần thiết để giúp các hãng có thể duy trì được lợi thế cạnh tranh, tăng doanh số, thu được lợi nhuận cao và giữ vững thị phần của mình trên thị trường.

Hình ảnh



Ý tưởng kinh doanh là điểm xuất phát của quá trình sản xuất kinh doanh, thể hiện sự sáng tạo của cá nhân hoặc tổ chức trong việc lựa chọn loại sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho thị trường nhằm thu được lợi nhuận.

Để có một ý tưởng kinh doanh tốt, các chủ thể sản xuất kinh doanh cần phải quan tâm đến tính vượt trội; tính mới mẻ, độc đáo; tính hữu dụng; tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ. Có hai dạng ý tưởng kinh doanh là ý tưởng cải tiến kinh doanh và ý tưởng kinh doanh mới.

Để tồn tại và phát triển, các chủ thể sản xuất kinh doanh cần phải có ý tưởng kinh doanh ban đầu và không ngừng sáng tạo, đổi mới ý tưởng kinh doanh để có thể thu được lợi nhuận, duy trì lợi thế cạnh tranh và mở rộng sự phát triển trong tương lai.

b. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Gauri Nanda, sinh viên của học viện công nghệ Massachusetts (Mỹ) rất ham ngủ và mỗi lần đồng hồ báo thức kêu, cô lại tắt chuông ngủ thêm vài lần. Vậy nên, khi phải thiết kế một sản phẩm theo yêu cầu của giáo viên, ý tưởng về một chiếc đồng hồ báo thức “biết chạy” đã xuất hiện trong đầu cô. Từ tình trạng của rất nhiều người vào mỗi buổi sáng, khi đồng hồ báo thức kêu, họ lại tắt chuông ngủ thêm vài lần. Với hai bánh xe được gắn vào, mỗi khi đến giờ báo thức mà chủ nhân nhấn nút tắt chuông, chiếc đồng hồ báo thức sẽ lăn từ trên tủ đầu giường xuống và chạy khắp phòng, buộc người ham ngủ phải choàng dậy đuổi theo để tắt chuông và ra khỏi giường đúng giờ. Khi tốt nghiệp, Nanda bắt đầu kinh doanh sản phẩm này và rất nhanh chóng được phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới. Với ý tưởng kinh doanh độc đáo của mình, Gauri Nanda đã được trao giải thưởng “Ig Nobel Kinh tế” vào năm 2005. (Ig Nobel là giải thưởng tôn vinh những người mà thành tựu của họ “không thể và sẽ không được lặp lại”).

(Phỏng theo Tạp chí The Tech, Cambridge, Massachusetts 02139, Volume 125, Number 45, ngày 10/7/2005)

Thông tin 2. Để nâng cao giá trị quả bơ và giúp người trồng ở địa phương tăng thu nhập, tận dụng nguồn nguyên liệu hạt bơ chưa được sử dụng, bốn học sinh Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Việt (thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) đã xây dựng dự án “Sản xuất và kinh doanh ống hút từ hạt bơ”. Dự án này xuất sắc vượt qua hơn 200 dự án khác khối học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông trong cuộc thi Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp (SV-Startup-2020) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Các thành viên trong nhóm đã miệt mài thực hiện ý tưởng trong hơn 3 tháng để tạo ra sản phẩm ống hút được chiết xuất 100% từ các loại cây thực vật như lá rau ngót, lá cẩm, nghệ,... và thành phần chính là hạt bơ. Hạn sử dụng của sản phẩm là 12 tháng và có thể ăn được. Ống hút sẽ phân huỷ hoàn toàn sau 2 – 3 tháng trong môi trường tự nhiên, tốt cho đất và cây trồng. Sản phẩm có giá thành rẻ hơn so với các loại ống hút tương tự.

(Theo Nguyễn Công Li, Ống hút từ hạt bơ, Báo điện tử nhandan.vn, ngày 26/01/2021)



a) Em hãy cho biết ý tưởng kinh doanh của các chủ thể được nhắc đến ở mỗi thông tin trên đến từ những nguồn nào. Theo em, nguồn tạo ý tưởng kinh doanh có vai trò như thế nào đối với quá trình kinh doanh của các chủ thể đó?

b) Ngoài những nguồn trên, theo em còn có những nguồn nào giúp tạo ý tưởng kinh doanh?



Các nguồn tạo ý tưởng kinh doanh có vai trò quan trọng đối với quá trình kinh doanh của các chủ thể. Các nguồn tạo ý tưởng kinh doanh có thể xuất phát từ:

- Lợi thế nội tại như sự đam mê; hiểu biết; khả năng huy động các nguồn lực (tài chính, kết nối với khách hàng, nhà cung cấp đầu vào, nhà tài trợ,...).
- Cơ hội bên ngoài như nhu cầu sản phẩm trên thị trường; nguồn cung ứng; sự cạnh tranh; vị trí triển khai; chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Trên cơ sở các nguồn đó, các chủ thể sản xuất kinh doanh xây dựng ý tưởng kinh doanh của mình sao cho khả thi nhất và ra quyết định để biến ý tưởng kinh doanh thành hiện thực.

2. Cơ hội kinh doanh

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Hình ảnh

Tính thời điểm

Cơ hội kinh doanh hợp thời, không sớm hoặc muộn so với thị trường.



Tính ổn định

Cơ hội kinh doanh có tính lâu dài, bền vững.

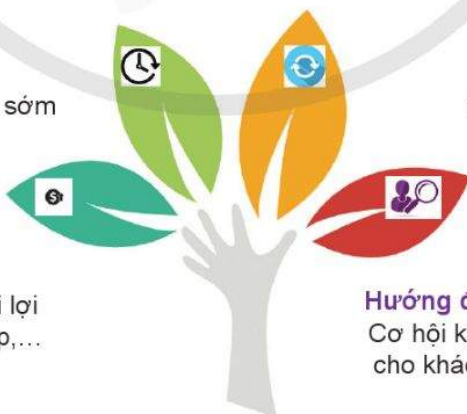


Tính hấp dẫn

Cơ hội kinh doanh mang mang lại lợi nhuận cao, sức ép cạnh tranh thấp,...

Hướng đến nhu cầu của thị trường

Cơ hội kinh doanh tạo ra được giá trị cho khách hàng và người tiêu dùng.



Trường hợp. Ngành hàng thời trang là một trong những ngành có tính hấp dẫn, lợi nhuận khá cao nhưng sức cạnh tranh rất lớn. Mặc dù đã có rất nhiều người sản xuất và kinh doanh mặt hàng này nhưng mỗi năm vẫn có hàng trăm, hàng nghìn người tìm kiếm cơ hội tiếp cận thị trường. Mỗi chủ thể đều tính toán và cân nhắc để tìm ra một

hướng đi riêng cho mình, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Chẳng hạn, doanh nghiệp X tận dụng thời điểm và xu hướng thời trang những năm gần đây để đưa ra quyết định sản xuất những mẫu áo thun có kiểu dáng đơn giản, được giới trẻ yêu thích với mẫu mã đa dạng và giá thành phù hợp với khách hàng tiềm năng như học sinh, sinh viên, nhân viên văn phòng và những người trẻ tuổi.



- Em hãy khai thác nội dung của hình ảnh để làm rõ các dấu hiệu nhận diện một cơ hội kinh doanh và cho biết thế nào là cơ hội kinh doanh.
- Theo em, các chủ thể sản xuất kinh doanh trong trường hợp trên đã nhận diện cơ hội kinh doanh như thế nào?



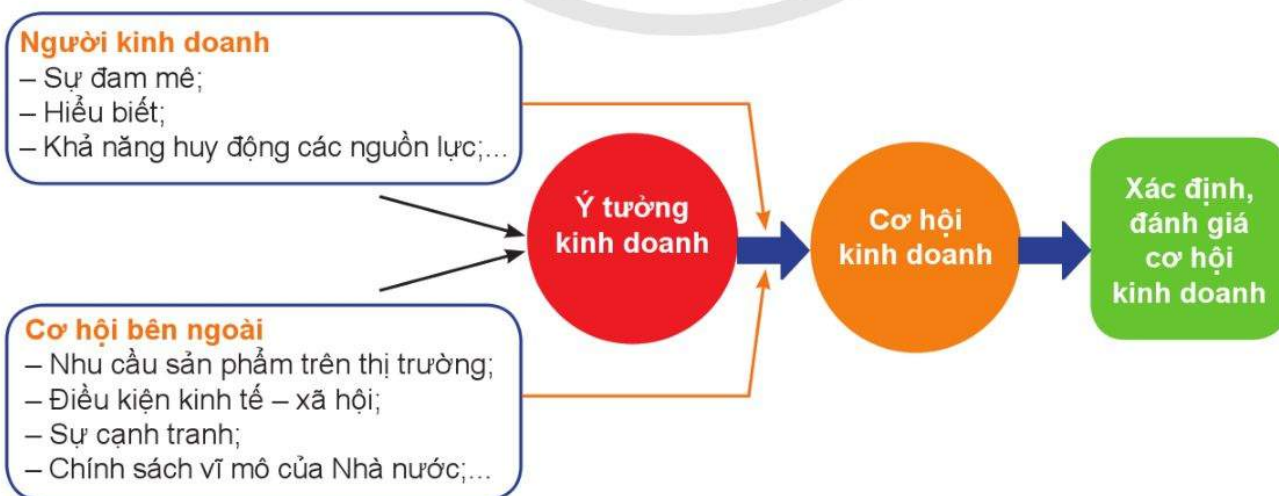
Cơ hội kinh doanh là tập hợp các hoàn cảnh thuận lợi tạo ra nhu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ của một nhóm khách hàng dẫn đến xuất hiện cơ hội thoả mãn nhu cầu này, qua đó thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận).

Một cơ hội kinh doanh tốt cần phải có tính hấp dẫn, ổn định, đúng thời điểm, khả năng duy trì sản phẩm, dịch vụ và tạo ra giá trị cho người tiêu dùng.

3. Tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

Em hãy quan sát sơ đồ, đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Sơ đồ



Thông tin. Trong kinh doanh, việc xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh là cơ sở để mỗi người đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp. Từ việc đánh giá đó, người kinh doanh nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của sản phẩm, dịch vụ định cung cấp cho thị trường. Một trong số các mô hình được nhiều cá nhân, doanh nghiệp sử dụng để đánh giá cơ hội kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân đó là mô hình phân tích SWOT. Đây là mô hình được sử dụng để giúp cá nhân hay tổ chức xác định ưu điểm, nhược điểm, cơ hội và thách thức trong kinh doanh. Mô hình SWOT được trình bày dưới dạng ma trận gồm 2 cột, 2 hàng và chia thành 4 phần. Tương ứng với 4 phần này là 4 thành tố của mô hình, bao gồm: S – Strengths (Điểm mạnh); W – Weaknesses (Điểm yếu); O – Opportunities (Cơ hội); T – Threats (Thách thức). Người kinh doanh có thể xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh của mình có khả thi hay không thông qua việc phân tích mô hình như dưới đây:

	THUẬN LỢI	KHÓ KHĂN
NGUYÊN NHÂN TỪ BÊN TRONG	ĐIỂM MẠNH – Các ưu điểm cá nhân tích cực; – Các kĩ năng, năng lực nổi bật của bản thân; – Kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm liên quan; – Điểm mạnh được người khác công nhận; – Khả năng thiết lập quan hệ giao tiếp; – Sự tận tâm, lòng đam mê trong kinh doanh;...	ĐIỂM YẾU – Những công việc bản thân thường trốn tránh, không tự tin mình có thể làm tốt; – Thiếu kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm liên quan đến công việc được giao; – Điểm yếu mà mọi người nhận xét về bạn; – Những thói quen xấu trong công việc (làm việc không có kế hoạch, hay muộn giờ,...); – Tính cách cá nhân tiêu cực;...
NGUYÊN NHÂN TỪ BÊN NGOÀI	CƠ HỘI – Lĩnh vực kinh doanh lựa chọn có đang phát triển và được thị trường ưa chuộng hay không? – Các mối quan hệ có thể giúp đỡ, hỗ trợ khi cần thiết; – Lĩnh vực kinh doanh được khuyến khích; – Thuận lợi trong việc ứng dụng công nghệ;...	THÁCH THỨC – Những khó khăn phải đối mặt trong kinh doanh; – Sự cạnh tranh với những người kinh doanh khác; – Công việc kinh doanh có thể bị thay đổi, biến mất trong tương lai; – Công nghệ thay đổi có thể đe dọa tới việc kinh doanh của bạn;...

Trường hợp. Với khát vọng làm giàu chính đáng, anh Hưng đã tìm kiếm ý tưởng kinh doanh trên mảnh đất của quê hương mình. Từ bài học thất bại và thành công của những người kinh doanh trước, anh Hưng cho rằng việc xây dựng ý tưởng kinh doanh có vai trò rất quan trọng. Nhận thấy quê mình rất phong phú về các loại thảo mộc và nhu cầu của thị trường về dòng sản phẩm này ngày càng tăng lên, anh đã xây dựng ý tưởng kinh doanh mỹ phẩm thiên nhiên. Sau khi đánh giá những thuận lợi và khó khăn,

anh nhận thấy cơ hội kinh doanh này có tính khả thi. Nhờ xác định và đánh giá đúng cơ hội kinh doanh, nắm rõ lượng khách hàng tiềm năng nên việc kinh doanh của anh Hưng đã đạt được những thành công ban đầu.



- a) Em hãy quan sát sơ đồ trên để làm rõ mối quan hệ giữa ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.
- b) Em hãy mô tả việc xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh được thể hiện qua thông tin trên. Theo em, việc xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh có vai trò như thế nào?
- c) Theo em, việc xây dựng ý tưởng kinh doanh, xác định và đánh giá cơ hội kinh doanh đã mang lại lợi ích gì cho anh Hưng trong trường hợp trên?



Xây dựng ý tưởng và xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Người kinh doanh biết xây dựng ý tưởng và đánh giá đúng cơ hội kinh doanh thì có thể tạo ra các sản phẩm, dịch vụ đem lại giá trị cho người mua và đạt được mục tiêu lợi nhuận.

Nếu xây dựng ý tưởng không tốt và đánh giá không đúng cơ hội kinh doanh thì hiệu quả thu được không cao, thậm chí có thể khiến các chủ thể sản xuất kinh doanh thất bại.

4. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Chị Hạnh là chủ một doanh nghiệp chuyên sản xuất bánh truyền thống. Ngay từ khi bắt đầu lựa chọn công việc này, chị đã có quá trình rất dài tìm tòi, học hỏi kiến thức và kinh nghiệm làm bánh. Chị còn nghiên cứu về lịch sử các loại bánh của dân tộc để hiểu rõ các hương vị truyền thống kết hợp với hiện đại. Bên cạnh đó, chị Hạnh còn rất tự tin trong việc lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp của mình. Chị luôn có kế hoạch kinh doanh, phối hợp công việc để thường xuyên giám sát và động viên cấp dưới kịp thời. Vì vậy, mặc dù số lượng các doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng này ngày càng tăng, áp lực cạnh tranh lớn nhưng doanh nghiệp của chị vẫn giữ được lợi thế của mình.

Trường hợp 2. Anh Bắc kinh doanh mỹ phẩm. Vốn là người khéo léo trong giao tiếp và thuyết phục khách hàng nên công việc kinh doanh của anh khá thuận lợi. Những năm gần đây do sự phát triển của thương mại điện tử nên công việc kinh doanh trực tiếp tại cửa hàng của anh gặp khó khăn. Nhận thấy điều này, anh đã quyết định kết hợp kinh doanh trực tiếp và trực tuyến. Với sự khéo léo và khả năng thiết lập quan hệ của mình, anh Bắc đã hợp tác với một số thương hiệu mỹ phẩm có tiếng và công việc kinh doanh của anh ngày càng tốt hơn.



- a) Em hãy cho biết các chủ thể trong mỗi trường hợp trên có những năng lực kinh doanh nào.
- b) Theo em, ngoài các năng lực trên, người kinh doanh cần có những năng lực nào nữa? Hãy nêu hiểu biết của em về những năng lực đó.



Để thành công, mỗi người kinh doanh cần phải có các năng lực cơ bản như năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực tổ chức, lãnh đạo; năng lực nắm bắt cơ hội kinh doanh; năng lực thiết lập quan hệ; có khả năng phân tích và sáng tạo, có tầm nhìn chiến lược; luôn kiên trì với mục tiêu, nỗ lực hết mình với công việc kinh doanh và thực hiện trách nhiệm với xã hội.



Luyện tập

1. Em hãy lấy ví dụ về một ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh trong một số lĩnh vực của nền kinh tế hiện nay.
2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?
 - A. Một ý tưởng kinh doanh mới có tính khả thi thể hiện ở việc phân biệt sản phẩm; dịch vụ mới với các sản phẩm/dịch vụ hiện có.
 - B. Một ý tưởng kinh doanh tốt phải là một ý tưởng tạo ra sự khác biệt, chẳng hạn như sự tiện lợi, giá trị, tốc độ so với các dịch vụ hiện có.
 - C. Ý tưởng kinh doanh muốn thành công phải là ý tưởng mới hoàn toàn, chưa có người kinh doanh nào nghĩ ra ý tưởng đó.
 - D. Ý tưởng kinh doanh là xương sống của kế hoạch kinh doanh.
 - E. Ý tưởng kinh doanh chỉ là yếu tố phụ, vốn để kinh doanh mới là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành bại của doanh nghiệp.
 - G. Không cần thiết phải có ý tưởng kinh doanh, chỉ cần sao chép ý tưởng của một sản phẩm, dịch vụ khác cũng có thể thành công.
3. Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về các năng lực cần thiết của người kinh doanh và cho biết tầm quan trọng của mỗi năng lực đó.
4. Em hãy cho biết những biểu hiện dưới đây là sự thể hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?
 - A. Sự khéo léo, chủ động trong giao tiếp, đàm phán; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc; giải quyết hài hoà các mối quan hệ bên trong và bên ngoài liên quan đến công việc kinh doanh.

- B. Biết lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức nguồn lực, phối hợp công việc, giám sát cấp dưới, chuyển giao và chia sẻ quyền lực cho cấp dưới để đội ngũ nhân lực phát huy hết hiệu quả, tính sáng tạo trong kinh doanh.
- C. Có ý chí bền bỉ cả về thể chất và tinh thần, duy trì thái độ lạc quan và dám chấp nhận rủi ro trong kinh doanh; biết tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, giá trị, khả năng, điều kiện và các quan hệ xã hội của bản thân.
- D. Biết tạo ra sự khác biệt trong ý tưởng kinh doanh, phân tích được cơ hội và thách thức trong công việc kinh doanh của bản thân.
- E. Thực hiện trách nhiệm của người kinh doanh với tổ chức, cộng đồng và xã hội.
- G. Có kiến thức, kỹ năng về ngành nghề/ lĩnh vực kinh doanh.
- H. Có chiến lược kinh doanh rõ ràng, biết xác định mục tiêu ngắn hạn, dài hạn.
- I. Biết đánh giá cơ hội kinh doanh, lựa chọn và chớp cơ hội kinh doanh.

Vận dụng

1. Em hãy tìm hiểu cơ hội kinh doanh một sản phẩm, dịch vụ mà em cho rằng có thể mang lại lợi nhuận cho các chủ thể sản xuất kinh doanh.
2. Em hãy xây dựng một ý tưởng kinh doanh phù hợp với năng lực của bản thân và làm rõ tính vượt trội; tính mới mẻ, độc đáo; tính hữu dụng; tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của mình so với các sản phẩm, dịch vụ đã có trên thị trường.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh.
- Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.
- Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.
- Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.
- Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.



Mở đầu

Đạo đức kinh doanh là một phần không thể thiếu để tạo ra lợi nhuận trong môi trường cạnh tranh gay gắt. Tuân thủ đạo đức kinh doanh là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp nói riêng và của nền kinh tế nói chung.

Em hãy tìm và chia sẻ ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ nói về vấn đề đạo đức trong kinh doanh.



Khám phá

1. Quan niệm và vai trò của đạo đức kinh doanh

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Trong số những người giàu có nổi danh bởi tinh thần tự lập và ý chí khởi nghiệp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, Bạch Thái Bưởi nổi lên như là một nhân vật điển hình. Xuất thân hoàn cảnh nghèo khó, Bạch Thái Bưởi đã mau chóng gây dựng và phát triển sự nghiệp riêng. Ông là nhà tư sản tự thân duy nhất trong bốn người giàu có nhất Việt Nam đầu thế kỉ XX mà dân gian vẫn quen gọi là “Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Bưởi”. Ông sinh năm 1874 tại làng An Phú, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội). Bài học văn hoá kinh doanh của ông là tinh thần tự tôn dân tộc. Mua lại tàu từ đối thủ nước ngoài rồi đặt lại bằng những tên Việt Nam gọi về dòng giống dân tộc vẻ vang: Lạc Long Quân, Hồng Bàng, Trưng Trắc,... Ông còn quan tâm đến đời sống giới thợ thuyền, dành chế độ an sinh cho nhân viên, trợ cấp du học cho học sinh nghèo,...

(Theo Phạm Văn Thủy; Ngô Nguyễn Phương Hà, *Tinh thần khởi nghiệp của tư sản Việt Nam đầu thế kỉ XX: Trường hợp doanh nhân Bạch Thái Bưởi (1874 – 1932)*, Tạp chí nghiên cứu chính sách và quản lí, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022, no.01, tr.105 – 117)

Trường hợp. Chị M là giám đốc công ty kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng. Từ khi thành lập, chị M không ngừng lao động sáng tạo, xây dựng công ty ngày càng lớn mạnh, tạo ra nhiều công ăn việc làm, ổn định đời sống cho người lao động và đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế – xã hội với đất nước. Trong kinh doanh, chị M luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm và uy tín với khách hàng. Chị còn giáo dục nhân viên của mình thái độ phục vụ khách hàng tận tình, trách nhiệm. Khi thị trường bán lẻ gặp khó khăn, chị M vẫn cố gắng đảm bảo công ăn việc làm, chế độ tiền lương cho người lao động trong công ty và tích cực tìm các giải pháp khắc phục. Nhờ đó, người lao động trong công ty của chị luôn nỗ lực hết mình, giữ gìn lễ lối, tác phong trong công việc. Hằng năm, công ty còn đóng góp hàng chục tỉ đồng tiền thuế cho ngân sách nhà nước và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.



- Em hãy nhận xét việc làm của các chủ thể được nhắc đến ở thông tin và trường hợp trên.
- Theo em, việc làm của các chủ thể đó có ý nghĩa như thế nào đối với doanh nghiệp, người tiêu dùng và xã hội?



Đạo đức kinh doanh là tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, định hướng hành vi của các chủ thể sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đạo đức trong kinh doanh góp phần điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh doanh; xây dựng lòng tin và uy tín với khách hàng; đẩy mạnh hợp tác và đầu tư, tạo ra lợi nhuận cho các chủ thể sản xuất kinh doanh; thúc đẩy sự vững mạnh của nền kinh tế quốc gia.

2. Các biểu hiện của đạo đức kinh doanh

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc trường hợp, tình huống và trả lời câu hỏi



Hình 1. Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa ủng hộ quỹ phòng chống dịch COVID-19
(matrantoquoc.phutho.gov.vn)



Hình 2. Phát hiện tổng kho hàng giả mạo, không rõ nguồn gốc (dms.gov.vn)



Hình 3. Doanh nghiệp tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (baobinhduong.vn)



Hình 4. Doanh nghiệp đổ trộm chất thải không đúng nơi quy định (vtv.vn)

Trường hợp 1. Khi phát hiện chất lượng sản phẩm không đảm bảo, để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, doanh nghiệp D đã chủ động thông báo cho các đối tác, khách hàng và tiến hành thu hồi sản phẩm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp này thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng trường học trên địa bàn. Sự đóng góp của doanh nghiệp D đã góp phần tích cực cho sự phát triển của địa phương.

Trường hợp 2. Vì mục tiêu lợi nhuận, công ty T đã cố tình quảng cáo không đúng về công dụng của sản phẩm. Giám đốc công ty này đã yêu cầu nhân viên sử dụng nhiều hình thức để quảng cáo cường điệu về sản phẩm nhằm thu hút khách hàng.



- a) Em hãy liệt kê các biểu hiện của đạo đức kinh doanh và các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh được đề cập ở mỗi hình ảnh và trường hợp trên.
- b) Em hãy kể thêm các biểu hiện khác của đạo đức kinh doanh và hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh.
- c) Theo em, với những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh, chúng ta cần có thái độ như thế nào?



Đạo đức kinh doanh được biểu hiện ở việc giữ chữ tín, trung thực, trách nhiệm. Một số biểu hiện cụ thể của đạo đức kinh doanh:

– Chủ thể sản xuất kinh doanh phải giữ chữ tín, tôn trọng và bảo vệ lợi ích của khách hàng; thực hiện đúng nghĩa vụ và cam kết với khách hàng; trung thực, trách nhiệm trong kinh doanh; không sản xuất kinh doanh hàng giả, kém chất lượng, độc hại cho sức khỏe người tiêu dùng; không quảng cáo cường điệu, sai sự thật, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn mác và xuất xứ hàng hoá.

– Chủ thể sản xuất kinh doanh phải tôn trọng, đảm bảo lợi ích chính đáng của người lao động (tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách,...) theo đúng cam kết; đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.

– Chủ thể sản xuất kinh doanh tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy định của pháp luật, không trốn thuế, lậu thuế, sản xuất kinh doanh những mặt hàng quốc cấm; không làm ô nhiễm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

– Các chủ thể sản xuất kinh doanh vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh, không thông đồng bán hạ giá, phá giá nhằm triệt hạ đối thủ; không đánh cắp bí mật thương mại của đối thủ,...

Mỗi học sinh cần chủ động, tích cực tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh; có ý thức nhắc nhở, tuyên truyền, vận động người thân trong gia đình và những người xung quanh thực hiện tốt đạo đức kinh doanh. Đồng thời, học sinh cần phê phán những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh lành mạnh.



Luyện tập

1. Em hãy cho biết các ý kiến dưới đây là đúng hay sai. Vì sao?
 - A. Đạo đức kinh doanh chỉ được biểu hiện trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng, người tiêu dùng.
 - B. Khi doanh nghiệp thực hiện đạo đức kinh doanh thì lợi ích của doanh nghiệp sẽ thống nhất với lợi ích của người tiêu dùng và xã hội.
 - C. Chỉ cần chủ doanh nghiệp thực hiện đạo đức kinh doanh, còn người lao động, nhân viên trong doanh nghiệp thì không cần.
2. Em hãy cho biết hành vi của các nhân vật trong các trường hợp dưới đây là thực hiện đạo đức kinh doanh hay vi phạm đạo đức kinh doanh. Vì sao?
 - A. Khi khách hàng phản ánh về chất lượng sản phẩm, nhân viên của Công ty X có thái độ phục vụ tiêu cực.
 - B. Công ty chế biến nông sản X tìm cách để ép giá thu mua nông sản của bà con nông dân.
 - C. Doanh nghiệp P đóng bảo hiểm đầy đủ cho nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

D. Cửa hàng kinh doanh của anh X thường xuyên lấy ý kiến của khách hàng để cải thiện chất lượng phục vụ.

E. Công ty T tìm mọi cách để triệt hạ sản phẩm của đối thủ cạnh tranh.

3. Em hãy đọc tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi:

Để tăng lợi nhuận, doanh nghiệp chế biến nông sản H cố tình sử dụng nguyên liệu giá rẻ, không đảm bảo chất lượng để sản xuất. Không những thế, doanh nghiệp này còn xả thải trái phép, làm ảnh hưởng đến môi trường và cuộc sống của người dân xung quanh.

Em hãy nhận xét về việc làm của doanh nghiệp trên. Nếu là nhân viên của doanh nghiệp này, em sẽ thể hiện thái độ và hành vi như thế nào?

4. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến dưới đây? Em hãy liệt kê các biện pháp để thực hiện đạo đức kinh doanh.

Lợi nhuận có thể làm cho người kinh doanh trở nên mù quáng, vô trách nhiệm bằng cách che giấu các hành vi phạm pháp luật của mình. Vì vậy, để thực hiện đạo đức kinh doanh, không chỉ bằng tuyên truyền, vận động mà còn cần một hành lang pháp lí đủ mạnh và có tính răn đe cao.

5. Em hãy đọc tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi.

Lợi dụng tình hình mưa lũ dài ngày, nhiều cửa hàng thực phẩm đã tăng giá bán các mặt hàng lên gấp hai lần giá bình thường. Gia đình bạn B cũng có cửa hàng kinh doanh thực phẩm và cũng định tăng giá bán để kiếm lời.

a) *Em hãy nhận xét việc làm của các chủ thể kinh doanh trong tình huống trên.*

b) *Nếu là B, em sẽ vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh như thế nào?*

Vận dụng

1. Em hãy sưu tầm và chia sẻ về một tấm gương có đạo đức trong kinh doanh.
2. Em hãy tìm kiếm các thông tin/hình ảnh/video về các hành vi vi phạm đạo đức trong kinh doanh và chia sẻ với các bạn trong lớp.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế.
- Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.
- Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.
- Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.
- Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.



Mở đầu

Văn hoá tiêu dùng là một trong những yếu tố tác động đến quyết định tiêu dùng sản phẩm của mỗi người. Khi tham gia vào hoạt động tiêu dùng, mỗi cá nhân, cộng đồng và dân tộc có đặc trưng riêng về văn hoá tiêu dùng.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về những nét đặc sắc của văn hoá tiêu dùng trong dịp Tết ở mỗi vùng miền ở nước ta (mâm cỗ, mâm ngũ quả ngày Tết của ba miền; các loại hoa trang trí, trang phục ngày Tết,...).



Khám phá

1. Vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi



Hình 1. Người tiêu dùng mua thực phẩm theo tiêu chuẩn VietGap (Nguồn: tuoitre.vn)



Hình 2. Hộ gia đình lắp đặt điện mặt trời áp mái (Nguồn: vista.gov.vn)

Trường hợp. Hiện nay, sản xuất và tiêu dùng xanh được xem là xu hướng của nhiều quốc gia trên thế giới. Xuất phát từ sự gia tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm xanh, sạch, nhiều doanh nghiệp ở nước ta đã chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh như năng lượng xanh, sản phẩm tái chế, nông sản sạch... Với sự đón nhận của người tiêu dùng, doanh thu của các doanh nghiệp này ngày càng tăng lên và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của đất nước.



- a) Em hãy cho biết mỗi hình ảnh và trường hợp trên đề cập đến hoạt động tiêu dùng sản phẩm nào?
- b) Theo em, việc tiêu dùng đó có vai trò gì đối với sự phát triển kinh tế của đất nước?



Vai trò của tiêu dùng:

- Tiêu dùng là đầu ra của sản xuất, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.
- Tiêu dùng góp phần định hướng cho hoạt động sản xuất; thúc đẩy sản xuất hàng hoá ngày càng đa dạng, phong phú về số lượng và đảm bảo chất lượng, hướng tới phát triển kinh tế bền vững.

2. Văn hoá tiêu dùng và vai trò của văn hoá tiêu dùng

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi nền văn hoá đều có những đặc trưng riêng trong văn hoá tiêu dùng, làm nên vẻ đẹp đa dạng và đặc sắc. Những đặc trưng đó được thể hiện rõ nét trong phong tục, tập quán, nghi thức truyền thống vào dịp mừng năm mới.

Tại Nhật Bản, năm mới hay Oshogatsu là ngày lễ quan trọng nhất trong năm. Trong ba ngày đầu năm, người Nhật thường ăn các món như: trứng cá trích, rong biển, bánh cá, khoai lang nghiền, hạt dẻ... Trong đó, không thể thiếu món súp bánh gạo, món ăn cầu mong sự tốt lành trong năm mới.

Tại Hàn Quốc, lễ mừng năm mới bắt đầu bằng việc mọi người mặc trang phục truyền thống Hanbok. Các món ăn truyền thống bao gồm: canh bánh gạo, mì khoai lang với thịt và rau, sườn lợn sốt, bánh quy truyền thống, hoa quả,... Ở Việt Nam, mỗi dịp Tết đến xuân về, hẳn ai cũng nhớ tới bánh chưng – loại bánh có lịch sử lâu

đời trong ẩm thực truyền thống Việt Nam. Bánh chưng đã trở thành nét văn hoá tiêu dùng tinh túy không thể thiếu trong đời sống văn hoá truyền thống của dân tộc Việt mỗi dịp năm mới gõ cửa.

(Theo bài viết *Phong tục đón năm mới thú vị của một số quốc gia châu Á*, Tạp chí Con số và sự kiện, 2021, no.1, tr.64 – 66, ISSN.2734-9136)

Trường hợp 1. Là chủ doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo truyền thống, ngay từ khi bắt đầu công việc kinh doanh của mình, anh A đã tìm hiểu những nét đặc trưng về khẩu vị, tập quán tiêu dùng của người dân ở mỗi vùng miền để xây dựng chiến lược sản phẩm, kênh phân phối, quảng cáo sản phẩm,... Việc nắm bắt được đặc điểm văn hoá tiêu dùng của cộng đồng đã giúp anh A có định hướng sản xuất kinh doanh phù hợp và thu được lợi nhuận.

Trường hợp 2. Những năm gần đây, tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là lượng rác thải nhựa tăng lên đáng báo động. Xuất phát từ thực trạng đó, Nhà nước có rất nhiều chính sách khuyến khích công dân tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Trong nhà trường, ngày càng nhiều học sinh thay vì mua những chai nước uống bằng nhựa dùng một lần đã chuyển sang sử dụng bình nước cá nhân. Việc làm này đã góp phần định hướng cho sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Trường hợp 3. Mỗi thành viên trong gia đình Lan đều có ý thức tiêu dùng tiết kiệm. Bố mẹ Lan thường nhắc nhở con cái trong chi tiêu hợp lý, vừa đủ cho nhu cầu, tránh chi tiêu các sản phẩm xa xỉ và không rõ nguồn gốc, tiết kiệm điện, nước và hạn chế sử dụng thức ăn nhanh,... Nhờ chi tiêu hợp lý nên gia đình Lan luôn chủ động trong cuộc sống.



- a) Em hãy cho biết những giá trị, chuẩn mực tiêu dùng của một số quốc gia châu Á được thể hiện như thế nào ở thông tin trên.
- b) Em hãy làm rõ vai trò của văn hoá tiêu dùng được thể hiện ở mỗi thông tin và trường hợp trên.



Văn hoá tiêu dùng là nét đẹp trong thói quen, tập quán tiêu dùng của cá nhân, nhóm, cộng đồng hình thành, phát triển theo thời gian và biểu hiện qua hành vi tiêu dùng.

Văn hoá tiêu dùng có vai trò quan trọng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội:

Đối với lĩnh vực văn hoá – xã hội: Văn hoá tiêu dùng góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị, chuẩn mực, tập quán tiêu dùng tốt đẹp, bền vững từ thế hệ này sang thế hệ khác, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của dân tộc.

Đối với lĩnh vực kinh tế: Văn hoá tiêu dùng tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể, đặc biệt là chiến lược về sản phẩm (tìm hiểu thị hiếu, tâm lý, thói quen của người tiêu dùng), về giá cả (tâm lý tiêu dùng, đối tượng khách hàng của mỗi thị trường khác nhau sẽ cho cách định giá khác nhau ở mỗi sản phẩm), về phân phối (đúng hàng, đúng nơi, đúng thời gian, đảm bảo chi phí tối thiểu) và hỗ trợ thương mại (thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng và tạo lợi thế cạnh tranh).

3. Một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng

a. Đặc điểm văn hoá tiêu dùng Việt Nam

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi



Một gia đình ở Đại Từ, Thái Nguyên chuẩn bị đón Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi (1959).
Ảnh: Tư liệu TTXVN.



Hội thi gói bánh chưng, bánh giầy nhân dịp Giỗ Tổ Hùng Vương 2022. Ảnh: TTXVN.

Thông tin. Từ bao đời nay, người dân Việt Nam luôn giữ gìn cốt cách mộc mạc, chân phương, kiệm cần với công việc và đơn sơ trong lối sống, sinh hoạt thường ngày. Sinh thời, Bác Hồ đã sống cả cuộc đời thanh bạch từ ăn, ở đến phương tiện sử dụng phục vụ công việc hằng ngày. Nhà ở của Bác chỉ là một ngôi nhà sàn gỗ lợp ngói, trên gác có hai phòng, mỗi phòng hơn 10m², chỉ nhỏ gọn vậy thôi nhưng Bác vẫn đề nghị đồng chí Phạm Văn Đồng sử dụng một phòng để khỏi lãng phí. Bác Hồ thường

nói rằng “Người ta ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp, nhưng phải đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân còn khó khăn, một người nào đó muốn sống hưởng ăn ngon, mặc đẹp thì không có đạo đức”. Để thấm nhuần tư tưởng, lối sống của Bác, mỗi người dân Việt Nam cần thực hiện lối sống giản dị và tiết kiệm.

(Theo bài viết *Học Bác từ những điều giản dị*, Báo điện tử Công an nhân dân, ngày 05/10/2019)

Trường hợp 1. Là người tiêu dùng thận trọng, chị P luôn cân nhắc trước khi mua hàng hoá. Với sự đa dạng về chủng loại, giá cả và mẫu mã sản phẩm trên thị trường, chị P đã biết lựa chọn hàng hoá một cách hợp lí. Trước khi quyết định mua hàng, chị thường tìm hiểu thông tin về hàng hoá, sản phẩm mình cần (giá cả, tính năng, chất lượng và phản hồi từ người tiêu dùng khác),...

Trường hợp 2. Trong xã hội truyền thống, các hộ gia đình ở Việt Nam thường có thói quen mua sắm tại chợ truyền thống. Mỗi xã, phường đều có chợ hay điểm tụ họp, trao đổi hàng hoá. Ngày nay, với sự đa dạng của thị trường, thói quen tiêu dùng của người dân Việt Nam đã có sự thay đổi rõ rệt. Bên cạnh các hình thức mua bán truyền thống, số lượng người mua bán và thanh toán trực tuyến ngày càng gia tăng.



- a) Em hãy cho biết những hình ảnh, thông tin và trường hợp trên đề cập đến đặc điểm văn hoá tiêu dùng nào?
- b) Ngoài những đặc điểm trên, theo em, văn hoá tiêu dùng Việt Nam còn có những đặc điểm nào?



Văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam là những giá trị xã hội tốt đẹp trong tiêu dùng, được tích lũy theo thời gian, hình thành nên nhận thức và niềm tin, được phản ánh một phần qua hành vi và quyết định tiêu dùng, là động lực thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội gắn với bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Một số đặc điểm cơ bản văn hoá tiêu dùng Việt Nam:

- Tính kế thừa: Văn hoá tiêu dùng Việt Nam có sự kế thừa truyền thống của dân tộc, mang bản sắc văn hoá Việt Nam;
- Tính giá trị: Văn hoá tiêu dùng Việt Nam hướng tới giá trị tốt đẹp, chân, thiện, mỹ.
- Tính thời đại: Thói quen, hình thức, cách thức thanh toán đa dạng, phù hợp với sự phát triển của văn hoá tiêu dùng Việt Nam.

- Tính hợp lí: Người tiêu dùng biết cân nhắc, lựa chọn hàng hoá, dịch vụ; chỉ tiêu có kế hoạch, phù hợp với nhu cầu bản thân và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

b. Các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Để thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, trong những năm qua, Bộ Chính trị đã phát động cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm mục đích phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam. Kể từ khi triển khai cuộc vận động cho đến nay, văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam ngày càng hướng tới các giá trị tốt đẹp, thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển. Nhiều người tiêu dùng đã tích cực tham gia cuộc vận động, thể hiện trách nhiệm, khát vọng vươn lên của người Việt Nam trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá và sử dụng hàng Việt Nam.

(Theo bài viết *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 27/5/2021)

Trường hợp 1. Doanh nghiệp X là một trong số các doanh nghiệp sản xuất hàng Việt Nam có uy tín trên thị trường. Trước bối cảnh hội nhập kinh tế và sự cạnh tranh với hàng hoá nước ngoài, doanh nghiệp X đã tích cực đổi mới công nghệ và thực hiện trách nhiệm xã hội bằng việc sản xuất các hàng hoá có chất lượng cao mang thương hiệu Việt Nam.

Trường hợp 2. H theo dõi các chương trình khuyến mại, giảm giá để có thể mua được trang phục, giày dép,... của các nhãn hàng nước ngoài và khoe với các bạn trong lớp. Bạn thân khuyên H nên cân nhắc khi mua hàng đắt tiền để tránh lãng phí và nên sử dụng hàng Việt Nam nhưng H gạt đi và cho rằng, khi mua hàng ngoại, H có niềm tự hào là người tiêu dùng “sành điệu”.



- Em hãy cho biết mỗi thông tin và trường hợp trên đề cập đến biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam của chủ thể nào?
- Theo em, mỗi biện pháp đó có ý nghĩa như thế nào đối với việc xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam? Ngoài những biện pháp trên, em hãy kể tên một số biện pháp khác nhằm xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam.
- Em có nhận xét gì về hành vi tiêu dùng của bạn H? Nếu là bạn của H, em sẽ đưa ra lời khuyên cho H như thế nào?
- Là học sinh, em sẽ làm gì để góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam?



Để xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam, mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội cần phải đẩy mạnh tuyên truyền các nét đẹp trong văn hoá tiêu dùng; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá tiêu dùng truyền thống, tốt đẹp của đất nước; học tập văn hoá tiêu dùng văn minh và tích cực quảng bá văn hoá tiêu dùng của Việt Nam đến các nước trên thế giới.



Luyện tập

- Theo em, hành vi tiêu dùng của chủ thể nào dưới đây là hành vi tiêu dùng có văn hoá? Với các hành vi tiêu dùng không có văn hoá, chúng ta nên ứng xử như thế nào?
 - Vào dịp Tết, nhiều gia đình luôn giữ gìn và phát huy giá trị tốt đẹp của văn hoá tiêu dùng Việt Nam, từ việc nấu các món ăn truyền thống đến trang trí hoa đào, hoa mai ngày Tết.
 - Bạn X thường sử dụng các hàng hoá, dịch vụ thân thiện với môi trường.
 - Chị P thường mua nhiều hàng hoá, dịch vụ vì cho rằng việc làm này sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển.
 - Anh T tích cực tuyên truyền, ủng hộ mua sắm các hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ Việt Nam.
 - Các thành viên trong gia đình bạn M luôn ăn mặc giản dị, tránh xa hoa, lãng phí.
- Em hãy liệt kê một vài sản phẩm xanh, sạch mà em biết và làm rõ vai trò của văn hoá tiêu dùng thông qua hành vi tiêu dùng sản phẩm đó.
- Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào dưới đây? Vì sao?
 - Thấy nông sản của các bà con nông dân trong vùng tiêu thụ rất khó khăn, một số cá nhân đã tích cực tham gia giải cứu để chia sẻ sự vất vả với các hộ nông dân. Biết điều này, X đã vận động bạn bè trong lớp mua ủng hộ bà con.
 - Nhà trường vận động học sinh tham gia phong trào tiêu dùng xanh, tiêu dùng an toàn sức khoẻ.
- Em hãy liệt kê các hành vi tiêu dùng chưa có văn hoá của học sinh và nêu biện pháp để khắc phục.



Vận dụng

- Em hãy cùng bạn xây dựng một sản phẩm để tuyên truyền, quảng bá các hàng hoá Việt Nam chất lượng cao được sản xuất ở địa phương em.
- Em hãy viết bài để phê phán các biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng và tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Chủ đề 7

Quyền bình đẳng của công dân

Chủ đề 8

Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân

Chủ đề 9

Một số quyền tự do cơ bản của công dân



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý).
- Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.
- Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản, cụ thể của đời sống thực tiễn.
- Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.

**Mở đầu**

Bình đẳng trước pháp luật là quyền cơ bản của công dân, được quy định tại Điều 16 Hiến pháp năm 2013 và trong các luật liên quan; Hiến pháp được Nhà nước tôn trọng và bảo đảm thực hiện.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

**Khám phá****1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ**

Em hãy đọc thông tin, trường hợp, tình huống và trả lời câu hỏi

*Thông tin***1. Hiến pháp năm 2013****Điều 16**

1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội.

2. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

Điều 8. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự (Trích)

1. Trong tố tụng dân sự mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, địa vị xã hội.

Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng trước Tòa án.

Trường hợp 1. Mặc dù hoàn cảnh gia đình khác nhau, sau khi có kết quả kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông, các bạn học sinh lớp 12A Trường Trung học phổ thông X đều đăng kí tham gia tuyển sinh đại học theo nguyện vọng của bản thân.

Trường hợp 2. Anh Kiên và chị Hạnh cùng nộp hồ sơ đăng kí thành lập công ty tư nhân. Sau khi xem xét hồ sơ đăng kí kinh doanh, xét thấy hồ sơ của hai cá nhân này đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho anh Kiên và chị Hạnh trong thời hạn quy định.

Tình huống 1. Ông N, bà M và bà V đều có cửa hàng bán quần áo may sẵn trên cùng một tuyến phố. Đến kì thu thuế, ông N và bà M đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ và đúng hạn. Riêng bà V luôn đề nghị cơ quan thuế ưu tiên cho chậm nộp thuế hằng tháng, vì bà là phụ nữ và kinh tế gia đình khó khăn hơn ông N và bà M. Đề nghị của bà V không được cơ quan thuế chấp thuận.

Tình huống 2. Năm nay Q, P và K đều đủ 17 tuổi, đều thuộc diện đăng kí nghĩa vụ quân sự, theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự. Q và P đã thực hiện xong việc đăng kí, còn K thì cho rằng bố của K là nhà kinh doanh thành đạt, đã nộp nhiều tiền thuế cho Nhà nước, nên K được miễn đăng kí. Thấy vậy, Q nói với K: Bố của cậu nộp thuế là thực hiện nghĩa vụ thuế của người kinh doanh, còn cậu cũng như chúng mình đều phải thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự, thực hiện đúng nghĩa vụ công dân, không phân biệt.



- Trong trường hợp 1, các bạn học sinh lớp 12A đã được hưởng quyền gì? Các bạn ấy có bị phân biệt đối xử vì hoàn cảnh gia đình không?
- Ở trường hợp 2, thể hiện bình đẳng về quyền nào của công dân?
- Trong tình huống 1, vì sao cơ quan thuế không chấp nhận đề nghị được nộp chậm thuế của bà V?
- Em đồng ý với ý kiến của bạn Q hay bạn K trong tình huống 2? Vì sao?



Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Mọi công dân đều được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Công dân bình đẳng về quyền. Bất kì công dân nào nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được hưởng các quyền công dân như quyền bầu cử, ứng cử, quyền khiếu nại, tố cáo, quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin, quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo, quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền học tập, quyền được đảm bảo an sinh xã hội,...

Công dân bình đẳng về nghĩa vụ như tuân theo Hiến pháp và pháp luật, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nghĩa vụ nộp thuế,...

Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt, đối xử bởi lí do dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội. Pháp luật không thừa nhận đặc quyền, đặc lợi của bất kì đối tượng, tầng lớp nào.

Trong cùng một điều kiện, hoàn cảnh như nhau, công dân được hưởng quyền và có nghĩa vụ như nhau, nhưng mức độ sử dụng các quyền và nghĩa vụ đó đến đâu lại tùy thuộc vào điều kiện, khả năng và hoàn cảnh của mỗi người.

2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 3. Nguyên tắc xử lí (Trích)

1. Đối với người phạm tội:

a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lí nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội;

Thông tin 2. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Điều 9. Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Trích)

Tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lí theo pháp luật.

Thông tin 3. Trong đợt kiểm tra đột xuất trên địa bàn xã H, Đội Quản lý thị trường huyện T phát hiện hai cửa hàng kinh doanh đang bán hàng hoá nhập lậu. Cửa hàng của bà X bán đồ chơi điện tử nhập lậu trị giá 40 triệu đồng; cửa hàng của bà Y bán rượu, thuốc lá nhập lậu trị giá 60 triệu đồng. Căn cứ vào mức độ vi phạm của mỗi cửa hàng, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường huyện T đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với cửa hàng của bà X và cửa hàng của bà Y.

Thông tin 4. Tại phiên toà hình sự sơ thẩm Toà án nhân dân tỉnh V, hai bị cáo C và D bị tuyên phạt tội mua bán trái phép chất ma tuý là he-rô-in với khối lượng khác nhau: Bị cáo C bán 10 gam he-rô-in, bị cáo D bán 15 gam he-rô-in. Toà án đã áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội mua bán trái phép chất ma tuý, tuyên phạt tù giam bị cáo C và bị cáo D.



- a) Từ các thông tin 1, 2, em hãy cho biết vì sao bà X, bà Y ở thông tin 3, bị cáo C và D ở thông tin 4 đều bị xử lý do vi phạm pháp luật. Việc Đội quản lý thị trường huyện T và Toà án nhân dân tỉnh V xử phạt những người vi phạm pháp luật đã thể hiện công dân bình đẳng về nội dung nào?
- b) Từ các thông tin trên, em hiểu thế nào là công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý?



Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật, không phân biệt đó là người có chức, có quyền, có địa vị xã hội hay là một công dân bình thường, không phân biệt giới tính, tôn giáo,...

Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì từ người lãnh đạo cho đến người lao động bình thường đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, không phân biệt đối xử.

3. Ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Trường hợp 1. Theo Quy chế tuyển sinh, học sinh người dân tộc thiểu số được cộng điểm ưu tiên khi xét tuyển vào đại học, thực hiện được quyền học tập của mình.

Trường hợp 2. Anh Thành và anh Tài ở hai tỉnh khác nhau đều muốn thành lập công ty. Anh Thành xin thành lập công ty dịch vụ và kinh doanh sản phẩm máy tính với vốn điều lệ 600 triệu đồng; anh Tài xin thành lập công ty sản xuất và kinh doanh nước giải khát với vốn điều lệ là 300 triệu đồng. Hai anh nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh và đều được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, không phụ thuộc vào vốn điều lệ của mỗi công ty.



- a) Quy định ưu tiên tuyển sinh đại học cho học sinh người dân tộc thiểu số có thể hiện quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật hay không? Vì sao? Việc cộng điểm ưu tiên tạo cơ hội gì cho học sinh người dân tộc thiểu số?
- b) Quyền bình đẳng của công dân được thể hiện như thế nào trong trường hợp 2?
- c) Từ các trường hợp trên, theo em quyền bình đẳng có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?



Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là một trong các quyền cơ bản của con người, của công dân được quy định trong Hiến pháp và luật, được thực hiện trong thực tế.

Quyền bình đẳng trước pháp luật tạo điều kiện để công dân được sống một cuộc sống an toàn, lành mạnh, được phát triển đầy đủ và toàn diện, trên cơ sở đó có điều kiện và khả năng thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình, đảm bảo sự tôn nghiêm của pháp luật.

Quyền bình đẳng trước pháp luật tạo ra sự công bằng giữa mọi công dân, không bị phân biệt đối xử trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, là cơ sở đảm bảo cho xã hội an toàn, ổn định và phát triển.



Luyện tập

1. Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật? Vì sao?
 - A. Ông G và ông H có điều kiện, hoàn cảnh khác nhau cùng nộp đơn đăng kí kinh doanh, với hồ sơ và điều kiện như nhau, đều được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.
 - B. S và P cùng 16 tuổi, cùng đi xe máy vào đường ngược chiều, nhưng Cảnh sát giao thông chỉ xử phạt S mà không xử phạt P.

C. Bà X và bà Y là hai hộ kinh doanh cùng kinh doanh một mặt hàng và cùng chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như nhau, nhưng cửa hàng của bà X bị xử phạt, còn cửa hàng của bà Y thì không bị xử phạt với lí do cửa hàng này bán hàng kém hơn.

D. Hai bạn B và C đều mới tốt nghiệp trung học phổ thông, đã khám sức khoẻ và đều thuộc diện nhập ngũ theo quy định, nhưng B có giấy gọi nhập ngũ, còn C thì được miễn với lí do chờ ôn thi đại học cho sang năm.

2. Em hãy xử lí tình huống sau:

a. Lớp 12B có 35 bạn đăng kí thi vào các trường đại học khác nhau trên cơ sở kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Kết quả có 10 bạn trúng tuyển vào đại học, 15 bạn đủ điểm vào các trường cao đẳng, còn 10 bạn khác thì không trúng tuyển, đi vào cuộc sống lao động. Với kết quả này, một số bạn cho rằng các bạn của lớp 12B không có quyền bình đẳng với nhau trong học tập.

Em có đồng ý với ý kiến của các bạn trong tình huống này không? Vì sao?

b. Trong đợt kiểm tra một số cửa hàng thuốc tân dược, Thanh tra Y tế tỉnh H phát hiện hai quầy thuốc của chị C và chị D có một số sai phạm. Cụ thể: Cửa hàng của chị C có một số thuốc trong đó cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có bao bì không đúng hồ sơ đăng kí; còn cửa hàng của chị D thì thay đổi, sửa chữa hạn dùng ghi trên nhãn hiệu của một số thuốc tân dược. Theo vi phạm này, mức xử phạt vi phạm của mỗi cửa hàng sẽ là từ 10 triệu đến 30 triệu đồng. Nhưng Thanh tra chỉ ra quyết định xử phạt chị D, còn chị C được bỏ qua vì trước đó chị đã nhờ người quen giúp đỡ.

a) Em nhận xét thế nào về việc xử phạt của Thanh tra y tế trong tình huống trên?

b) Việc Thanh tra y tế không xử phạt chị C gây ra hậu quả gì cho công dân và xã hội?

3. Tự liên hệ bản thân, em đã thực hiện pháp luật về quyền bình đẳng của công dân như thế nào?

Vận dụng

Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng một kế hoạch tuyên truyền về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật theo gợi ý:

Lập kế hoạch tuyên truyền:

- Mục đích, đối tượng tuyên truyền;
- Hình thức, nội dung tuyên truyền;
- Thời gian, địa điểm thực hiện.

Trình bày kế hoạch trước lớp.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực.
- Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống con người và xã hội.
- Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giới trong các tình huống đơn giản, cụ thể của đời sống thực tiễn.
- Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giới.



Mở đầu

Đấu tranh cho nam nữ bình quyền, giải phóng phụ nữ luôn gắn liền với các cuộc cách mạng xã hội, là thước đo trình độ phát triển, tiến bộ của xã hội. Ở Việt Nam, thực hiện bình đẳng giới là chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước.

Hãy kể tên một số văn bản quy phạm pháp luật đề cập đến bình đẳng giới mà em biết.



Khám phá

1. Ý nghĩa của bình đẳng giới

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1

Luật Bình đẳng giới 2006

Điều 4. Mục tiêu bình đẳng giới

Mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế – xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Thông tin 2. Vấn đề bình đẳng giới đang được cả cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm, bởi trên thực tế tình trạng bất bình đẳng giới đã và đang diễn ra phổ biến. Bất bình đẳng giới là một trong những nguyên nhân hạn chế quá trình phát triển kinh tế – xã hội và cũng là nguyên nhân làm tăng đói nghèo, cản trở việc chăm sóc sức khoẻ dân cư, hạn chế các cơ hội tăng thu nhập và gây nên hàng loạt tổn thất khác cho xã hội.

Việt Nam đã và đang trải qua những bước chuyển biến trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội, phải đối mặt với những khó khăn và thách thức to lớn trong quá trình hội nhập, chúng ta cần sự tham gia của tất cả các giới ở mọi cấp độ và để điều đó xảy ra, tất cả các giới đều cần phải hiểu và gắn kết với nhau trong sự công nhận và tôn trọng lẫn nhau.

(Theo *Lí Ngọc Nhân, Đánh giá tình trạng bất bình đẳng giới ở Việt Nam trong những năm gần đây (2009 – 2012) trường hợp tỉnh Trà Vinh, Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 15, tháng 9/2014, tr40 – 47*)

Trường hợp. Cũng như nhiều làng nghề khác trên địa bàn huyện X, tại xã T, nhiều gia đình, cả hai vợ chồng cùng tham gia lao động sản xuất, không phân biệt nam nữ, không có ai ngồi chơi để một nửa còn lại phải một mình vất vả sớm hôm lo toan cơm áo gạo tiền. Vì có sự cảm thông và cùng nhau gánh vác các công việc nên trọng trách, áp lực trong cuộc sống được san sẻ, không đổ dồn lên vai của một người, điều này đã góp phần làm cho cuộc sống của các gia đình ở xã T luôn hạnh phúc và cân bằng, giảm bớt căng thẳng, mâu thuẫn thường nhật.



- Theo em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong thông tin 1 mang lại điều gì cho con người và xã hội?
- Tình trạng bất bình đẳng giới trong thông tin 1 nếu được giải quyết sẽ mang lại lợi ích gì cho các quốc gia trên thế giới và Việt Nam?
- Em hãy xác định biểu hiện và ý nghĩa của bình đẳng giới trong trường hợp trên.



Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Bình đẳng giới tạo điều kiện, cơ hội để nam và nữ phát huy năng lực của mình; thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ nhau trong đời sống gia đình và xã hội.

Bình đẳng giới góp phần phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững; là mục tiêu và thước đo sự tiến bộ của một xã hội.

2. Pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực

a. Pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin 1

Luật bình đẳng giới 2006

Điều 11. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

2. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

4. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

5. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:

a) Bảo đảm tỉ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới;

b) Bảo đảm tỉ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

Thông tin 2. Việt Nam đã có một khung pháp lý khá đầy đủ để đảm bảo quyền của phụ nữ trên các lĩnh vực, đặc biệt là trong tổ chức Quốc hội. Nhờ đó, phụ nữ đã dần được khẳng định vị thế, vai trò của mình trong lĩnh vực này thông qua số lượng và chất lượng tham gia vào việc ra các quyết sách quan trọng đối với sự phát triển bền vững của xã hội. Có thể nhận thấy trong Quốc hội, tỉ lệ nữ là đại biểu Quốc hội tăng dần qua từng nhiệm kì. Nếu Quốc hội khoá I (1946 – 1960) chỉ có 10 đại biểu là nữ, chiếm 3% thì đến Quốc hội khoá XIV (2016 – 2021) số đại biểu nữ được nâng lên 133 người, chiếm 26,8% và đã có nữ Chủ tịch Quốc hội đầu tiên.

(Theo Phan Khuyên, *Pháp luật về bình đẳng giới trong tổ chức Quốc hội nước ta*, Tạp chí Công thương, số 22, tháng 9/2021, tr6 – 12.)

Trường hợp. Được biết Hội phụ nữ xã thành lập đội công tác nhằm tuyên truyền, tư vấn cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, anh M đã đăng kí tham gia. Thấy nhiều chị em băn khoăn cho rằng công việc này không phù hợp với nam giới, anh M đã giải thích: Tôi có chuyên môn về lĩnh vực này, hơn nữa nam và nữ bình đẳng khi tham gia các hoạt động xã hội.



a) Dựa vào quy định của pháp luật trong thông tin 1, em hãy xác định biểu hiện của bình đẳng giới trong thông tin 2 và trường hợp trên.

b) Theo em, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thể hiện như thế nào trong thông tin 2?

c) Hãy nêu thêm những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị mà em biết.



Để thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, pháp luật nước ta quy định:

– Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội, tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức.

– Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

b. Pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 12 (Trích)

1. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

Điều 13 (Trích)

1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

Trường hợp 1. Doanh nghiệp tư nhân A và doanh nghiệp tư nhân B đều kinh doanh lắp đặt hệ thống điện và có trụ sở tại tỉnh X. Sau khi được tư vấn pháp luật về việc mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp A và doanh nghiệp B đã lập hồ sơ mở Chi nhánh tại tỉnh Y và được chấp nhận. Khi biết chi nhánh kinh doanh mới mở của doanh nghiệp A có mức thuế phải đóng thấp hơn chi nhánh kinh doanh của doanh nghiệp B, ông T tìm hiểu thì được biết do chi nhánh của doanh nghiệp B sử dụng nhiều lao động nữ nên được ưu đãi về thuế.

Trường hợp 2. Chị H đang làm việc tại Công ty xuất nhập khẩu X. Chị luôn hoàn thành tốt mọi công việc được giao, có chuyên môn tốt và được đồng nghiệp quý mến. Nhưng khi khuyết Trưởng phòng nhân sự, Giám đốc công ty lại không bổ nhiệm chị làm Trưởng phòng nhân sự mà lại bổ nhiệm anh Q với lý do chị là nữ, tuổi còn trẻ.



- a) Em hãy xác định nội dung của bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động ở thông tin 1.
- b) Nếu là cán bộ thuế, em sẽ giải thích như thế nào để ông T hiểu về trường hợp chi nhánh của doanh nghiệp tư nhân B sử dụng nhiều lao động nữ sẽ được ưu đãi về thuế?
- c) Em hãy sử dụng quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lao động để nhận xét hành vi của Giám đốc Công ty xuất nhập khẩu X.



Pháp luật nước ta quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động bao gồm:

- Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.
- Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.
- Quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động giúp cho tất cả mọi người đều có cơ hội được làm việc theo đúng năng lực của bản thân và được hưởng lợi ích xứng đáng với công việc bản thân đã làm.

c. Pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, khoa học công nghệ

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 14. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (trích)

1. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.
2. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 15. Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ.

2. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế.

Điều 16. Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao

1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao.

2. Nam, nữ bình đẳng trong hưởng thụ văn hoá, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin.

Điều 17. Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế (trích)

1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khoẻ, sức khoẻ sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế.

Trường hợp 1. Sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, em trai V muốn theo học ngành sư phạm mầm non. V khuyên em trai không nên học ngành này vì rất khó xin việc do phần lớn các trường chỉ nhận giáo viên mầm non là nữ.

Trường hợp 2. Chị T được cơ quan cử tham gia khoá đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học môi trường tại nước ngoài. Chị T muốn đi nhưng chồng chị không đồng ý vì cho rằng lĩnh vực này nhiều thách thức, tính cạnh tranh cao nên không phù hợp với nữ.

Trường hợp 3. Bạn N rất thích bóng đá, N dự định tham gia câu lạc bộ bóng đá của huyện để phát triển năng khiếu của mình. Bố mẹ của N phản đối với lí do bóng đá chỉ dành riêng cho con trai.

Trường hợp 4. Hưởng ứng ngày Dân số Thế giới 11/7, Trung tâm y tế huyện Y dự định tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao có nội dung tuyên truyền về “Tăng cường chăm sóc sức khoẻ sinh sản vì chất lượng cuộc sống”. Khi lập kế hoạch, ban tổ chức đã quyết định mời cả nam và nữ tham gia vào tất cả các hoạt động tuyên truyền.



a) Căn cứ vào các quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy xác định nội dung của bình đẳng giới trong các trường hợp trên.

b) Em hãy nêu thêm ví dụ về bình đẳng giới trong các những lĩnh vực của đời sống.



Pháp luật nước ta quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, khoa học và công nghệ, bao gồm:

– Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng; bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

– Nam, nữ bình đẳng trong tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ; tiếp cận các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ, phát minh, sáng chế.

– Nam, nữ được bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao; bình đẳng trong hưởng thụ văn hoá, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin.

– Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khoẻ, sức khoẻ sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế; bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn khi quan hệ tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

d. Pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 18 (Trích)

1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

5. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

Trường hợp. Sau khi lấy chồng, chị M không tham gia quyết định chuyện lớn trong nhà. Hằng ngày, ngoài công việc ở cơ quan, chị M chu toàn việc chăm sóc chồng con và gia đình hai bên. Chồng chị M bận rộn công việc xã hội nên không làm việc nhà và ít quan tâm đến các con.

Khi được tham gia dự án thúc đẩy bình đẳng giới, vợ chồng chị M mới hiểu mỗi công việc trong gia đình không mặc định việc nào là của ai, tất cả các thành viên trong gia đình cần giúp đỡ nhau khi sống chung trong một mái nhà. Mỗi người đều cần và

phải có trách nhiệm với công việc trong gia đình. Đàn ông có thể vào bếp, phụ nữ có thể lo việc xã hội. Vì vậy, cuộc sống của gia đình chị M ngày càng hạnh phúc, hoà thuận và yêu thương nhau.



Em hãy sử dụng các quy định của pháp luật trong thông tin để nhận xét suy nghĩ và hành động của các nhân vật trong câu chuyện trên.



Để thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, pháp luật nước ta quy định:

- Trong gia đình, vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình. Vợ chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.
- Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.
- Các thành viên nam, nữ trong gia đình đều có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

3. Thực hiện quy định của pháp luật về bình đẳng giới

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin. Theo Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, năm 2021 công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai với hình thức phù hợp, giúp nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về bình đẳng giới; tư tưởng trọng nam hơn nữ, định kiến giới, phân biệt đối xử trong xã hội có nhiều thay đổi. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm tăng tỉ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kì 2021 – 2026 được triển khai rộng khắp, góp phần tăng tỉ lệ nữ đại biểu dân cử so với các nhiệm kì trước. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được Bộ Tư pháp thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm, đúng quy trình. Trong quá trình xây dựng và triển khai thi hành các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm

nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, Chính phủ quan tâm và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, quan tâm tới nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, điều này góp phần rút ngắn khoảng cách về giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

(Theo Hồ Hương, *Cần có những giải pháp mạnh mẽ hơn trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới*, quochoi.vn, ngày 28/9/2021)

Tình huống 1. Công ty A có một dự án quan trọng cần người có nhiều kinh nghiệm để phụ trách, có hai ứng cử viên là chị H đang nuôi con nhỏ và anh G vừa mới lập gia đình. Một số người bầu chọn anh G vì cho rằng chị H vướng bận con nhỏ sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công việc. Một số người lựa chọn chị H vì lý do anh G mới lập gia đình sẽ không toàn tâm, toàn ý với công việc. Có người nói với Giám đốc Công ty A: Nếu căn cứ vào những lý do trên để chọn chị H hay anh G thì đều vi phạm pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.

Tình huống 2. Phần lớn các bạn học sinh trong lớp của Dương đều thích và học tốt các môn tự nhiên. Dương là một trong số rất ít học sinh thích học các môn xã hội, Dương mê văn học và mơ ước trở thành thầy giáo dạy môn Ngữ văn. Bố của Dương làm việc trong ngành xây dựng nên đã định hướng và sắp xếp cho con theo học ngành xây dựng. Các bạn trong lớp đều khuyên Dương nên nghe lời bố, không nên theo đuổi nghề giáo viên (nhất là giáo viên dạy Ngữ văn) vì nghề này chỉ phù hợp với nữ, con trai nên chọn các ngành kinh tế hoặc kỹ thuật vừa dễ kiếm việc làm vừa thể hiện được bản lĩnh của phái mạnh. Dương nói với các bạn: Sắp tới lớp mình tổ chức buổi sinh hoạt theo chủ đề “Thanh niên, học sinh với việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới” mình và các bạn sẽ cùng nhau tranh luận về vấn đề này.



a) Vận dụng thông tin 1 trong phần bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị em hãy nhận xét về việc thực hiện quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong thông tin trên? Theo em tại sao việc bảo đảm tỉ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khóa XV không bị coi là bất bình đẳng giới?

b) Hãy sử dụng những quy định của pháp luật để nhận xét ý kiến của các nhân vật trong hai tình huống trên. Theo em, Giám đốc Công ty A và bạn Dương nên làm như thế nào để thực hiện đúng quy định của pháp luật về bình đẳng giới?

c) Hãy chia sẻ với các bạn về một việc em đã thực hiện tốt quy định của pháp luật về bình đẳng giới.



Nhà nước ban hành chính sách để bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình, hỗ trợ và tạo điều kiện cho

nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và hưởng thụ thành quả của sự phát triển. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

Gia đình tạo điều kiện để các thành viên chia sẻ hợp lí công việc gia đình, đối xử công bằng, tạo cơ hội như nhau giữa con trai, con gái trong học tập, lao động và tham gia các hoạt động khác.

Công dân nam, nữ có trách nhiệm học tập pháp luật về bình đẳng giới để nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới; thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện hành vi đúng mực về bình đẳng giới. Phê phán, đấu tranh với những định kiến giới, những hành vi phân biệt đối xử trên cơ sở giới ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; vận động, thuyết phục người khác thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.



Luyện tập

- Em đồng ý hay không đồng ý với nhận định nào dưới đây? Vì sao?
 - Bình đẳng giới được hiểu là mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.
 - Vợ, chồng và các thành viên trong gia đình tôn trọng nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình.
 - Nam và nữ có cơ hội như nhau, làm mọi công việc không phân biệt điều kiện làm việc.
 - Phụ nữ là đồng bào dân tộc ít người khi sinh con đúng chính sách dân số sẽ được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ là bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế.
 - Bình đẳng giới là luôn ưu tiên cho phụ nữ để họ phát huy được hết năng lực của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
- Em hãy xác định trong các trường hợp dưới đây ai thực hiện đúng, ai thực hiện chưa đúng pháp luật về bình đẳng giới. Vì sao?
 - Hai vợ chồng anh T sống cùng với bố mẹ, anh T thường đưa ra các quyết định về mọi việc trong gia đình sau khi đã thống nhất với bố mẹ mình mà không quan tâm đến ý kiến của vợ mình.
 - Doanh nghiệp A đăng thông báo tuyển nhân viên, trong thông báo ghi rõ điều kiện để tuyển dụng nhân viên nam và điều kiện tuyển dụng nhân viên nữ.
 - Chị M được cơ quan cử đi học để nâng cao chuyên môn nhưng chị từ chối vì muốn ở nhà chăm sóc gia đình.
 - Bạn A không đồng ý người phụ trách Đội Xung kích của lớp là nữ vì cho rằng việc này con gái chân yếu tay mềm không làm được.

3. Em hãy nêu những việc làm thực hiện quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội (nêu rõ những việc nên làm, những việc không nên làm).

4. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Em hãy đóng vai đưa ra cách ứng xử phù hợp với quy định của pháp luật trong những trường hợp sau:

– Biết tin chị gái của em ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhưng chồng của chị không đồng ý vì cho rằng phụ nữ không nên tham gia hoạt động chính trị.

– Cô giáo yêu cầu các bạn nam trong lớp hằng ngày phải đến trường sớm hơn các bạn nữ 15 phút để vệ sinh lớp học.

– Nghe thấy bạn thân của em nói với mọi người: Bình đẳng giới là yêu cầu nam giới làm những công việc của phụ nữ và ngược lại.

b. Bạn D rất thích nấu ăn nên thường xung phong nấu ăn cho gia đình. Điều thú vị là món ăn D nấu ai cũng đều khen ngon. D dự định sau này sẽ trở thành một đầu bếp chuyên nghiệp mang đến nhiều món ăn hấp dẫn, độc đáo cho mọi người ngay trên chính quê hương mình. Biết dự định này của con, bố mẹ D kịch liệt phản đối vì cho rằng nghề bếp rất vất vả, hơn nữa không phù hợp với con trai.

Theo em, bố mẹ của D có nhận thức đúng về bình đẳng giới không? Nếu là D, em sẽ thuyết phục bố mẹ như thế nào?



Vận dụng

1. Em hãy cùng bạn lập kế hoạch tổ chức cuộc thi vẽ tranh cổ động về thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong trường học theo các gợi ý sau:

– Lập kế hoạch (xác định mục đích cuộc thi, đối tượng dự thi; thời gian, hình thức tổ chức, thể lệ cuộc thi; nội dung thông điệp chủ đề; tiêu chí đánh giá;...).

– Thuyết trình, giới thiệu kế hoạch trước lớp.

2. Em hãy cùng bạn khảo sát và viết bài tuyên truyền việc thực hiện bình đẳng giới tại trường em đang học.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
- Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội.
- Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.
- Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.



Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia thống nhất có nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo cùng sinh sống. Các dân tộc, tôn giáo trên đất nước ta đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, cùng nhau đoàn kết vượt qua mọi khó khăn, thử thách để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Em hãy kể tên một số dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam và chia sẻ những điều em biết về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo đó.



Khám phá

1. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc

a. Pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin 1

Hiến pháp năm 2013

Điều 5 (Trích)

1. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển đất nước.

Thông tin 2. Việc thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc phải toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Bình đẳng trong chính trị là tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số được tham gia chính quyền và các cơ quan quyền lực nhà nước để họ có đại diện của mình. “Để thực hiện đầy đủ nguyên tắc các dân tộc bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, chính quyền ở xã phải gồm đủ đại biểu các dân tộc trong xã. Từ xã đến tỉnh, tùy theo dân số các dân tộc ở địa phương nhiều hay ít mà quyết định số đại biểu các dân tộc đó tham gia chính quyền,...”. Bảo đảm những lợi ích kinh tế và nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào dân tộc thiểu số là nội dung cốt lõi của bình đẳng dân tộc về mặt kinh tế. Các dân tộc được tự do bảo tồn và phát triển văn hoá, truyền thống, chữ viết của mình, được hưởng các thành quả phát triển văn hoá chung của đất nước “Văn hoá của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc sẽ được tự do phát triển tồn tại và được bảo đảm”; “Phát triển bình dân học vụ và phát triển văn nghệ dân tộc ở các vùng thiểu số, phổ biến việc la tinh hoá tiếng nói của các dân tộc chưa có chữ và bảo đảm việc dạy học bằng các thứ tiếng đó trong các trường của dân tộc thiểu số (nhất là ở các lớp dưới)”.

(Theo Hà Thị Thủy Dương, Đinh Đức Duy, Quan điểm của V.I.Lenin về bình đẳng dân tộc và sự vận dụng, bổ sung, phát triển ở Việt Nam, Tạp chí Lý luận chính trị số 10/2019, tr.54 – 59)

Trường hợp. Tỉnh X có nhiều đồng bào các dân tộc chung sống đoàn kết với nhau. Gần đây, xuất hiện một số phần tử có hành vi kích động, chia rẽ các dân tộc khiến cho bà con các dân tộc hiểu lầm, mâu thuẫn với nhau. Chính quyền và các cơ quan chức năng tỉnh X sau một thời gian điều tra, theo dõi đã tìm được thủ phạm. Kẻ chủ mưu và đồng bọn đã bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.



- Em hãy xác định nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong thông tin 1?
- Ngoài những quy định của Hiến pháp về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, em còn biết đến những quy định nào khác của pháp luật về quyền này?
- Trong thông tin 2, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được biểu hiện như thế nào trong từng lĩnh vực? Em hãy lấy ví dụ để làm rõ những biểu hiện đó.
- Em hãy sử dụng các quy định của pháp luật trong thông tin 1 để nhận xét hành vi của các phần tử trong trường hợp bên. Theo em, hành vi đó có thể bị xử lý như thế nào?



Các dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực của đời sống. Cụ thể:

Về chính trị: Các dân tộc có quyền làm chủ đất nước; tham gia thảo luận, góp ý các vấn đề chung của đất nước; tham gia quản lí nhà nước và xã hội; tham gia vào bộ máy nhà nước.

Về kinh tế: Các dân tộc có quyền tham gia vào các thành phần kinh tế; được tạo cơ hội, điều kiện để phát triển kinh tế.

Về văn hoá, giáo dục: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình; được giữ gìn, phát huy phong tục, tập quán, giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình; có cơ hội học tập và bình đẳng trong giáo dục.

Mỗi dân tộc thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các dân tộc khác, giúp đỡ các dân tộc khác cùng phát triển, cùng xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc. Mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc đều bị xử lí nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

b. Ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin

Hiến pháp năm 1946

Lời nói đầu (Trích)

Được quốc dân giao cho trách nhiệm thảo bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Quốc hội nhận thấy rằng Hiến pháp Việt Nam phải ghi lấy những thành tích vẻ vang của Cách mạng và phải xây dựng trên những nguyên tắc dưới đây:

- Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo.
- Đảm bảo các quyền tự do dân chủ.
- Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Với tinh thần đoàn kết, phấn đấu sẵn có của toàn dân, dưới một chính thể dân chủ rộng rãi, nước Việt Nam độc lập và thống nhất tiến bước trên đường vinh quang, hạnh phúc, cùng nhịp với trào lưu tiến bộ của thế giới và ý nguyện hoà bình của nhân loại.



- a) Theo em, ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện trong thông tin trên như thế nào?
- b) Em hãy nêu ví dụ về những giá trị mà quyền bình đẳng giữa các dân tộc mang lại cho cá nhân và xã hội.



Quyền bình đẳng giữa các dân tộc góp phần tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc; củng cố, phát huy truyền thống dân tộc.

2. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

a. Pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Hiến pháp năm 2013

Điều 24 (Trích)

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

Thông tin 2. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 3 (Trích)

1. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

Thông tin 3. Ở Việt Nam hiện nay tất cả các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, không một tôn giáo nào hoạt động đúng pháp luật bị ngăn cấm. Nhiều ngày lễ quan trọng của nhiều tôn giáo đã trở thành ngày lễ chung của cộng đồng. Mọi người dân Việt Nam đều có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân luôn được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và đảm bảo, số lượng các tín đồ tôn giáo tăng nhanh. Theo số liệu cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019 thì cả nước có hơn 13,162 triệu người xác nhận theo một trong những tôn giáo được đăng ký chính thức.

(Theo Viễn Trung, *Tất cả các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật*, hcmcpv.org.vn, ngày 10/7/2021)

Thông tin 4. Đến năm 2018, Việt Nam đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 43 tổ chức, thuộc 16 tôn giáo với trên 26 triệu tín đồ, 55 870 chức sắc, 145 561 chức việc, 29 396 cơ sở thờ tự. Các tổ chức tôn giáo và đại bộ phận chức sắc, chức việc, nhà tu hành hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, với tác động của tình hình quốc tế, mặt trái của toàn cầu hoá và cơ chế thị trường, âm mưu “chính trị hoá tôn giáo” của các thế lực thù địch đã làm cho đời sống tôn giáo bị tác động và không ngừng biến đổi, tiềm ẩn nhiều “nguy cơ”.

(Theo Vũ Chiến Thắng, *Kiên quyết đấu tranh với hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị-xã hội ở nước ta hiện nay*, tapchicongsan.org.vn, ngày 07/5/2020)



a) Dựa vào các quy định của pháp luật ở thông tin 1, em hãy trình bày những biểu hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo trong thông tin 3 và 4.

b) Theo em, những nguy cơ được đề cập đến trong thông tin 3 là gì? Cần ngăn chặn như thế nào để đảm bảo quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được thực hiện?



Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trong việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lí.

Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được thể hiện ở những phương diện sau:

– Người có tôn giáo hoặc không có tôn giáo đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, chấp hành pháp luật, tôn trọng lẫn nhau.

– Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận được bình đẳng trong hoạt động tôn giáo; sở hữu tài sản hợp pháp; thực hiện quan hệ đối ngoại;... theo quy định của pháp luật.

– Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, đối xử bình đẳng giữa các tôn giáo. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc.

Mọi công dân cần tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau như: tôn trọng lễ hội, lễ nghi, nơi thờ tự của các tôn giáo, tín ngưỡng; không bài xích, chia rẽ, gây mất đoàn kết giữa những người có tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau,... Khi tham gia các hoạt động tôn giáo phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

b. Ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đồng bào tôn giáo là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam. Theo Người, đồng bào có tôn giáo hay không có tôn giáo đều giàu lòng yêu nước và đều bị chế độ thực dân, phong kiến thống trị, bóc lột nặng nề. Đấu tranh giải phóng dân tộc là nhằm làm cho tôn giáo được tự do và khi nước nhà độc lập, tiến hành xây dựng Chủ nghĩa xã hội thì tôn giáo vẫn tiếp tục đồng hành cùng dân tộc. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trong thời kì đổi mới, Đảng ta nhấn mạnh quyền bình đẳng và quyền được sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật của các tôn giáo. Các chính sách tôn giáo đúng đắn do Đảng đề ra đã đi vào

cuộc sống tạo nên những chuyển biến tích cực trong đời sống tôn giáo, góp phần củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(Theo PGS.TS. Lê Văn Lợi, Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kì đổi mới, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông số tháng 8.2001, tr29 – 3.5)



- a) Theo em, ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được thể hiện trong thông tin trên như thế nào?
- b) Em hãy nêu ví dụ về những lợi ích mà quyền bình đẳng giữa các tôn giáo mang lại cho đời sống con người và xã hội.



Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo góp phần phát huy lòng yêu nước, thúc đẩy tình đoàn kết, gắn bó giữa đồng bào có tôn giáo và không có tôn giáo, là cơ sở tiền đề quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Luyện tập

1. Em đồng ý hay không đồng ý với nhận định nào dưới đây? Vì sao?
 - A. Các dân tộc ở Việt Nam tham gia quản lí nhà nước và xã hội là thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực chính trị.
 - B. Công dân tham gia một tôn giáo để Nhà nước dễ quản lí là quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
 - C. Đồng bào các dân tộc có cơ hội như nhau khi lựa chọn việc làm là thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục.
 - D. Tôn trọng lẫn nhau giữa công dân thuộc tôn giáo khác nhau hoặc không có tôn giáo là thể hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
 - E. Bình đẳng giữa các tôn giáo là các tôn giáo khác nhau được hưởng quyền và có nghĩa vụ như nhau theo quy định của pháp luật.
2. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo được thực hiện trong trường hợp nào dưới đây? Vì sao?
 - A. Các tôn giáo trên địa bàn huyện A được tham gia thảo luận, góp ý xây dựng các tiêu chí của mô hình “Xứ đạo bình yên, gia đình văn hoá”.
 - B. Chỉ một số tôn giáo lớn mới có quyền truyền bá, thực hành giáo lí, giáo luật, lễ nghi và quản lí tổ chức của mình.
 - C. Ủy ban nhân dân xã X phối hợp với Bộ đội biên phòng tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân ở các vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

D. Chính quyền huyện M của tỉnh Y đã cấp đăng kí sinh hoạt tôn giáo tập trung theo điểm nhóm cho đồng bào các dân tộc theo tôn giáo nhưng chưa được công nhận về mặt tổ chức.

3. Em hãy nêu những việc làm để thực hiện quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo (nêu rõ những việc nên làm, những việc không nên làm).

4. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Bạn A cho rằng chỉ có Hiến pháp là đạo luật quan trọng nhất của Nhà nước mới cần lấy ý kiến của tất cả mọi người không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần. Còn với những dự thảo luật khác thì chỉ cần lấy ý kiến của một số dân tộc, tôn giáo có liên quan.

Em có đồng ý với ý kiến của bạn A không? Vì sao?

b. Xã Q có nhiều đồng bào theo các tôn giáo khác nhau sinh sống. Gần đây, thấy tình hình vi phạm pháp luật trên địa bàn xã có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp nên lãnh đạo xã Q giao cho phòng Tư pháp tổ chức hoạt động phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân. Trong cuộc họp bàn đề xây dựng kế hoạch thực hiện, anh H cho rằng vì gần đây có một số tôn giáo mới đến nên tình trạng vi phạm pháp luật mới gia tăng. Do đó, việc tuyên truyền, phổ biến chỉ cần khoanh vùng tập trung vào người dân thuộc những tôn giáo mới này là đủ.

Em nhận xét như thế nào về ý kiến của anh H? Nếu được tham gia cuộc họp đó, em sẽ phát biểu như thế nào?



Vận dụng

1. Em hãy cùng bạn lập kế hoạch tổ chức buổi tham quan một cơ sở tôn giáo theo gợi ý sau:

Lập kế hoạch:

- Xác định mục đích buổi tham quan;
- Chương trình và thời gian dự kiến;
- Nội dung các hoạt động triển khai tại cơ sở tôn giáo;
- Dự kiến về kinh phí, phương tiện đi lại; các lực lượng tham gia phối hợp;...

Thuyết trình, giới thiệu kế hoạch trước lớp;

Tổ chức thực hiện theo kế hoạch.

2. Sưu tầm các văn bản pháp luật quy định về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo và xây dựng thành bộ tư liệu số để sử dụng cho hoạt động tuyên truyền nhân ngày “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc 18/11” hằng năm.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

**Mở đầu**

Tham gia quản lý nhà nước và xã hội không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của mỗi công dân. Do đó, việc hiểu đúng, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội sẽ giúp mỗi người phát huy được vai trò của bản thân, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Em hãy chia sẻ một số hoạt động mà nhân dân tham gia đóng góp xây dựng và phát triển địa phương. Theo em, trong các hoạt động đó, hoạt động nào là tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

**Khám phá**

1. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

*Thông tin***1. Hiến pháp năm 2013****Điều 6**

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.

Điều 28 (Trích)

1. Công dân có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

Điều 46

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Điều 47

Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.

2. Luật Trưng cầu ý dân năm 2015

Điều 6. Các vấn đề trưng cầu ý dân (Trích)

Quốc hội xem xét, quyết định trưng cầu ý dân về các vấn đề sau đây:

1. Toàn văn Hiến pháp hoặc một số nội dung quan trọng của Hiến pháp;
2. Vấn đề đặc biệt quan trọng về chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của quốc gia;
3. Vấn đề đặc biệt quan trọng về kinh tế – xã hội có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước;

Điều 39. Quyền, nghĩa vụ của cử tri và nguyên tắc bỏ phiếu trưng cầu ý dân (Trích)

1. Bỏ phiếu trưng cầu ý dân là quyền và nghĩa vụ của cử tri; mọi cử tri có trách nhiệm tham gia đầy đủ.
2. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu trưng cầu ý dân.
3. Cử tri phải tự mình bỏ phiếu trưng cầu ý dân, không được nhờ người khác bỏ phiếu thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này. Khi bỏ phiếu trưng cầu ý dân, cử tri phải xuất trình thẻ cử tri.

Trường hợp 1. Khi Hội đồng nhân dân xã X tổ chức buổi toạ đàm để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến cho bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, anh M (25 tuổi) đã cùng mọi người tích cực phát biểu, trao đổi, đóng góp các ý kiến cho nội dung của bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân xã X đã tập hợp các ý kiến của nhân dân và gửi lên cơ quan có thẩm quyền nhằm góp phần hoàn thiện bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Trường hợp 2. Thôn của chị B có dự án xây dựng khu vui chơi cho trẻ em. Sau khi nghiên cứu nội dung dự án, chị B đã có một số góp ý gửi đến Ủy ban nhân dân xã nhằm thực hiện dự án hiệu quả.

Trường hợp 3. Sau khi được giải thích và tuyên truyền về quyền bầu cử của công dân, chị gái của K (18 tuổi) đã tích cực thực hiện quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.



- a) Từ các thông tin trên, em hãy xác định một số nội dung quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- b) Căn cứ vào các thông tin trên, em hãy nhận xét việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội ở trường hợp 1, 2, 3.



Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là quyền của công dân trong tham gia bộ máy nhà nước và tổ chức xã hội, thảo luận các công việc chung của đất nước, của địa phương, của cơ quan, đơn vị, tổ chức; quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng bộ máy nhà nước, xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương và đất nước.

Công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ khi tham gia quản lý nhà nước và xã hội thông qua tổ chức tự quản cộng đồng để quản lý những công việc của cộng đồng dân cư, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật, đảm bảo an ninh trật tự, góp phần phát triển kinh tế – văn hoá – xã hội ở địa phương. Công dân thực hiện quyền bầu cử, tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tham gia thảo luận, cho ý kiến trực tiếp đối với các vấn đề ở tầm quốc gia khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước, đấu tranh với thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và những hiện tượng tiêu cực trong bộ máy nhà nước và hoạt động công vụ; tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tham gia bàn và quyết định trực tiếp những vấn đề liên quan đến đời sống ở cơ sở; khiếu nại, tố cáo những việc làm trái pháp luật của các cơ quan và công chức nhà nước.

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội không tách rời nghĩa vụ công dân nhằm xây dựng bộ máy nhà nước, phát triển đất nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước, xã hội

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã phải công khai Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách một cách minh bạch, rõ ràng cho nhân

dân được biết, theo dõi và giám sát. Tuy nhiên, ông T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X lại không thực hiện việc công khai Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách xã.

Trường hợp 2. Thôn của anh H tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân về nội dung xây dựng nhà văn hoá mới. Anh H đã rủ anh M là hàng xóm cùng đi tham gia cuộc họp. Nhưng anh M lại từ chối với lý do bận việc gia đình và cũng không có đóng góp ý kiến gì. Do đó, anh M đã không hiểu được nội dung xây dựng nhà văn hoá mới.



a) Theo em, trong trường hợp 1, việc ông T Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X không công khai Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách xã có vi phạm nội dung quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội không? Hậu quả của việc làm đó là gì?

b) Em hãy nhận xét hành vi của anh H và M trong trường hợp 2.

c) Hãy chia sẻ hậu quả hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước, xã hội mà em biết.



Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội:

Về phía cơ quan nhà nước: Không bảo đảm và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội; không phát huy được vai trò, tính tích cực và sáng tạo của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội; làm giảm lòng tin của công dân vào sự quản lý của Nhà nước.

Về phía công dân: Không thực hiện được đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội; không phát huy được ý thức và vai trò làm chủ của bản thân và ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước.

Mọi hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội, xâm hại đến các quan hệ quản lý nhà nước và xã hội đều phải chịu trách nhiệm pháp lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, có thể bị áp dụng trách nhiệm pháp lý như: hình sự, dân sự, hành chính, kỉ luật.



Luyện tập

1. Nội dung nào sau đây không thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội? Vì sao?

- A. Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước.
 - B. Quyền bỏ phiếu khi Nhà nước trưng cầu ý dân.
 - C. Quyền được sống.
 - D. Quyền bàn bạc các vấn đề quan trọng của địa phương.
 - E. Quyền tiếp cận thông tin, tự do lập hội.
 - G. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
2. Hành vi nào sau đây là thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội? Vì sao?
- A. Chị H tích cực tuyên truyền các quy định, chủ trương của xã cho bà con trong thôn.
 - B. Anh P đã viết bài nói xấu chính quyền xã Q.
 - C. Ông V đã tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của anh D là Bí thư chi bộ thôn đến Ủy ban nhân dân xã X.
 - D. Bà G luôn tham gia các cuộc họp nhưng từ chối biểu quyết những vấn đề quan trọng của địa phương.
3. Theo em, hậu quả của những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội ở những trường hợp dưới đây là gì?
- A. Chị M không tố giác hành vi tham ô, tham nhũng của ông T là trưởng thôn.
 - B. Chính quyền xã N không triển khai đầy đủ các quyết định của cấp trên đến nhân dân.
 - C. Anh D từ chối không tham gia góp ý cho bản hương ước xây dựng nông thôn mới của thôn.
 - D. Ông T là Chủ tịch xã X đã quyết định mức đóng góp xây dựng đường bê tông tại địa phương dù vẫn còn có ý kiến không nhất trí của nhân dân.
4. Là học sinh lớp 11 nhưng T rất quan tâm đến các chính sách của Ủy ban nhân dân xã X đối với thanh thiếu niên. T thường tham gia các buổi họp thôn do Ủy ban nhân dân tổ chức và đã đóng góp ý kiến cho các chính sách xây dựng thư viện, khu vui chơi cho trẻ em. Tuy nhiên, P là bạn của T lại cho rằng những hành động của T là không cần thiết vì đó là nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân xã phải làm.
- a) Em hãy nhận xét hành vi của T và ý kiến của P.
 - b) Nếu là T, em sẽ làm gì để giúp P hiểu được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội?
5. Xã A thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng làm đường liên xã ở thôn của anh Q. Tuy nhiên, khi tiến hành họp thôn, lãnh đạo xã A chỉ thông qua kế hoạch mà không tiếp nhận ý kiến đóng góp của anh Q và nhân dân trong thôn dù mọi người rất tích cực thảo luận và đưa ra giải pháp. Do đó, anh Q đã không đồng tình với

kế hoạch giải phóng mặt bằng của xã và gửi đơn tố cáo lên các cơ quan cấp trên.

a) Em hãy nhận xét hành vi của lãnh đạo xã A, anh Q và mọi người trong thôn.

b) Theo em, xã của anh Q nên làm gì để mọi người trong thôn thực hiện được quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

6. Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, xã X đã triển khai nhiều chính sách nhằm phát huy vai trò của nhân dân. Trong quá trình tham gia các hoạt động do xã tổ chức, ông D đã phát hiện có một số cán bộ còn chưa thực hành tiết kiệm, gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính nên đã phản ánh về Ủy ban nhân dân xã.

Theo em, việc phản ánh về hành vi chưa thực hành tiết kiệm, gây lãng phí của ông D với Ủy ban nhân dân xã là thực hiện nội dung nào của quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân?



Vận dụng

1. Em hãy viết một bài tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội và chia sẻ với mọi người.
2. Em hãy kể về một trường hợp công dân tích cực thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, từ đó liên hệ đến bản thân.

Bài 14 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.
- Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.



Mở đầu

Quyền bầu cử, ứng cử là một trong những quyền chính trị quan trọng của công dân nhằm thiết lập nên bộ máy nhà nước. Quyền bầu cử, ứng cử của công dân luôn được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quan tâm, ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm thực hiện trong thực tế nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân.

Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.



Khám phá

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 7 (Trích)

1. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 27

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định.

2. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015



Ảnh: dangcongsan.vn

Điều 29. Nguyên tắc lập danh sách cử tri (Trích)

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này.
2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

Điều 69. Nguyên tắc bỏ phiếu (Trích)

2. Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.
3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.
5. Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.
8. Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Trường hợp 1. Là thành viên của Tổ bầu cử, ông K được phân công nhiệm vụ phát thẻ cử tri cho nhân dân. Khi đến nhà anh A, ông K chỉ phát thẻ cử tri cho anh và bố mẹ mà không phát cho em trai của anh A. Sau khi nhận được thắc mắc, ông K đã giải thích vì em trai của anh A mắc bệnh mất trí nhớ, đã có xác nhận của bệnh viện nên theo quy định của pháp luật không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Trường hợp 2. Sau khi được ghi tên vào danh sách và nhận thẻ cử tri, anh T đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bầu cử, trực tiếp viết phiếu và tự tay bỏ vào hòm phiếu. Anh T rất vui vì đã lựa chọn được đại biểu tiêu biểu tham gia vào Hội đồng nhân dân cấp xã.



- a) Em hãy xác định nội dung quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử trong hai thông tin trên.
- b) Căn cứ vào thông tin, em hãy nhận xét về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử trong các trường hợp trên.



Quyền bầu cử là quyền của công dân thực hiện quyền lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước bao gồm việc đề cử, giới thiệu người khác ứng cử và bỏ phiếu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử là việc công dân có đủ điều kiện thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân một cách bình đẳng, không bị phân biệt đối xử, trừ những trường hợp do pháp luật quy định.

Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ những trường hợp do pháp luật quy định. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

Công dân thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Công dân thực hiện quyền ứng cử bằng tự ứng cử hoặc giới thiệu người khác ứng cử, trừ các trường hợp do pháp luật quy định.

Công dân phải tự mình đi bỏ phiếu bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ những trường hợp do pháp luật quy định.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015

Điều 95. Xử lý vi phạm

Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ

đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 160. Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân

1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 2 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

Trường hợp 1. Ông B là thành viên tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Khi thấy chị H và các nhân viên của mình viết phiếu bầu, ông B đã đề nghị chị H bầu cho anh T là cháu trai của mình.

Trường hợp 2. Nhận thấy mình có đầy đủ các tiêu chí theo quy định của pháp luật về đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, anh C đã nộp hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở cấp xã. Nhưng do có mâu thuẫn, bà G đã tung tin nói xấu anh C với mọi người xung quanh nhằm mục đích cản trở việc thực hiện tự ứng cử của anh C.

Trường hợp 3. Cả hai vợ chồng anh P đều là cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Tuy nhiên, anh P lại không đi bầu cử mà nhờ vợ mình là chị V bầu cử hộ.



Căn cứ vào hai thông tin:

- a) Em hãy xác định hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử trong các trường hợp trên.
- b) Theo em, hậu quả của những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử trong các trường hợp đó là gì?



Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử có thể dẫn tới một số hậu quả sau:

Về phía cơ quan nhà nước: xâm phạm tới quyền bầu cử và ứng cử của công dân; làm sai lệch kết quả bầu cử; gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, không chọn được đúng đại biểu có uy tín, năng lực, trách nhiệm vào các cơ quan nhà nước; gây mất ổn định tình hình xã hội.

Về phía công dân: không thể hiện được ý chí và nguyện vọng của bản thân, không thực hiện đúng trách nhiệm của bản thân, không tham gia xây dựng được bộ máy nhà nước.

Các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.



Luyện tập

- Theo em, nội dung nào sau đây là quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử? Vì sao?
 - Công dân Việt Nam 18 tuổi là có quyền bầu cử.
 - Công dân thực hiện quyền bầu cử và ứng cử theo nguyên tắc bình đẳng.
 - Công dân thực hiện quyền ứng cử bằng hình thức duy nhất là tự ứng cử.
 - Công dân đang thi hành hình phạt tù theo bản án của Toà án không có quyền bầu cử.
 - Công dân là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải có đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
- Em hãy cho biết hành vi của các chủ thể nào sau đây là thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. Vì sao?
 - Anh T trực tiếp bỏ lá phiếu bầu cử của mình vào hòm phiếu.
 - Ông V tự mình ứng cử vào Hội đồng nhân dân xã dù đang bị áp dụng hình phạt tù hưởng án treo.
 - Bà P không cho con gái nghỉ làm để đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
 - Bạn G đã viết hộ phiếu bầu cho anh E tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu vì anh E bị khuyết tật.
- D rất vui mừng vì được tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Khi

chuẩn bị bỏ phiếu, anh A đã đề nghị D bỏ phiếu cho mình vì cùng ở một thôn và D đã đồng ý.

a) Theo em, hành vi của anh A và D có thể dẫn đến những hậu quả gì về thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử?

b) Nếu là D trong trường hợp trên, em có đồng ý với đề nghị của anh A không? Vì sao?

4. Để chuẩn bị cho đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã sắp tới, xã của N đang thực hiện tuyên truyền cho người dân các quy định của pháp luật về bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Bố của N rất quan tâm đến những thay đổi về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bầu cử và ứng cử. Nhưng mẹ của N thì cho rằng, không cần quan tâm đến những thông tin tuyên truyền, chỉ cần bầu cho người có trình độ cao là được.

a) Em hãy nhận xét hành vi của bố và mẹ N.

b) Nếu là N, em sẽ cùng bố giải thích như thế nào để mẹ hiểu được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong tham gia bầu cử?

5. Qua tìm hiểu và nghiên cứu, chị M đã quyết định lựa chọn anh Q là đại biểu để bầu vào Hội đồng nhân dân cấp xã. Khi chị M đang viết phiếu bầu cho anh Q thì anh T cùng đi tham gia bầu cử đã cố ý nhìn trộm nội dung phiếu bầu của chị M và kể lại cho mọi người xung quanh.

a) Em có đồng ý với hành vi của anh T không? Vì sao?

b) Nếu là chị M, em sẽ làm gì để bảo vệ quyền và nghĩa vụ của mình?

6. Sau khi được chính quyền địa phương tuyên truyền pháp luật về bầu cử, ứng cử, được sự động viên của gia đình, anh H quyết định tự ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Anh H đã chuẩn bị và nộp hồ sơ ứng cử cho Ủy ban bầu cử cấp tỉnh nơi mình đang cư trú. Đồng thời, anh H còn tích cực tìm hiểu các quy định của pháp luật để có thể thực hiện đầy đủ các quyền của mình.

Em hãy nhận xét việc thực hiện quyền và nghĩa vụ ứng cử của anh H.



Vận dụng

1. Em hãy cùng bạn sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử để xây dựng thành một tập san trưng bày tại lớp.
2. Em hãy viết một bài luận nói về trách nhiệm của công dân trong thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử, ứng cử.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm về quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.
- Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.



Mở đầu

Khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân, được Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi nhận “Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào”.

Em hãy chia sẻ thông tin về một số vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân mà em biết.



Khám phá

1. Pháp luật quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại

a. Quyền công dân về khiếu nại

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

Luật Khiếu nại năm 2011

Điều 2 (Trích)

1. Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ công chức theo thủ tục do pháp luật quy định đề nghị cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước, hoặc quyết định kỉ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ công dân về khiếu nại (Trích)

1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được uỷ quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại;

d) Được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

e) Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại.

Trường hợp 1. Anh H chạy quá tốc độ cho phép bị Cảnh sát giao thông yêu cầu dừng phương tiện và xuất trình giấy tờ. Anh H xuất trình các giấy tờ theo quy định pháp luật. Cảnh sát giao thông tiến hành lập biên bản và xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ. Nhưng cho rằng mình không chạy quá tốc độ cho phép và quyết định xử phạt của Cảnh sát giao thông là không chính xác, nên H khiếu nại đối với quyết định xử phạt này. Việc khiếu nại được cơ quan có thẩm quyền thụ lý và cung cấp camera ghi hình về thời điểm anh H chạy vượt quá tốc độ pháp luật cho phép và quyết định xử phạt là đúng.

Trường hợp 2. Mẹ chị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 100m², nhưng diện tích đất thực tế không đúng 100m² như giấy chứng nhận. Mẹ chị N muốn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, nhưng do mẹ chị hiện nay đã già yếu (75 tuổi) và hay ốm đau, chị N được mẹ uỷ quyền cho chị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để khiếu nại.

Trường hợp 3. Ông A không đồng ý với quyết định thu hồi lô hàng hoá do vi phạm về chất lượng của Chi cục Quản lý thị trường X. Ông A đã làm đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian chờ đợi giải quyết, ông A đã yêu cầu áp dụng các biện pháp để tránh hư hỏng lô hàng hoá của mình.



a) Từ thông tin, theo em trong các trường hợp trên, các quyền của người khiếu nại nào đã được thực hiện?

b) Em hiểu thế nào là quyền khiếu nại của công dân?



Quyền của công dân về khiếu nại bao gồm:

Công dân có quyền tự mình khiếu nại hoặc uỷ quyền cho người khác thực hiện quyền khiếu nại; tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp

pháp tham gia đối thoại; được quyền nhận các thông tin liên quan đến quá trình giải quyết khiếu nại trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước;

Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó; nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại; được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính; rút khiếu nại.

b. Nghĩa vụ của công dân về khiếu nại

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 125. Áp dụng hình thức kỉ luật sa thải (Trích)

3. Người lao động bỏ việc 5 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lí do chính đáng.

Trường hợp được coi là có lí do chính đáng bao gồm thiên tai, hoả hoạn, bản thân, nhân thân bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền và trường hợp khác được quy định trong nội quy lao động.

Trường hợp 1. A đang làm việc tại Công ty X, cuối tuần về thăm bố mẹ, chẳng may bị ốm phải điều trị tại bệnh viện 5 ngày mới khỏi bệnh. Trong thời gian bị ốm, A đã gọi điện báo cáo giám đốc. Khi đi làm việc, A bị giám đốc sa thải vì đã tự ý nghỉ việc 5 ngày. A khiếu nại quyết định sa thải tới Giám đốc Công ty X, được giám đốc nhận đơn và giải quyết vụ việc. Trong đơn A nói rõ nguyên nhân nghỉ việc là bất khả kháng do bị ốm, có xuất trình giấy xác nhận của bệnh viện. Sau đó, A được nhận đơn giải quyết khiếu nại của Giám đốc Công ty X và được đi làm trở lại.

Trường hợp 2. Công an xã P đưa anh Q đi kiểm tra chất ma túy tại trạm y tế xã và cho kết quả dương tính với morphin. Anh Q không chấp nhận kết quả vì bản thân không bao giờ sử dụng ma túy và chất gây nghiện trái pháp luật; nhưng anh Q vẫn bị công an xã lập biên bản và phạt 750 000 đồng. Sau đó, anh Q đi kiểm tra lại về chất ma túy tại bệnh viện đa khoa huyện và cho kết quả âm tính với các chất gây nghiện. Q khiếu nại đến Trưởng Công an xã P đối với quyết định xử phạt vi phạm của Công

an xã P và cung cấp kết quả âm tính của bệnh viện đa khoa huyện, trình bày không sử dụng ma túy và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với thông tin của mình.



- a) Từ thông tin, theo em trong trường 1, A có trách nhiệm gì khi thực hiện khiếu nại đối với quyết định sa thải của Công ty X?
- b) Trong trường hợp 2, Q đã làm những gì để chỉ ra quyết định xử phạt vi phạm của Công an xã P là không đúng?



Công dân thực hiện quyền khiếu nại có nghĩa vụ sau:

Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn, hợp lý của việc khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Luật Khiếu nại; chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Pháp luật quyền và nghĩa vụ của công dân về tố cáo

a. Quyền của công dân về tố cáo

Đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

Luật Tố cáo năm 2018

Điều 2. Giải thích từ ngữ (Trích)

Tố cáo là việc công dân theo thủ tục do pháp luật quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo (Trích)

Được thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo, chuyển tố cáo đến cơ quan

tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo.

Trường hợp 1. Trần Văn X là cán bộ địa chính – xây dựng của phường H đã nhận của bà P, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân X đóng trên địa bàn phường số tiền 10 triệu đồng để không gây khó khăn cho việc cấp giấy chứng nhận cho bà, vì trước đó X đã có hành vi cố tình gây khó dễ khi làm thủ tục. Biết sự việc, bà P đã làm đơn tố cáo gửi đến Chủ tịch phường H đối với hành vi của X. Đơn tố cáo của bà P đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H thụ lý và được thông báo đến bà P. Sau khi thực hiện quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H đã ban hành quyết định giải quyết đơn thư tố cáo của bà P và quyết định này đã được gửi đến bà P theo đúng quy định.

Trường hợp 2. Gia đình ông H ở gần xưởng sản xuất của một doanh nghiệp hoạt động suốt ngày đêm khiến cơ sở thường xuyên xả bụi, khói, phát tán mùi hôi thối, ô nhiễm rất nghiêm trọng ra khu dân cư làm cho nhiều người không chịu được và mắc bệnh. Ông H làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã và Công an môi trường để yêu cầu xử lý hành vi vi phạm của doanh nghiệp.



- a) Từ thông tin, theo em trong trường hợp 1, bà P có những quyền gì khi làm đơn tố cáo đối với hành vi của Trần Văn X?
- b) Hành vi của ông H có phải thực hiện quyền tố cáo của công dân không?



Công dân thực hiện tố cáo có quyền sau:

Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác.

Được thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo, chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo.

Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết; rút tố cáo.

Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo; được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

c. Nghĩa vụ của công dân về tố cáo

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Luật Tố cáo năm 2018

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo (Trích)

Cung cấp thông tin cá nhân theo quy định;

Trình bày trung thực về nội dung tố cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được;

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo.

Trường hợp 1. Gia đình bà V lấn chiếm đất trồng khu tập thể dành cho khu vui chơi của trẻ em để mở quán ăn gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sinh hoạt của khu tập thể. Trước đây, khu đất trồng là chỗ vui chơi của trẻ em ở khu tập thể đã được sử dụng trong nhiều năm. Các hộ gia đình trong khu tập thể rất bức xúc vì ảnh hưởng đến sinh hoạt và trẻ em không còn chỗ để vui chơi. Vì vậy, ông Q sống trong khu tập thể đã làm đơn tố cáo đến các cơ quan có thẩm quyền và cung cấp đầy đủ các hình ảnh vứt rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường, hình ảnh lấn chiếm chỗ vui chơi của trẻ em trong khu tập thể. Khi lãnh đạo Ủy ban nhân dân mời ông Q lên để làm việc, ông Q đã đến trụ sở Ủy ban nhân dân cung cấp trực tiếp các thông tin, bức xúc của người dân tại khu tập thể.

Trường hợp 2. Trên địa bàn xã A trong thời gian vừa qua thường xuyên bị mất trộm, lãnh đạo xã A đã thường xuyên bố trí thêm người trực, lực lượng công an cũng thường xuyên đi tuần nhưng không bắt được kẻ trộm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A nhận được đơn tố cáo về hành vi trộm cắp của H. H là thành phần ngỗ ngược ở trong xã, nghiện ma túy. Trong đơn tố cáo không ghi rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo.



- Em nhận xét như thế nào về trách nhiệm của ông Q khi quyết định tố cáo bà V lấn chiếm đất khu tập thể trong trường hợp 1?
- Việc làm đơn tố cáo không ghi rõ tên, địa chỉ người tố cáo là đúng hay sai? Vì sao?



Công dân thực hiện tố cáo có các nghĩa vụ sau:

Cung cấp thông tin cá nhân; trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo; hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu; bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

3. Hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền khiếu nại, tố cáo

Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi

Tình huống 1. Tại trụ sở tiếp dân của cơ quan thanh tra tỉnh G, có khoảng hơn 50 công dân xã X tụ tập khiếu nại về việc đền bù, giải phóng mặt bằng trong một dự án thực hiện tại xã X do họ cho rằng các cơ quan nhà nước không thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sau khi nghe cán bộ thanh tra tiếp dân giải thích chế độ chính sách, các quy định của pháp luật về vấn đề họ khiếu nại, không đồng ý với giải thích đó, hơn 50 người thậm chí đã có xô xát với cán bộ tiếp dân, gây mất ổn định trật tự trên địa bàn xã.

Tình huống 2. Anh A đứng đầu một nhóm người gửi đơn tố cáo nặc danh (không ghi rõ họ tên, địa chỉ) bịa đặt việc trường phòng H nhận hối lộ, sử dụng bằng cấp giả nhằm xúc phạm danh dự, hạ uy tín của trường phòng H cạnh tranh vị trí trong đợt bổ nhiệm tiếp theo. Nhưng trên thực tế trường phòng H không thực hiện hành vi trên, bằng cấp của anh H là thật. Việc tố cáo của anh A đã ảnh hưởng đến sự đoàn kết của tập thể, ảnh hưởng đến việc bổ nhiệm anh H của tổ chức và xúc phạm danh dự của anh H.



Theo em, hậu quả của các hành vi do chủ thể trong tình huống 1 và 2 gây ra là gì?



Hành vi vi phạm pháp luật về quyền khiếu nại, tố cáo ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, Nhà nước, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, xúc phạm uy tín danh dự, hoặc xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Luyện tập

- Trong các trường hợp dưới đây, chủ thể nào thực hiện đúng, chủ thể nào thực hiện chưa đúng quyền khiếu nại, tố cáo? Vì sao?
 - Bà T gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N khiếu nại về quyết định xử phạt hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N đối với bà T.
 - Bạn M báo cáo với nhà trường về hành vi gian lận trong thi cử của bạn cùng lớp.
 - Ông V vận động người dân tổ dân phố nơi ông sinh sống không bị kích động, lôi kéo, dụ dỗ người khác đi khiếu nại đông người trái quy định pháp luật.
 - A cố tình vu khống, tố cáo đến cơ quan nơi chị L công tác những điều không đúng sự thật nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị L.

2. Em hãy nêu những hành vi được làm và những hành vi vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo trong các câu dưới đây:

A. Cố tình khiếu nại, tố cáo sai sự thật.

B. Người khiếu nại quyết định rút khiếu nại.

C. Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh trật tự công cộng.

D. Cưỡng ép, lôi kéo, kích động, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật.

3. Em hãy nhận xét sự giống nhau và khác nhau giữa khiếu nại và tố cáo.

4. Em hãy xử lý tình huống sau:

a. Do xây dựng nhà khi chưa xin phép xây dựng nên ông A bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC), trong đó phạt tiền ông A là 500 000 đồng và buộc ông A phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép. Ông A liền khiếu nại Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC đến Tòa án nhân dân huyện yêu cầu tòa án huỷ quyết định nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A.

Em hãy nhận xét về hành vi khiếu nại của ông A. Theo quy định về quyền khiếu nại thì ông A có quyền khởi kiện hành chính tại Tòa án đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã không? Giải thích vì sao.

b. K công tác tại bộ phận Quản lý cấp phép dự án xây dựng. Lãnh đạo huyện A nhận được một số phản ánh về việc anh K trả kết quả không đúng thời hạn, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức và công dân khi đến giao dịch các thủ tục cấp phép xây dựng. Sự việc tiếp diễn cho đến ngày lãnh đạo huyện A nhận được đơn thư tố cáo của ông B (giám đốc doanh nghiệp) rằng anh K gây phiền hà, sách nhiễu khi đến làm thủ tục cấp phép xây dựng công trình, hậu quả là chậm tiến độ đầu tư xây dựng công trình, gây thiệt hại đối với doanh nghiệp của ông B.

Em hãy nhận xét về hành vi của anh K. Theo quy định pháp luật về quyền tố cáo, doanh nghiệp của ông B sẽ thực hiện quyền như thế nào?



Vận dụng

Em hãy cùng bạn lập kế hoạch tìm hiểu và thiết kế sản phẩm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo và trình bày sản phẩm trước lớp.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.
- Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.



Mở đầu

Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là nghĩa vụ mà còn là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, mỗi người cần nghiêm túc, tự giác thực hiện các quy định của Hiến pháp và pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc trong đời sống.

Em hãy chia sẻ suy nghĩ của mình về khẩu hiệu “Bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân”.



Khám phá

1. Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 44

Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc.

Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

Điều 45

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

2. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Điều 64 (Trích)

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân.

Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

2. Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015

Điều 4. Nghĩa vụ quân sự (Trích)

1. Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ về vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân.

2. Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật này.



Ảnh: baochinhpphu.vn

Điều 30. Độ tuổi gọi nhập ngũ

Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

3. Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020

Điều 7. Trách nhiệm và chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng (Trích)

1. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng thực hiện nhiệm vụ.

2. Công dân ở khu vực biên giới có trách nhiệm tham gia xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân và các phong trào bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

4. Luật Công an nhân dân năm 2018

Điều 8. Nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (Trích)

1. Công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc trong lực lượng vũ trang nhân dân. Hằng năm, Công an nhân dân được tuyển chọn công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ vào phục vụ trong Công an nhân dân với thời hạn là 24 tháng.

Trường hợp 1. Sau khi tìm hiểu các quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, V nhận thấy mình có đầy đủ các điều kiện nên đã quyết định đi khám nghĩa vụ quân sự. Khi có kết quả trúng tuyển, V đã xin phép bố mẹ cho bảo lưu kết quả học tập để tham gia nghĩa vụ quân sự.

Trường hợp 2. Là trưởng thôn, ông D luôn tích cực tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội đến người dân. Ông cho rằng, thông qua việc tuyên truyền, sẽ góp phần nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật.

Trường hợp 3. Gia đình anh A sống ở vùng biên giới, anh rất tích cực hỗ trợ, kết hợp cùng các cán bộ, chiến sĩ bộ đội biên phòng tuần tra biên giới nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia.



a) Em hãy xác định các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc trong các thông tin trên.

b) Căn cứ vào thông tin, em hãy nhận xét việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của từng chủ thể về bảo vệ Tổ quốc trong các trường hợp trên.



Bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ Tổ quốc bao gồm việc xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân, thực hiện nghĩa vụ quân sự, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và bảo vệ trật tự, an ninh xã hội.

Bảo vệ Tổ quốc là quyền cơ bản, cao quý và là nghĩa vụ thiêng liêng của công dân. Công dân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật có quyền tham gia phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân. Công dân phải trung thành với Tổ quốc, tham gia thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình có trách nhiệm giáo dục, động viên và tạo điều kiện cho công dân tham gia bảo vệ Tổ quốc.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm (Trích)

1. Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự.
2. Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.
3. Gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự.

Điều 59. Xử lý vi phạm (Trích)

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 332. Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Trích)

1. Người nào không chấp hành đúng quy định của pháp luật về đăng ký nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa

án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

Điều 334. Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Trích)

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Điều 335. Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Trích)

1. Người nào cố ý cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

2. Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 5 năm.

Tình huống 1. Sau khi khám sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ quân sự, anh T đã đủ điều kiện và được lệnh gọi nhập ngũ. Nhưng đến ngày quy định, anh T đã bỏ trốn khỏi địa phương, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ.

Tình huống 2. Ban chỉ huy quân sự xã A thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do sơ xuất trong việc lập danh sách, nên ông P là cán bộ của Ban chỉ huy quân sự của xã A đã bỏ sót trường hợp của công dân Q. Sau đó, công dân Q đã đến thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Tình huống 3. Sau khi khám tuyển nghĩa vụ quân sự, M đã nhận được giấy gọi nhập ngũ. M rất vui và muốn tham gia nhưng mẹ lại muốn M đi học nghề để sau này có công việc ổn định.



- a) Căn cứ vào hai thông tin, em hãy xác định nội dung hành vi vi phạm quyền và nghĩa của công dân về bảo vệ Tổ quốc của anh T, ông P và bố mẹ M trong các tình huống trên.
- b) Theo em, hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc của anh T, ông P và bố mẹ M dẫn tới những hậu quả gì?



Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc là hành vi không tôn trọng pháp luật, không thực hiện nghĩa vụ công dân trước pháp luật, có thể ảnh hưởng đến trật tự, an ninh của đất nước.

Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc:

Về phía cơ quan nhà nước: Xâm phạm hoặc cản trở quyền của công dân trong tham gia bảo vệ Tổ quốc, có thể gây nguy hại đến chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và chế độ chính trị.

Về phía công dân: Các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỉ luật, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.



Luyện tập

- Theo em, hành vi nào sau đây là thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc?
 - A. Anh B là sinh viên đại học nhưng vẫn đăng kí thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật.
 - B. Ông D là cán bộ xã nên đã can thiệp cho cháu mình được hoãn nghĩa vụ quân sự dù không thuộc trường hợp pháp luật quy định.
 - C. Anh M luôn tích cực kết hợp cùng bộ đội biên phòng tham gia tuần tra biên giới.
 - D. Bà K đã giấu lệnh gọi nhập ngũ của con trai vì muốn con tiếp tục đi làm phụ giúp kinh tế cho gia đình.
 - E. Chị N là hội viên của Hội phụ nữ xã X đã tích cực tham gia tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự cho mọi người ở địa phương.
- Q cho rằng việc bảo vệ Tổ quốc trong thời bình hiện nay là mỗi công dân chỉ cần tích cực tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự. Nhưng V là bạn của Q lại không đồng ý với lí do việc thực hiện nghĩa vụ quân sự chỉ là một hoạt động tham gia bảo vệ Tổ quốc của công dân.
Em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?
- Là học sinh lớp 11 nhưng P rất tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự của địa phương. P cho rằng, thông qua hoạt động tuyên truyền thì bản thân sẽ hiểu rõ hơn quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, bố mẹ của P không cho con tham gia vì muốn con tập trung học tập.
 - a) *Em hãy nhận xét suy nghĩ, hành vi của P và bố mẹ của P.*
 - b) *Nếu là P, em sẽ giải thích như thế nào để bố mẹ hiểu và tôn trọng việc thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của mình.*
- Sau khi được địa phương đề nghị tham gia lực lượng dân quân tự vệ, anh A rất tích cực tham gia các hoạt động huấn luyện, bảo vệ môi trường tại địa phương. Vợ của anh A cũng tạo điều kiện cho chồng tham gia các hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ vì cho rằng đây là nhiệm vụ của mỗi người dân.
Em hãy nhận xét về thái độ, hành vi của vợ chồng anh A.
- Tốt nghiệp Trung học phổ thông, H có nguyện vọng tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân. Tuy nhiên, khi H chia sẻ nguyện vọng của mình với K là bạn thân thì K lại cho rằng, H nên đi làm sẽ tốt hơn cho tương lai.
 - a) *Em hãy nhận xét suy nghĩ, lời nói của H và K.*
 - b) *Nếu là H, em sẽ giải thích cho K thế nào để bạn thấy được nghĩa vụ của công dân trong tham gia bảo vệ Tổ quốc.*



Vận dụng

- Em hãy sưu tầm và viết bài về một tấm gương tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.
- Em hãy cùng các bạn trong lớp tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề: Học sinh thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

**Bài 17 QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ, ĐƯỢC PHÁP LUẬT
BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM****Yêu cầu cần đạt**

- Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.
- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.
- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân trong một số tình huống đơn giản.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

**Mở đầu**

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là quyền cơ bản, gắn liền với mỗi con người. Các quyền này được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật, được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của mỗi người dân.

Em hãy cùng các bạn tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”: Nêu những hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.



Khám phá

1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 20 (Trích)

2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định.

3. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kì hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm.

2. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Điều 10. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Trích)

Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khoẻ của con người.

Tình huống 1. C đang mở khoá xe máy định lấy trộm thì bị anh A và B là bảo vệ siêu thị bắt quả tang. Anh A bàn với anh B tạm nhốt C vào phòng kho dưới tầng hầm trong lúc chờ công an đến xử lí. Nhưng anh B cho rằng làm như thế là vi phạm pháp luật. Sau đó, anh B và anh A cùng giải C đến cơ quan công an cách siêu thị khoảng 2km để giao nộp C.

Tình huống 2. Do có mâu thuẫn từ việc thanh toán tiền thuê nhà giữa gia đình ông H và K, ông H đã khoá trái cửa phòng thuê và giam K trong suốt 4 giờ. K gọi điện báo công an đến thì ông H mới mở khoá phòng. Khi công an yêu cầu ông H lên phường làm việc thì ông nói không đi, vì cho rằng mình không làm gì sai phạm.



- Từ thông tin về quy định của Hiến pháp, trong các tình huống trên, theo em quyền nào của công dân bị vi phạm. Vì sao?
- Em còn biết những hành vi đúng, sai nào khác trong việc bắt và giam giữ người? Vì sao?



Quyền bất khả xâm phạm về thân thể là một trong những quyền cơ bản của công dân được quy định tại Điều 20 Hiến pháp năm 2013 và các luật có liên quan.

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không một ai có quyền tự ý bắt, giam, giữ người nếu không thuộc trường hợp pháp luật cho phép như có quyết định của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp cá nhân đó vi phạm pháp luật bị bắt quả tang. Tự tiện bắt người và giam giữ người không theo quy định của pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. Hành vi đó tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý hình sự, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỉ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Các trường hợp được phép bắt người gồm bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người bị yêu cầu dẫn độ. Trong các trường hợp này việc bắt, giam giữ người phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

2. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 19

Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

Điều 20 (Trích)

1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 34. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín (Trích)

1. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Cá nhân có quyền yêu cầu Toà án bác bỏ thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình.

5. Cá nhân bị thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín thì ngoài quyền yêu cầu bác bỏ thông tin đó còn có quyền yêu cầu người đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại.

3. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 11. Bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân (Trích)

Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản.

Tình huống 1. Anh S đến nhà anh Q đòi nợ 40 triệu đồng, do đã quá hạn 5 tháng theo thoả thuận mà Q chưa trả. Trong khi trao đổi, hai bên nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Do quá bức tức vì Q mãi không trả tiền, S đã dùng gậy đánh trọng thương làm anh Q phải vào bệnh viện để điều trị.

Tình huống 2. Do mâu thuẫn cá nhân, chị M đã đăng trên tài khoản Facebook của mình bịa đặt điều xấu về đời sống riêng tư của chị N làm cho nhiều người hiểu lầm, làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của chị N. Chị N đã yêu cầu chị M gỡ bỏ thông tin và xin lỗi, cải chính công khai trên Facebook, nhưng chị M không thực hiện.



- a) Từ thông tin 1 và 3, theo em trong tình huống 1, anh S đã xâm phạm quyền nào của anh Q?
- b) Từ thông tin 2, em hãy cho biết trong tình huống 2, chị M đã xâm phạm đến quyền nào của chị N? Chị N có thể làm gì để bảo vệ quyền của mình?



Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là quyền cơ bản của con người, của công dân được ghi nhận tại Điều 19, 20 Hiến pháp năm 2013 và các luật có liên quan.

Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm có nghĩa là tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người được pháp luật bảo hộ. Mọi người có quyền được bảo đảm an toàn về tính

mạng, sức khỏe, được bảo vệ danh dự và nhân phẩm. Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.

Xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác là hành vi cố ý hoặc vô ý làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác như hành vi đánh người gây thương tích, làm chết người, đe dọa giết người. Xâm phạm danh dự và nhân phẩm của người khác là hành vi bịa đặt điều xấu, tung tin xấu, nói xấu, xúc phạm người khác để hạ uy tín và danh dự của người đó.

Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi đánh người, tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình gây thương tích, xâm phạm tới tính mạng, làm tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Danh dự và nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và bảo vệ.

3. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 155. Tội làm nhục người khác (Trích)

1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm.

Điều 156. Tội vu khống (Trích)

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm:

a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;

Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Trích)

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Trường hợp

Do mâu thuẫn với chị H, D đã viết bài đăng lên mạng xã hội bịa đặt, vu khống chị H có quan hệ không lành mạnh với anh S nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự của chị H. Sau đó, bài viết đã được nhiều người bình luận, chia sẻ, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của chị H. Hành vi của D đã bị Toà án tuyên phạt 40 triệu đồng và buộc phải xin lỗi, công khai cải chính thông tin trên mạng xã hội.



- a) Trong thông tin trên, theo em, hành vi vi phạm có thể gây ra những hậu quả gì? Trách nhiệm pháp lý nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm?
- b) Từ trường hợp trên, em hãy cho biết hậu quả nào đã xảy ra đối với hành vi của D khi vu khống, xâm phạm đến nhân phẩm và danh dự của chị H.



Vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân là hành vi trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân được pháp luật bảo hộ; làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tác động xấu đến dư luận xã hội.

Hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân vừa gây ra hậu quả cho người bị vi phạm, vừa gây ra hậu quả cho xã hội và người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi của mình.

Đối với người bị vi phạm: Có thể bị tước đoạt quyền sống, bị thiệt hại, ảnh hưởng về sức khỏe, thiệt hại đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của mình.

Đối với người có hành vi vi phạm: Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm của mình. Mọi việc làm xâm hại đến tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

4. Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân

Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

Trường hợp

Q và V là bạn học cùng lớp. Sang học kì II, V bắt đầu sao nhãng chuyện học hành, nhiều khi không làm bài cô giáo giao về nhà, V thường nhờ Q cho chép bài, nhưng Q

không muốn và khuyên V nên tự học, tự làm. V không hài lòng với Q nên đã cố ý bịa đặt nói xấu Q với một số bạn trong lớp. Các bạn có các cách hành xử khác nhau, một số bạn coi hành vi, việc làm của V là xâm phạm danh dự, uy tín của Q nên đã khuyên V dừng ngay việc làm của mình; nhưng cũng có những bạn khác thì thờ ơ, cho là chuyện riêng của hai người.



Em nhận xét như thế nào về cách thể hiện trách nhiệm của các bạn trong trường hợp trên?



Thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là trách nhiệm của mọi công dân, trong đó có học sinh. Là công dân – học sinh, mỗi chúng ta cần:

Học tập, tìm hiểu các nội dung cơ bản của quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân; phân biệt được hành vi đúng, sai để tự bảo vệ mình và bảo vệ những người xung quanh trước hành vi vi phạm. Tôn trọng thân thể, tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác và của chính bản thân mình. Mỗi người phải biết tự bảo vệ quyền của mình, tố cáo những việc làm sai trái với quy định của pháp luật.

Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân bằng những hành vi, việc làm cụ thể, phù hợp; nhắc nhở bạn bè và những người xung quanh cùng thực hiện.



Luyện tập

- Hành vi nào dưới đây xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của người khác? Vì sao?
 - Chê bai người khác trước bạn bè.
 - Trách bạn không cho mình nhìn bài kiểm tra.
 - Nói xấu, xúc phạm người khác trước mặt nhiều người.
 - Phê phán người khác trong cuộc họp.
- Công ty K kí hợp đồng thuê nhà của ông H làm văn phòng làm việc, trong đó thỏa thuận tiền thuê mỗi quý được trả vào ngày mùng 5 tháng đầu tiên của quý. Đã quá

hạn nhưng Công ty K vẫn không trả tiền cho ông H, với lí do công ty đang khó khăn về tài chính. Đòi tiền không được, ông H khoá cửa nhà lại, nhốt 5 người của công ty đang ở trong phòng làm việc. 3 giờ sau, mọi người trong nhà mới được giải thoát, nhờ sự can thiệp của Công an phường.

Theo em, ông H có vi phạm pháp luật không? Vi phạm như thế nào?

3. Trong quá trình kinh doanh mỹ phẩm, Q có bất đồng với H và thường xuyên nói xấu H trên mạng xã hội. H rất buồn, vì những thông tin không đúng sự thật về mình cứ bị lan truyền, chia sẻ cho nhiều người biết.

Hành vi của Q đã xâm phạm đến quyền gì của H? Giải thích vì sao.

4. Ông H và ông M có xích mích, nhiều lần lời qua tiếng lại. Từ chửi nhau dẫn đến xô xát, N là con trai ông H cầm khúc gỗ đánh P là con trai ông M khiến P bị gãy xương sườn. P phải điều trị tại bệnh viện, mất chi phí hơn 30 triệu đồng.

Hành vi của N đã vi phạm quyền nào của công dân? Hành vi đó sẽ phải chịu hậu quả gì?

5. Tự liên hệ bản thân, trong cuộc sống em đã thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân như thế nào.



Vận dụng

Em hãy cùng các bạn trong nhóm sưu tầm thông tin và thiết kế sản phẩm tuyên truyền về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân trong khu dân cư (xã, phường, thôn, xóm); trình bày kế hoạch trước lớp.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân trong một số tình huống đơn giản.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.



Mở đầu

Chỗ ở là nơi cư trú riêng của mỗi người, có thể thuộc quyền sở hữu của cá nhân hoặc cá nhân có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân được quy định trong Hiến pháp và luật, được Nhà nước ghi nhận, tôn trọng và bảo đảm thực hiện.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.



Khám phá

1. Pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 22 (Trích)

1. Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp.
2. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
3. Việc khám xét chỗ ở do luật định.

2. Luật Nhà ở năm 2014

Điều 4. Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở (Trích)

Hộ gia đình, cá nhân có quyền có chỗ ở thông qua việc đầu tư xây dựng, mua, thuê, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận góp vốn, nhận đổi, mượn, ở nhờ, quản lý nhà ở theo uỷ quyền và các hình thức khác theo quy định của pháp luật,...

3. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Điều 12. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân (Trích)

Không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân.

Điều 192. Căn cứ khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử (Trích)

1. Việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Việc khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện cũng được tiến hành khi cần phát hiện người đang bị truy nã, truy tìm và giải cứu nạn nhân.

Tình huống 1. Hai người bảo vệ đuổi theo một tên ăn trộm, đến ngã tư thì mất dấu. Nghi ngờ tên trộm chạy vào nhà ông T, hai người bảo vệ đề nghị ông T cho vào nhà để tìm kiếm tên trộm, nhưng ông T không đồng ý vì không thấy ai vào nhà mình cả. Hai người bảo vệ quyết định không vào nhà ông T, mà quay lại chợ làm nhiệm vụ của mình.

Tình huống 2. Sáng thứ Bảy, H đến nhà K chơi. Sau khi H ra về, ông C là bố của K tìm điện thoại nhưng không thấy. Ông C cho rằng H đã lấy điện thoại đó, nên đã quyết định sang nhà H để khám xét. Gia đình H không đồng ý cho ông C vào nhà, nhưng ông C cứ xông thẳng vào nhà lục lọi đồ đạc để tìm chiếc điện thoại của mình.



- Từ các thông tin trên, em hãy cho biết trong tình huống 1, ông T đã bảo vệ quyền của mình như thế nào.
- Trong tình huống 2, ông C có quyền vào nhà H không? Vì sao?
- Các thông tin nói đến quyền nào của công dân? Em hiểu nội dung quyền đó như thế nào?



Xâm phạm chỗ ở của người khác là hành vi khám trái pháp luật chỗ ở, đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ hoặc có những hành vi trái pháp luật khác xâm phạm chỗ ở của công dân.

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.

Việc khám xét chỗ ở của một người chỉ được tiến hành trong trường hợp được pháp luật cho phép và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đó là khi có căn cứ để nhận định chỗ ở đó đang có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án; khi cần bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã lần trốn ở đó. Việc khám xét cũng phải tuân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 158. Tội xâm phạm chỗ ở của người khác (Trích)

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm:

- a) Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác;
- b) Đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ;
- c) Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lý hợp pháp vào chỗ ở của họ;
- d) Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác.

Tình huống. Anh M nợ tiền của ông N và bỏ trốn khỏi địa phương. Một hôm, nhận được tin anh M đang trốn ở nhà chị Q (chị gái của M) ở thôn bên cạnh, ông N đã cùng hai con trai của mình đến nhà chị Q để tìm kiếm. Khi bố con ông N đến nơi, chị Q đã khoá cửa, không cho họ vào nhà và khẳng định M không có ở nhà chị. Bố con ông N không tin nên đã phá cửa nhà chị Q và xông vào nhà tìm kiếm, khám xét đồ đạc để tìm M nhưng không thấy anh M.

Sau đó chị Q đã khởi kiện bố con ông N về hành vi xâm phạm trái phép chỗ ở của người khác.



- a) Ở tình huống trên, gia đình chị Q đã bị ảnh hưởng như thế nào từ hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của bố con ông N?
- b) Từ thông tin trên, em hãy cho biết, ông N và hai con của ông có thể bị xử lý như thế nào từ hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của chị Q.



Xâm phạm chỗ ở của công dân là hành vi trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân được pháp luật bảo hộ. Hành vi này làm ảnh hưởng đến sự bình yên của công dân, có thể làm cho công dân bị mất chỗ ở, bị ảnh hưởng đến cuộc sống, đến sinh hoạt bình thường của họ và các thành viên trong gia đình, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho nạn nhân.

Người nào xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỉ luật, xử phạt hành chính hoặc bị xử lý hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

3. Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Hường, Hiền và Hà là bạn thân của nhau. Một sáng Chủ nhật, Hiền và Hường đến nhà Hà, nhưng đến nơi Hiền gọi mãi không thấy ai ở nhà. Hường nói với Hiền, chắc Hà đi đâu một lát rồi về, nên mình cứ vào nhà đợi, vì chúng mình là bạn thân với nhau mà. Hiền không đồng ý, vì cho rằng không ai được tự ý vào nhà người khác nếu không được người đó đồng ý. Hai bạn đã chờ đến khi Hà về mở cửa rồi mới vào.



Em đồng ý với ý kiến của bạn nào trong trường hợp trên? Vì sao?



Tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là trách nhiệm của mọi công dân, trong đó có học sinh. Là công dân – học sinh, mỗi chúng ta cần:

– Học tập, tìm hiểu và nắm vững các nội dung cơ bản của quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân để thực hiện cho đúng; phân biệt hành vi đúng, sai để tự bảo vệ mình và bảo vệ những người xung quanh trước hành vi vi phạm.

– Tự giác thực hiện quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. Tôn trọng chỗ ở của người khác. Không được xâm nhập trái phép chỗ ở của người khác; không được tự tiện vào chỗ ở, lục lọi chỗ ở của người khác trong mọi trường hợp khi chưa có sự cho phép của chủ nhà.

– Mỗi chúng ta cần phải biết bảo vệ chỗ ở của mình; tố cáo, phê phán các hành vi xâm phạm chỗ ở của mình và của người khác. Cùng với việc tự mình thực hiện, mỗi người còn cần nhắc nhở bạn bè, vận động những người xung quanh cùng thực hiện.



Luyện tập

- Hành vi nào sau đây là thực hiện đúng quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân? Vì sao?
 - Tự tiện vào nhà hàng xóm khi nghi ngờ người trong gia đình họ lấy trộm đồ vật của mình.
 - Khám nhà của một người theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Vào nhà người khác khi nghi ngờ trong nhà có kẻ trộm đang lẩn trốn.
 - Vào nhà người khác khi nghi ngờ trong nhà có đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.
- Bà X dựng xe máy ở cổng nhà nhưng quên túi xách ở xe. Khi quay ra, thấy túi xách của mình không còn nữa, bà X hoảng hốt vì trong túi có tiền và giấy tờ cần thiết. Bà X nghi cho V (12 tuổi) đã lấy túi xách của mình, vì lúc ấy V đang chơi ở gần đó. Bà X đến nhà V đòi khám nhà nhưng chị em V không đồng ý. Bà X vẫn xông vào nhà lục soát, bất chấp sự phản đối của hai chị em V.
 - Hành vi của bà X đã xâm phạm đến quyền nào của chị em V? Vì sao?*
 - Theo em, V và chị mình có thể làm gì để bảo vệ quyền của mình bị xâm phạm?*
- Ông L và ông M tranh chấp về quyền sở hữu căn nhà và khởi kiện ra Toà án. Theo bản án của Toà án thì quyền sở hữu căn nhà trên thuộc về ông M. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông M không đề nghị thi hành bản án mà thuê một số thanh niên cầm gậy gộc cùng mình xông vào nhà đánh ông L và ép buộc gia đình ông phải chuyển đồ đạc ra khỏi nhà, để chiếm lại căn nhà.

Hành vi của ông M có phù hợp với quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân không? Vì sao?
- Tự liên hệ bản thân, em đã thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở như thế nào? Nêu ví dụ.



Vận dụng

Em hãy cùng các bạn trong nhóm sưu tầm thông tin và thiết kế sản phẩm tuyên truyền về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân trong khu dân cư (xã, phường; thôn, xóm); trình bày trước lớp sản phẩm của nhóm.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân trong một số tình huống đơn giản.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.



Mở đầu

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là một trong các quyền tự do cơ bản của công dân, được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và trong các luật khác của Nhà nước. Đây là quyền con người, quyền công dân được Nhà nước ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ nhằm bảo đảm an toàn thông tin về đời sống riêng tư, bí mật của cá nhân.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.



Khám phá

1. Pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại điện tín

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 21 (Trích)

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.

2. Bộ luật Dân sự 2015

Điều 38. Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình (Trích)

3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.

3. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Điều 12. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân (Trích)

Không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân.

Việc khám xét chỗ ở, khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này.

Điều 192. Căn cứ khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử (Trích)

1. Việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Việc khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện cũng được tiến hành khi cần phát hiện người đang bị truy nã, truy tìm và giải cứu nạn nhân.

2. Khi có căn cứ để nhận định trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án thì có thể khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử.

Tình huống 1. Liên và Hà là bạn thân của nhau. Một lần, Liên đến chơi trong lúc Hà đang ở ngoài sân, Liên thấy cuốn nhật kí để trên bàn học nên Liên có ý định mở nhật kí ra xem. Nhưng nghĩ lại, Liên thấy mình không nên đọc nhật kí của Hà khi không được Hà cho phép.

Tình huống 2. K mượn điện thoại của S để gọi cho một người bạn. Trong lúc S không để ý, K đã tự ý đọc một số tin nhắn của S trong điện thoại. Q chứng kiến việc làm của K cho rằng K đã xâm phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của S. K thì cho rằng, bạn bè xem tin nhắn của nhau thì không có gì là sai.



- a) Từ thông tin về quy định của Hiến pháp, theo em ở tình huống 1 và 2 hành vi của Liên và K ai đúng ai sai? Vì sao?
- b) Thông tin trên nói đến quyền nào của công dân? Em hiểu nội dung quyền đó như thế nào?



Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là quyền về bí mật đời tư của cá nhân, được pháp luật ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ. Thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Không ai được tự tiện bóc mở, tiêu huỷ thư, kiểm soát điện thoại, điện tín của người khác. Những người làm nhiệm vụ chuyển thư, điện tín phải chuyển đến tận tay người nhận.

Pháp luật nước ta nghiêm cấm hành vi xâm phạm thư tín, điện thoại, điện tín của người khác. Trong những trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền được kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của người khác, nhưng việc khám xét thư tín, điện thoại, điện tín của công dân phải được tiến hành đúng trình tự, thủ tục do luật định.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 159. Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác (Trích)

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm:

a) Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào;

b) Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông;

c) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật;

d) Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật;

đ) Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.

Tình huống 1. Đang sử dụng máy tính cá nhân, C có việc phải đi ra khỏi phòng. Nhân lúc đó, S là bạn ở cùng phòng với C đã tự ý đọc email của C để tìm kiếm một số thông tin mà C không nói với S. Một lát sau C quay lại phòng, bắt gặp S đang xem email của mình. Sau sự việc này C không còn tin tưởng S và không chơi với S nữa.

Tình huống 2. Chị D và anh A cùng làm việc trong một công ty. Một lần, chị D truy cập trái phép vào tài khoản Facebook của anh A để đọc, chụp lại tin nhắn và chỉnh sửa rồi phát tán trong công ty nhằm bôi nhọ danh dự của anh A. Việc làm đó đã làm một số người trong công ty hiểu lầm, làm cho uy tín của anh A bị ảnh hưởng. Có người khuyên anh A nên khởi kiện chị D để chị D bị cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.



- a) Trong hai tình huống trên, quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của C và anh A đã bị ai xâm phạm như thế nào? Hậu quả gì có thể xảy ra khi quyền này bị xâm phạm?
- b) Hành vi vi phạm của S và chị D dẫn đến hậu quả gì và có thể áp dụng trách nhiệm pháp lý nào?



Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín thuộc quyền riêng tư của mỗi cá nhân, không ai được xâm phạm tới.

Hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân có thể gây ra những thiệt hại về vật chất và tinh thần cho người bị xâm hại hoặc làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi này vừa gây hậu quả cho người bị vi phạm, vừa gây hậu quả cho người có hành vi vi phạm.

Đối với người bị vi phạm: Hành vi vi phạm của người khác xâm phạm an toàn và bí mật cá nhân trong thư tín, điện thoại, điện tín.

Đối với người có hành vi vi phạm: Phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm của mình. Người vi phạm xâm phạm đến quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của người khác thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể phải chịu trách nhiệm kỉ luật, bị xử phạt hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

H và Q là bạn thân của nhau, H muốn Q cho mình xem tin nhắn điện thoại của một số người khác gửi cho Q, nhưng Q không đồng ý nên H rất tức, vì cho rằng Q làm như vậy là không thật lòng với bạn bè.



Theo em, hành vi đòi xem tin nhắn của H và việc từ chối của Q là đúng hay sai? Nếu là bạn của H, em sẽ làm gì?



Là học sinh, mỗi người cần thực hiện tốt trách nhiệm sau:

– Học tập, tìm hiểu và nắm vững các nội dung của quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thông tin điện thoại, điện tín của công dân; biết phân biệt hành vi đúng, sai để lựa chọn các xử sự phù hợp, biết tự bảo vệ mình và bảo vệ những người khác trước hành vi vi phạm.

– Có ý thức bảo đảm, tôn trọng an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của người khác; không được xâm phạm, chiếm đoạt thư tín, điện thoại, điện tín của người khác. Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân; vận động, thuyết phục và nhắc nhở bạn bè và những người xung quanh cùng tôn trọng và thực hiện.

– Tố cáo, phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm quyền của mình và của người khác.



Luyện tập

- Hành vi nào dưới đây là xâm phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân? Vì sao?
 - Tung tin nói xấu người khác trên mạng xã hội.
 - Tự tiện xem tin nhắn trên điện thoại của người khác.
 - Trao đổi thông tin với người khác trên Facebook.
 - Vu khống người khác trên mạng xã hội.

2. Vì muốn biết quan hệ giữa bạn mình là L với một bạn trai khác, nên mỗi lần thấy L nói chuyện qua điện thoại, M lại tìm cách tiếp cận để nghe trộm. Biết chuyện, L không hài lòng về hành vi của M.
- a) *Hành vi của M đã xâm phạm quyền nào của L? Vì sao?*
- b) *Theo em, L cần làm gì để bảo vệ quyền của mình khi bị xâm phạm?*
3. Là bạn thân của nhau, nhưng K thấy có một số chuyện T vẫn giữ, không kể lại cho mình nghe. K đã tìm cách đăng nhập vào tài khoản trên mạng xã hội của T để đọc tin nhắn mà T trao đổi với mọi người. Biết chuyện, T rất buồn và thấy bị tổn thương nên đã hạn chế tiếp xúc với K. K cũng không được vui khi thấy T lạnh nhạt đối với mình.
- a) *Là bạn thân với nhau, K có quyền truy cập tài khoản trên mạng xã hội để đọc tin nhắn của T không? Vì sao?*
- b) *Hành vi của K đã để lại hậu quả gì cho cả K và T?*
4. Chị H là nhân viên một công ty thương mại. Có lần chị đăng nhập Facebook nhưng lại quên đăng xuất. Lợi dụng tình trạng đó, có người đã tìm cách vào Messenger của chị để đọc tin nhắn và chụp lại hình ảnh để gửi thêm cho người khác. Thấy quyền của mình bị xâm phạm, chị H muốn tìm ra thủ phạm để bảo vệ quyền hợp pháp của mình, nhưng chưa biết phải làm thế nào.
- a) *Trong tình huống này, quyền nào của chị H đã bị xâm phạm?*
- b) *Theo em, chị H cần làm gì để bảo vệ quyền thư tín của mình?*
5. Tự liên hệ bản thân, em đã tôn trọng quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của người khác hay chưa? Biểu hiện cụ thể như thế nào?



Vận dụng

- Em hãy viết một thông điệp về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
- Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu về tình hình thực hiện pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín ở trường.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân.
- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân.
- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân trong một số tình huống đơn giản.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.



Mở đầu

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, Internet và mạng xã hội, việc tiếp nhận và truyền dẫn thông tin đã trở thành phổ biến trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong cuộc sống của mỗi cá nhân. Cùng với đó, nhu cầu về thực hiện các quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin trở thành yếu tố quan trọng không thể thiếu được trong các quyền cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 khẳng định công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tiếp cận thông tin. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về các quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.



Khám phá

1. Pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

a. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận

Em hãy đọc thông tin, trường hợp, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 25 (Trích)

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

2. Luật Báo chí năm 2016

Điều 11. Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân

1. Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới.

2. Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp. Hội đồng nhân dân xã V triệu tập cuộc họp với đại diện nhân dân để nghe ý kiến về tình hình phát triển giáo dục của xã. Trong cuộc họp này, nhiều đại biểu đã thẳng thắn phát biểu, đóng góp ý kiến, nêu lên những hạn chế của chính quyền như thiếu sự quan tâm xây dựng cơ sở vật chất cho trường học, phòng học xuống cấp mà không được sửa chữa; học sinh thiếu khu vui chơi hoạt động trong trường, không có sân chơi để tổ chức các hoạt động học tập ngoài lớp học. Thực trạng này đã ảnh hưởng đến việc thực hiện đổi mới giáo dục.

Tình huống. H và Q cùng công tác trong một công ty. H làm việc chăm chỉ, có trách nhiệm nên luôn được lãnh đạo tín nhiệm và đánh giá tốt. Còn Q làm việc chưa tốt nên lãnh đạo nhắc nhở. Q cho rằng, vì H mà lãnh đạo đánh giá thấp Q, nên Q tìm cách hạ uy tín của H. Q đã viết bài trên mạng xã hội vu khống, xúc phạm danh dự của H. Thấy vậy, có người cho rằng Q đã thực hiện quyền tự do ngôn luận, nhưng có người lại cho rằng Q đang vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận.



a) Từ thông tin Hiến pháp và Luật Báo chí, em hãy cho biết trong trường hợp trên đại diện nhân dân xã V đã thực hiện quyền của mình như thế nào.

b) Theo em, hành vi của Q có phải là thực hiện quyền tự do ngôn luận không? Vì sao?



Quyền tự do ngôn luận là quyền của công dân được tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về tất cả các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước dưới hình thức bằng lời nói, văn bản bản điện tử (Facebook, Zalo,...), hoặc dưới hình thức khác.

Công dân có thể sử dụng quyền tự do ngôn luận để đóng góp ý kiến với cơ quan, trường học, khu dân cư, nơi sinh sống, học tập và công tác,...; có thể viết bài đăng báo phát biểu ý kiến của mình về tình hình đất nước và thế giới; tham gia ý kiến về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí với cơ quan, tổ chức và cá nhân, cán bộ công chức nhà nước; góp ý kiến, kiến nghị với đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong những lần đại biểu tiếp xúc với cử tri.

Khi thực hiện quyền tự do ngôn luận, công dân có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, thực hiện trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Không ai được lạm dụng quyền tự do ngôn luận để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

Nhà nước, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tôn trọng quyền tự do ngôn luận của công dân.

b. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do báo chí

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

Luật Báo chí năm 2016

Điều 10. Quyền tự do báo chí của công dân (Trích)

1. Sáng tạo tác phẩm báo chí.
2. Cung cấp thông tin cho báo chí.
3. Phản hồi thông tin trên báo chí.
4. Tiếp cận thông tin báo chí.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan báo chí đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân

1. Đăng, phát kiến nghị, phê bình, tin, bài, ảnh và tác phẩm báo chí khác của công dân phù hợp với tôn chỉ, mục đích và không có nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 9 của Luật này; trong trường hợp không đăng, phát phải trả lời và nêu rõ lý do khi có yêu cầu.

2. Trả lời hoặc yêu cầu tổ chức, người có thẩm quyền trả lời bằng văn bản hoặc trả lời trên báo chí về kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến.

Điều 13. Trách nhiệm của Nhà nước đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân

1. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình.

2. Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

3. Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, truyền dẫn và phát sóng.

Tình huống. Trong phong trào xây dựng nông thôn mới, chính quyền xã M có nhiều việc làm tích cực trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phát triển văn hoá giáo dục, được nhân dân tin tưởng. Tuy nhiên, vẫn còn có cán bộ có việc làm gây dư luận không tốt trong nhân dân.

Thực hiện quyền và trách nhiệm công dân của mình, một số bà con trong xã đã phản ánh cho báo chí về hoạt động tích cực của chính quyền nhân dân xã trong công tác chăm lo, hỗ trợ phát triển giáo dục. Đồng thời, bà con cũng phản ánh tình trạng cán bộ phụ trách công trình đã không minh bạch trong việc thu chi tiền làm đường của các hộ dân trong xã.



Em hãy cho biết:

- a) Hành vi của một số người dân cung cấp thông tin cho báo chí là đúng hay sai? Vì sao?
- b) Trong trường hợp này, báo chí có quyền đăng tin do công dân cung cấp hay không? Vì sao?



Quyền tự do báo chí là quyền của công dân được sáng tạo tác phẩm báo chí, tiếp cận thông tin báo chí, cung cấp thông tin cho báo chí, phản hồi thông tin trên báo chí. Tự do báo chí là một trong các quyền cơ bản của công dân, được pháp luật bảo vệ, thông qua phương tiện thông tin đại chúng, thể hiện ý kiến, quan điểm, tình cảm của mình trước các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước.

Đồng thời với việc thực hiện quyền, công dân có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật nhằm bảo vệ chế độ xã hội, bảo vệ Nhà nước. Chỉ thực hiện quyền tự do báo chí trong khuôn khổ pháp luật; không được lợi dụng quyền để xuyên tạc sự thật, chống phá Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích của Nhà nước và công dân.

Nhà nước, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để công dân thực hiện quyền của mình.

c. Quyền và nghĩa vụ công dân về tiếp cận thông tin

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin (Trích)

1. Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.
2. Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ.
3. Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thông tin công dân được tiếp cận

Công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này.

Điều 6. Thông tin công dân không được tiếp cận (Trích)

1. Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật.
2. Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Điều 7. Thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Trích)

1. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin (Trích)

1. Công dân có quyền:
 - a) Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời;
 - b) Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.
2. Công dân có nghĩa vụ:
 - a) Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;
 - b) Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;
 - c) Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Điều 10. Cách thức tiếp cận thông tin (Trích)

Công dân được tiếp cận thông tin bằng các cách thức sau:

1. Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai;
2. Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Trường hợp 1. Anh Huy và anh Hải trao đổi với nhau về việc tìm hiểu thông tin kinh tế – xã hội của tỉnh mình. Anh Huy thường hay theo dõi thông tin về tình hình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước qua kênh VTV 1, nhưng anh không hiểu làm thế nào để có thể biết được thông tin về tỉnh mình. Anh Hải đã tư vấn cho anh Huy có thể tìm hiểu qua kênh truyền hình của tỉnh, hệ thống đài phát thanh của địa phương, Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trong tỉnh.

Trường hợp 2. Chị Lan muốn tìm hiểu thông tin về bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện mình để xây dựng các công trình công cộng. Chị Lan đến Ủy ban nhân dân huyện đề nghị được cung cấp thông tin về những nội dung này. Sau khi chị Lan trình bày về mong muốn của mình, chị đã được cung cấp đầy đủ những thông tin mà chị đề nghị và giải thích rõ cho chị về những nội dung trong thông tin.



- a) Ở trường hợp 1, anh Huy và mọi người nói chung có thể tìm hiểu thông tin về vấn đề mình quan tâm bằng cách nào?
- b) Ở trường hợp 2, chị Lan đã thực hiện quyền của mình như thế nào? Đó là quyền gì?



Quyền tiếp cận thông tin là quyền của công dân tiếp cận các thông tin do cơ quan nhà nước nắm giữ. Công dân được tiếp cận mọi thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận và thông tin được tiếp cận có điều kiện. Việc thực hiện quyền này phải theo Luật Tiếp cận thông tin.

Công dân được tiếp cận thông tin bằng cách tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin. Công dân có quyền được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

Khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân

Em hãy đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 167. Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân (Trích)

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 1 năm đến 5 năm.

Tình huống. Từ năm 2020 – 2021, Nguyễn Thị B đã lợi dụng quyền tự do ngôn luận, thông qua một số tài khoản trên mạng xã hội để viết bài, phát ngôn trực tiếp, đưa ra những thông tin sai sự thật, thiếu kiểm chứng về hoạt động của chính quyền địa phương. Những thông tin này có kích động, vận động, xúi giục, lôi kéo tụ tập đông người gây rối trật tự công cộng. Dù đã được các cơ quan chức năng nhiều lần mời làm việc, nhắc nhở, khuyến cáo nhưng B không chấp hành, tỏ thái độ xem thường pháp luật. Hành vi của Nguyễn Thị B đã bị Toà án nhân dân huyện X xét xử, xử phạt tù 5 năm về tội lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, theo khoản 1 Điều 331 Bộ luật Hình sự.



- a) Em hãy cho biết, trong tình huống trên, hành vi của Nguyễn Thị B đã dẫn đến hậu quả gì cho bản thân.
- b) Nguyễn Thị B đã có những hành vi nào trái pháp luật?



Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tiếp cận thông tin là quyền tự do cơ bản của công dân, được Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm chỉnh trong cuộc sống.

Bên cạnh đó, vẫn có những tổ chức, cá nhân luôn tìm mọi cách lợi dụng các quyền này trên báo chí và không gian mạng để tuyên truyền thông tin xấu, xuyên tạc sự thật của Nhà nước và công dân.

Các hành vi vi phạm quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin xâm phạm lợi ích quốc gia, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; gây phương hại đến uy tín, danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Nhà nước. Các hành vi vi phạm, tùy theo mức độ, có thể bị xử lý kỉ luật, xử lý hành chính hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

Em hãy đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Trường Trung học phổ thông X lấy ý kiến học sinh tham gia đóng góp với Ban Giám hiệu công tác đổi mới giáo dục với quyết tâm xây dựng nhà trường thành trường học đạt chuẩn quốc gia. Nhiều bạn học sinh lớp 11 cho rằng, đây là cơ hội mà lãnh đạo nhà trường đã tạo ra để học sinh được thực hiện quyền tự do ngôn luận của mình. Các bạn đã tích cực phát biểu, nói lên những suy nghĩ của mình về một số những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục như điều kiện cơ sở vật chất trường học, phương tiện dạy học,... Tuy vậy, vẫn còn một số bạn ngại ngùng, bần khoản khi cho rằng đây là việc của các thầy cô giáo, không phải của học sinh.



Trách nhiệm của các bạn học sinh Trường Trung học phổ thông X đã được thể hiện như thế nào trong trường hợp trên?



Thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin là trách nhiệm của mọi công dân, trong đó có học sinh. Là công dân – học sinh, mỗi chúng ta cần:

Học tập, tìm hiểu các nội dung cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

Tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không được xâm phạm quyền của người khác; nhắc nhở bạn bè và những người xung quanh cùng thực hiện.

Biết bảo vệ quyền của mình; tố cáo, phê phán, đấu tranh với các hành vi trái pháp luật, xâm phạm quyền của mình và của người khác. Cùng với việc tự mình thực hiện, mỗi người còn cần nhắc nhở bạn bè xung quanh cùng thực hiện.



Luyện tập

- Hành vi nào sau đây của công dân không thể hiện quyền tự do ngôn luận? Vì sao?
 - Ông A tố cáo hành vi của ông H bao che cho việc làm sai trái của cán bộ cấp dưới.
 - Giáo viên phát biểu phản ánh với Ủy ban nhân dân huyện về tình trạng cơ sở vật chất của một số trường xuống cấp, cần được đầu tư xây dựng.
 - Trong đợt đại biểu Quốc hội tiếp xúc với cử tri huyện X, nhân dân đã đóng góp nhiều ý kiến, kiến nghị về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện mình.
 - Anh I viết bài đăng báo phản đối hành vi hách dịch, cửa quyền của một số cán bộ trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân.

- Trước việc làm thiếu trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải để lại các hố ga không có nắp gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông, ông B đã cung cấp thông tin cho báo chí kèm theo ảnh chụp rõ ràng về các hố ga này.

Có người nói, hành vi này của ông B là thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận; nhưng lại có người cho rằng đây là quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do báo chí.

Em đồng ý với ý kiến nào trên đây? Vì sao?

- Sau khi nghe đài phát thanh huyện phát thông tin về chủ trương của huyện cho các gia đình thuộc diện hộ nghèo vay vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh với mức lãi suất ưu đãi đặc biệt, chị B đã đến Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu được cung cấp thông tin đầy đủ, cụ thể về việc này. Người cán bộ Ủy ban tiếp chị không cung cấp ngay thông tin cho chị B mà hẹn chị 4 ngày sau sẽ trả lời. Đến hẹn, chị B được người cán bộ này cung cấp thông tin sai lệch so với thông tin đã được phát qua đài phát thanh.

Theo em, người cán bộ Ủy ban nhân dân huyện có thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ công dân về tiếp cận thông tin hay không? Vì sao?

- Do có hành vi gây rối trật tự công cộng, K bị Công an huyện xử phạt vi phạm hành chính. Một số phần tử xấu kích động, xúi giục nên K đã đăng bài viết trên Facebook có tính chất xuyên tạc những thông tin về hoạt động của chính quyền địa phương, từ cấp xã đến cấp huyện. Từ vụ việc này, có người cho rằng hành vi của K vi phạm

quyền tự do ngôn luận của công dân; nhưng có người khác lại cho rằng, do K viết bài trên Facebook nên đã vi phạm quyền tự do báo chí.

a) Em đồng ý với ý kiến nào trên đây? Vì sao?

b) Em nhận xét thế nào về hành vi của K?

5. Khi đọc những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, bạn P cho rằng chỉ khi nào chúng ta được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến của mình mà không cần tuân thủ các quy định của pháp luật thì khi đó chúng ta mới thật sự có quyền tự do ngôn luận.

Em có đồng ý với ý kiến của bạn P hay không? Vì sao?



Vận dụng

Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng một kế hoạch tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin trong khu dân cư (xã, phường, thôn, xóm) theo gợi ý:

Lập kế hoạch tuyên truyền:

- Mục đích, đối tượng tuyên truyền;
- Hình thức, nội dung tuyên truyền;
- Thời gian, địa điểm thực hiện.

Trình bày kế hoạch trước lớp.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo trong một số tình huống đơn giản.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.



Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng. Pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo đảm cho mỗi công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.

Em hãy cho biết hình ảnh bên nhắc đến tín ngưỡng nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về tín ngưỡng đó.



Ảnh: baohinhphu.vn

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 24 (Trích)

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

2. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm (Trích)

1. Phân biệt đối xử, kì thị vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo:

a) Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;

b) Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;

c) Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;

d) Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

Điều 6. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người (Trích)

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lí, giáo luật tôn giáo.

3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo (Trích)

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp 1. Chị M từ nhỏ đã theo tôn giáo cùng với người thân trong gia đình. Khi tròn 22 tuổi, chị M tìm hiểu và thấy tôn giáo Y có giáo lý và lễ nghi rất phù hợp với mình nên chị muốn chuyển sang theo tôn giáo này. Bố mẹ chị M không ngăn cản chị nhưng băn khoăn, lo lắng gia đình sẽ bị phân biệt, đối xử, kì thị khi có người theo tôn giáo khác với tôn giáo mà mình đang theo.

Trường hợp 2. Anh T là nhân viên của một cơ sở y tế. Ở cơ quan, anh là người chăm chỉ có trách nhiệm với công việc, được mọi người tin tưởng, yêu mến. Ở khu dân cư, anh luôn quan tâm, giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn, những người già, người bệnh. Trong đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, anh T được giới thiệu ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Có ý kiến cho rằng anh T là người theo tôn giáo nên muốn ứng cử thì anh phải từ bỏ tôn giáo đang theo.



- a) Dựa vào thông tin 2, em hãy nhận xét suy nghĩ, hành động của các nhân vật trong từng trường hợp trên. Theo em, quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo được biểu hiện như thế nào trong các trường hợp trên?
- b) Theo em, pháp luật nước ta quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhằm mục đích gì?



Pháp luật Việt Nam quy định các quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo, cụ thể như sau:

Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo.

Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

Tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về tín ngưỡng và tôn giáo.

Luôn tôn trọng, không xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; không lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 64. Xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (Trích)

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác (Trích)

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm.

Điều 331. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Trích)

1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

Trường hợp 1. Trên địa bàn xã T, người dân theo các tôn giáo khác nhau. Họ rất đoàn kết và nhiệt tình tham gia, hưởng ứng các phong trào ủng hộ đồng bào vùng lũ, hoạt động bảo vệ môi trường,... Các hoạt động này đã tạo ra sự gắn bó, đoàn kết giữa những người có tôn giáo và những người không theo tôn giáo.

Trường hợp 2. Một số cá nhân đã lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để lập diễn đàn, hội nhóm trên các trang mạng nhằm thu lợi bất chính. Các đối tượng này đã giới thiệu một số thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng,... không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Nhiều người đã tin theo, mua về dùng dẫn đến vừa mất tiền, vừa ảnh hưởng đến sức khỏe.



- a) Dựa vào thông tin, em hãy cho biết các hành vi không thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo trong mỗi trường hợp trên.
- b) Theo em, các hành vi vi phạm nêu trên có thể gây ra những hậu quả gì và có thể bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật?



Các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với đời sống tín ngưỡng, tôn giáo và gây khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước; có thể xâm phạm an ninh quốc gia; gây mất trật tự, an toàn xã hội và môi trường; gây hậu quả xấu đến sức khỏe, tài sản và tính mạng của người dân; xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo của người khác.

Đối với người có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

Em hãy đọc trường hợp, tình huống và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Gia đình anh H từ lâu đã thực hiện tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên để thể hiện lòng thành kính và biết ơn đối với ông bà tổ tiên. Là con trong nhà, H cũng ý thức được việc thờ cúng tổ tiên là phong tục được giữ gìn và lưu truyền từ bao đời nay, giúp mỗi người đề cao lòng hiếu nghĩa và truyền thống uống nước nhớ nguồn.

Trường hợp 2. Lớp X tổ chức đi tham quan một cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử văn hoá. Các bạn trong lớp ai nấy đều hào hứng tìm hiểu về lịch sử văn hoá của cơ sở tôn giáo đó và những quy định có liên quan khi tới tham quan.

Tình huống. Trong lớp của M có một số bạn theo tôn giáo và một số bạn không theo tôn giáo. M cho rằng, khi tham gia các hoạt động của lớp thì nên tách thành các nhóm theo tôn giáo và không theo tôn giáo để thuận tiện trong triển khai các hoạt động.



- a) Em hãy nhận xét suy nghĩ, việc làm của các nhân vật trong các trường hợp trên. Theo em, những việc làm nào thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo?
- b) Nếu là M trong tình huống trên, em sẽ làm gì để thể hiện trách nhiệm của mình trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo?
- c) Em hãy nhận xét suy nghĩ của M. Nếu là bạn của M, em sẽ làm gì để thực hiện trách nhiệm của mình trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo?



Thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo là trách nhiệm của mọi công dân, trong đó có học sinh. Là công dân – học sinh, mỗi chúng ta cần:

– Tự giác, tích cực học tập, tìm hiểu các nội dung cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo và tích cực, chủ động trong thực hiện.

– Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; không lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để gây chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo; hoặc xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo của người khác.

– Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo; biết tuyên truyền, phổ biến, vận động, nhắc nhở bạn bè và những người xung quanh cùng thực hiện; không vi phạm.



Luyện tập

1. Em đồng ý hay không đồng ý với nhận định nào dưới đây? Vì sao?
- A. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác là nghĩa vụ của mỗi công dân.
- B. Mỗi người chỉ được theo một tín ngưỡng hoặc tham gia một tôn giáo là quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
- C. Các tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được hoạt động tự do trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật Nhà nước Việt Nam.
- D. Công dân được tự do lựa chọn theo hoặc không theo một tín ngưỡng, tôn giáo mà không ai được cưỡng bức hay cản trở.

2. Theo em, hành vi nào dưới đây vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo? Theo em, các hành vi đó có thể dẫn đến hậu quả gì?
- A. Anh H lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan, khám chữa bệnh cho người dân để trục lợi.
 - B. Chị P là tín đồ tôn giáo thực hiện tốt cả việc đạo và việc đời; luôn tuân thủ và chấp hành tốt chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
 - C. Bố mẹ T ép buộc T phải theo một tôn giáo mà gia đình đang theo.
 - D. Khi biết gia đình chị H theo tôn giáo, gia đình bà B đã tìm cách ngăn cản con trai mình kết hôn với chị H.
 - E. Chị N và anh G cùng tốt nghiệp ở một trường đại học, cả hai người đều có đủ điều kiện và đạt yêu cầu tuyển dụng của Công ty K nhưng Giám đốc Công ty K lại kí quyết định nhận anh G vào làm việc với lí do anh G là người không theo tôn giáo.
3. Em hãy nêu những việc nên làm, những việc không nên làm để thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
4. Em hãy xử lí các tình huống sau:
- a. Ở xã X thuộc tỉnh H, người dân theo các tôn giáo khác nhau và chung sống rất đoàn kết. Gần đây, xuất hiện một số người đến xã X lấy danh nghĩa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để tuyên truyền về một tôn giáo mới. Từ khi nhóm người này xuất hiện thì nhiều người dân trong xã trở nên sống khép kín, ít giao lưu, có người còn từ chối tham gia các hoạt động cộng đồng và tụ tập làm mất trật tự an toàn xã hội.
Nếu là người dân của xã X, em sẽ làm gì để thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo?
 - b. Thấy hàng xóm có hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, B không đồng tình nhưng không biết làm cách nào để ngăn cản hành vi đó.
Nếu là B, em sẽ xử lí như thế nào?



Vận dụng

1. Em hãy kể về một việc làm thể hiện việc thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà em biết hoặc chứng kiến và rút ra bài học cho bản thân.
2. Em hãy viết bài/vẽ tranh/thiết kế đồ họa thông tin có nội dung tuyên truyền về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo của công dân.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Bắt, giữ	Bắt và tạm giữ người bị tình nghi phạm tội mà không cần lệnh của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Bắt, giữ là việc làm cấp bách nhằm xác định và củng cố các chứng cứ của tội phạm.	120
Bắt người đang bị truy nã	Truy tìm, lùng bắt bị can, bị cáo bỏ trốn mà có lệnh truy nã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	118
Cử tri	Người có quyền bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân; có quyền bỏ phiếu bãi nhiệm các đại biểu do mình bầu ra khi các đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.	92, 98, 99, 100, 137, 148
Chỉ số giá tiêu dùng CPI	Chỉ số phản ánh sự thay đổi mức giá trung bình của một số lượng cố định các loại hàng hoá, dịch vụ (được gọi là giỏ hàng hoá) được chọn đại diện cho tiêu dùng, phục vụ đời sống bình thường của người dân mà một hộ gia đình điển hình mua tại một thời điểm so với thời kì gốc.	37, 38
Độ tuổi lao động	Giới hạn về những điều kiện tâm sinh lí, xã hội của con người khi tham gia vào quá trình lao động.	21, 27, 30, 31, 32, 33, 35
Hoạt động tôn giáo	Việc truyền bá, thực hành giáo lí, giáo luật, lễ nghi, quản lí tổ chức của tôn giáo.	87, 88, 146, 147
Hoạt động tín ngưỡng	Hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hoá, đạo đức xã hội.	146, 147

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Lực lượng lao động	Những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, đang có việc làm hoặc đang tích cực tìm kiếm việc làm.	27, 28, 30, 31, 32, 33, 35, 36
Ngôn luận	Dùng lời nói để diễn đạt, bày tỏ công khai ý kiến, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân để bàn bạc về một vấn đề gì đó trong các lĩnh vực của đất nước nói chung, của địa phương, đơn vị, cơ quan, trường học nói riêng.	69, 135, 136, 137, 138, 141, 142, 143, 144, 148
Tổng cầu	Giá trị của toàn bộ lượng hàng hoá và dịch vụ mà các chủ thể trong nền kinh tế sẵn sàng mua tương ứng với mức giá cả, thu nhập và các biến số khác (lãi suất, thuế, chi tiêu của Chính phủ, chính sách xuất nhập khẩu, điều kiện kinh tế thế giới,...).	39, 40
Tổ chức tôn giáo	Tập hợp những người cùng tin theo một hệ thống giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận.	87, 88, 146, 147,
Ứng cử	Việc một người tự xét thấy mình có đủ tiêu chuẩn, trình độ, năng lực có nguyện vọng ghi tên vào danh sách ứng cử viên hoặc được cơ quan, tổ chức giới thiệu để đưa vào danh sách ứng cử viên để có thể được bầu làm đại biểu tại các cơ quan dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) hoặc làm lãnh đạo tại các cơ quan, tổ chức, đoàn thể.	69, 75, 76, 83, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 147

MỤC LỤC

Trang

GIÁO DỤC KINH TẾ	
CHỦ ĐỀ 1. CẠNH TRANH, CUNG, CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	
Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	6
Bài 2. Cung, cầu trong kinh tế thị trường	12
CHỦ ĐỀ 2. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM	
Bài 3. Thị trường lao động	20
Bài 4. Việc làm	25
CHỦ ĐỀ 3. THẤT NGHIỆP, LẠM PHÁT	
Bài 5. Thất nghiệp	31
Bài 6. Lạm phát	38
CHỦ ĐỀ 4. Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH	
Bài 7. Ý tưởng cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	45
CHỦ ĐỀ 5. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH	
Bài 8. Đạo đức kinh doanh	54
CHỦ ĐỀ 6. VĂN HOÁ TIÊU DÙNG	
Bài 9. Văn hoá tiêu dùng	59

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

CHỦ ĐỀ 7. QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN

Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	67
Bài 11. Bình đẳng giới trong đời sống xã hội	73
Bài 12. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	84

CHỦ ĐỀ 8. MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Bài 13. Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội	91
Bài 14. Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử	97
Bài 15. Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo	103
Bài 16. Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc	111

CHỦ ĐỀ 9. MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Bài 17. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm	116
Bài 18. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở	124
Bài 19. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín	129
Bài 20. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin	135
Bài 21. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo	145
Giải thích thuật ngữ	152

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ẨM
Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH

Thiết kế sách:
NGUYỄN THỊ THANH HIỀN

Trình bày bìa:
NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in:
NGUYỄN THỊ THUỶ LINH

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11

Mã số:
ISBN:
In, khổ 19 x 26,5cm, tại
Địa chỉ:
Số xác nhận đăng ký xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Giáo dục kinh tế và pháp luật 11* được biên soạn nhằm giúp học sinh học tập và rèn luyện theo các chuẩn mực pháp luật và yêu cầu phát triển kinh tế ở mức độ phù hợp với lứa tuổi.

Nội dung sách gồm 21 bài học theo 9 chủ đề được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Mỗi bài học được thiết kế thành các hoạt động học tập đa dạng, hấp dẫn, phù hợp với học sinh lớp 11.

Sách được trình bày đẹp, với nội dung và hình ảnh sinh động, màu sắc tươi sáng, hấp dẫn, giúp học sinh học tập hứng thú, tích cực và hiệu quả. Sách được biên soạn bởi tập thể tác giả - những nhà khoa học, nhà giáo tâm huyết, giàu kinh nghiệm về lĩnh vực giáo dục công dân cho học sinh phổ thông



SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

